

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 141./CBTT-TMS

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 04 năm 2024

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDK TP.HCM**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Tên doanh nghiệp: **CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX**

Mã chứng khoán: TMS

Địa chỉ trụ sở chính: 172 (Lầu 9-10) Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 84-8 2220 2888

Fax: 84-8 2220 2889

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Thị Thái Nhi

Địa chỉ: 172 (Lầu 9-10) Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (cơ quan): 84-8 2220 2888

Fax: 84-8 2220 2889

Loại thông tin công bố : định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Transimex (chi tiết như file đính kèm).

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 19/04/2024 tại đường dẫn: www.transimex.com.vn

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

Báo cáo thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Transimex.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, NCBTT (1)

Người được ủy quyền công bố thông tin



Nguyễn Thị Thái Nhi



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

ANUAL REPORT 2023

NỘI DUNG

- 04** Sự kiện nổi bật năm 2023
- 06** Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị
- 09** Thông tin chung
- 10** Lịch sử phát triển
- 12** Ngành nghề kinh doanh
- 13** Địa bàn kinh doanh
- 14** Định hướng phát triển
- 18** Các rủi ro trong kinh doanh dịch vụ và các biện pháp giảm thiểu rủi ro
- 20** Thành tích
- 22** Tâm nhìn, Sứ mệnh, Giá trị cốt lõi
- 24** Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết

- 26** Sơ đồ tổ chức
- 28** Tổ chức nhân sự
- 34** Hội đồng quản trị
- 36** Ban Điều Hành
- 37** Ban kiểm soát

- 39** Tình hình hoạt động
- 41** Tình hình tài chính
- 46** Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ
- 47** Báo cáo và đánh giá của Ban điều hành
- 51** Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2023 và kế hoạch năm 2024
- 58** Báo cáo hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập năm 2023 và kế hoạch năm 2024
- 61** Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2023

- 66** Báo cáo kiểm toán độc lập
- 68** Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- 71** Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- 72** Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- 74** Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CONTENT

- 04** Key Events
- 09** General information
- 10** Development Milestone
- 12** Business Lines
- 14** Development orientation
- 18** Business Risk And Mitigation Strategy
- 20** Achievements
- 22** Vision, Mission, Core Values

- 26** Organizational Structure
- 34** Board of Directors
- 36** Executive Board
- 37** Supervisory Board

- 128** Chairman's Key Message
- 130** Financial condition
- 134** Report on transaction in shares of internal person
- 136** Report of The Executive Board on Business Performance in 2023 and Business Plan in 2024
- 140** Report on Board of Directors activities in 2023 and plan for 2024
- 147** Report on the activities of Independent Board Members in 2023 and plan for 2024
- 150** Report on the activities of The Supervisory Board in 2023

- 156** Independent Auditor's Report
- 158** Consolidated Balance Sheet
- 161** Consolidated Income Statement
- 163** Consolidated Cash Flow Statement
- 166** Notes To The Consolidated Financial Statement

CÁC SỰ KIỆN NỔI BẬT

Key events



Tiếp tục xếp hạng TOP 500 Doanh nghiệp lớn Việt Nam (VNR500) năm 2023.

Continue to be ranked as Top 500 largest Vietnamese enterprises in 2023 (VNR500).



Transimex đạt giải thưởng thương hiệu vàng Thành phố Hồ Chí Minh năm 2023 do Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh trao tặng.

Transimex won the Ho Chi Minh City Gold Brand Award in 2023 awarded by the People's Committee of Ho Chi Minh City.



Transimex được vinh danh TOP 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam năm 2023.

Ranked in the TOP 50 largest listed companies in Vietnam for the year of 2023.



TOP 10 Công ty Vận tải và Logistics uy tín nhất Việt Nam năm 2023.

Top 10 most prestigious Transport and Logistics companies in Vietnam in 2023.

Tổ chức thành công Lễ kỷ niệm 40 năm thành lập Transimex.

Successfully organized the 40th Anniversary of Transimex's establishment.

Trở thành công ty mẹ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương Mại.

Becoming a parent company of Transportation and Trading Services Joint Stock Company.

Thành lập công ty con – Công ty Cổ phần Cảng Transimex.
Establishment of Transimex Port Corporation.

Trở thành công ty mẹ của Công ty Cổ phần Cảng Mipec.
Becoming a parent company of Mipec Port Joint Stock Company.

Thành lập công ty con – Công ty Cổ Phần Transimex Shipping.
Establishment of Transimex Shipping Corporation.

Khai trương Kho lạnh Long An – Giai đoạn 1.
Granded opening of Long An Cold Storage – Phase 1.

Đầu tư mua Tàu biển Transimex Sun trọng tải 1060 TEUs và chính thức đưa vào hoạt động khai thác.

Investment in purchasing Transimex Sun ships with a tonnage of 1060 TEUs and officially put it into operation.

Đầu tư đóng mới và đưa 300 vỏ containers thuộc sở hữu của Transimex vào khai thác.

Invest in building and putting 300 containers owned by Transimex into operation.



THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Lợi nhuận hợp nhất

214 tỷ đồng

Tổng tài sản đạt

7.500 tỷ đồng



Kính thưa Quý Cổ đông, Quý Khách hàng, đối tác và toàn thể Cán bộ nhân viên của Công ty Cổ phần Transimex,

Năm 2023, đánh dấu sự phát triển tròn 40 năm của Transimex, từ vị trí xuất phát vào năm 1983, đến nay, vốn điều lệ của Transimex đạt hơn **1.500 tỷ đồng**; tổng tài sản ước đạt hơn **7.500 tỷ đồng** (tính đến thời điểm 31/12/2023). Trong hành trình 40 năm hình thành và phát triển đó, Transimex đã có mặt rộng khắp Việt Nam, sở hữu và vận hành các trung tâm Logistics, cơ sở hạ tầng Logistics tại các tỉnh thành và vùng kinh tế trọng điểm trên toàn quốc, trở thành một trong những doanh nghiệp dẫn đầu trong ngành cung cấp dịch vụ Logistics tại Việt Nam. Trong tầm nhìn và sứ mệnh của mình, Transimex hướng đến trở thành Tập đoàn cung cấp dịch vụ Logistics tổng thể hàng đầu Việt Nam, từng bước tiến đến hoàn thiện chuỗi cung ứng dịch vụ, cung cấp các giải pháp Logistics với chất lượng tốt nhất cho khách hàng. Với tầm nhìn và sứ mệnh đó, Transimex đã không ngừng mở rộng chuỗi cung ứng các dịch vụ Logistics trên toàn quốc, đánh dấu bởi hàng loạt sự kiện nổi bật trong năm 2023 như hoàn tất các thủ tục trong việc trở thành công ty mẹ của Công ty Cổ phần Cảng Mipec, Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại ("Transco"); tiếp nhận và bàn giao, đưa vào khai thác một tàu biển với sức chở 1060 TUES mang tên Transimex Sun và 300 vỏ container mới mang tên Transimex, đây là con tàu container và những chiếc container đầu tiên mà Transimex sở hữu.

Bên cạnh đó, trong xu thế chuyển đổi số trong lĩnh vực Logistics xanh, Transimex đã không ngừng nghiên cứu, ứng dụng công nghệ trong việc cung ứng các dịch vụ Logistics. Trong chuỗi sự kiện nổi bật 2023 vừa qua, khánh thành và đưa vào vận hành giai đoạn 1 Dự án Kho lạnh Long An tại huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Đây là hệ thống kho lạnh hiện đại bậc nhất trong hệ thống kho bãi của Transimex với khả năng lưu trữ 56.000 vị trí pallet có hệ thống truy xuất, nhập hàng tự động, sử dụng hệ thống kệ tự động thông minh ASRS (Automatic Storage and Retrieval System) điều khiển tự động bằng robot, áp dụng các công nghệ tiên tiến nhất theo tiêu chuẩn Châu Âu với tốc độ truy xuất lên đến 200 pallet/1 giờ. Tiếp tục duy trì sử dụng hệ thống năng lượng mặt trời tại các Trung tâm Logistics Khu công nghệ cao, Trung tâm Logistics Thăng Long, Kho lạnh Long An, Cảng ICD Transimex.

Năm 2023 khép lại, nền kinh tế đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, tăng trưởng thấp hơn kỳ vọng do ảnh hưởng bởi bất ổn tình hình địa chính trị, an ninh lương thực, thiên tai, biến đổi khí hậu... ngày càng gia tăng. Trong tình hình khó khăn chung đó, Transimex cũng đã phải đối mặt với những khó khăn trong hoạt động kinh doanh, nhưng với sự hợp tác của các Quý đối tác, khách hàng và sự tin tưởng của Quý cổ đông cùng với sự dẫn dắt của ban

Điều hành và sự đồng lòng của CBNV, năm 2023 kết quả kinh doanh của toàn Tập đoàn cũng đạt được những thành tựu đáng kể, trong đó tổng doanh thu hợp nhất toàn Tập đoàn tiệm cận **2.390 tỷ đồng**; lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt **214 tỷ đồng**.

Bước sang năm 2024, sẽ là một năm các rủi ro tiềm ẩn từ môi trường kinh tế vẫn còn hiện hữu và sẽ tác động lên triển vọng phục hồi tăng trưởng kinh doanh. Trong bối cảnh đó, Transimex đã xây dựng và đề ra những biện pháp quyết liệt để ứng phó, thích nghi.

Transimex sẽ tiếp tục củng cố và phát triển các mảng dịch vụ cốt lõi và truyền thống; Tăng cường công tác quản trị nội bộ trong toàn Tập đoàn; tiếp tục từng bước hoàn thiện và ứng dụng chuyển đổi số trong lĩnh vực Logistics, phát triển các hoạt động Logistics xanh. Nghiên cứu cho ra đời các sản phẩm dịch vụ mới bên cạnh các dịch vụ truyền thống của Tập đoàn nhằm bổ sung, đa dạng hóa chuỗi cung ứng dịch vụ, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng và thị trường (dịch vụ logistics được phẩm; dịch vụ logistics cho ngành thời trang cao cấp; dịch vụ chiếu xạ hàng hóa; dịch vụ lưu trữ, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm...).

Với nền tảng vững chắc được xây dựng bền bỉ trong suốt hơn bốn thập kỷ qua, cùng với sự tin tưởng, ủng hộ của Quý Cổ đông, Transimex kỳ vọng bước vào năm 2024 sẽ đạt được kế hoạch kinh doanh đã đề ra, củng cố thêm vị thế trong ngành Logistics tại thị trường Việt Nam, đồng thời gia tăng lợi ích lâu dài của Quý cổ đông, đóng góp nhiều hơn nữa cho cộng đồng.

Nhân dịp này, Chúng tôi chân thành cảm ơn Quý vị cổ đông, Quý vị đối tác và khách hàng đã hết sức ủng hộ Chúng tôi trong thời gian qua. Tôi cũng chân thành cảm ơn các thành viên Ban điều hành cùng toàn thể cán bộ nhân viên đã cống hiến hết sức mình cho sự phát triển của Transimex.

Kính chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt.

Trân trọng,

BÙI TUẤN NGỌC

CHỦ TỊCH HĐQT



THÔNG TIN KHÁI QUÁT GENERAL INFORMATION

Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX**
Tên tiếng Anh: **TRANSIMEX CORPORATION**
Tên giao dịch: **TRANSIMEX**
Mã chứng khoán: **TMS**

Vietnamese Name: **CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX**
English Name: **TRANSIMEX CORPORATION**
Trading Name: **TRANSIMEX**
Securities Code: **TMS**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301874259 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 03/12/1999 (được sửa đổi bổ sung tại từng thời điểm).

Enterprise Registration Certificate No. 0301874259 granted by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City on December 03rd, 1999 (as amended from time to time).

Vốn điều lệ: **1.582.705.280.000 VND**
(Một nghìn năm trăm tám mươi hai tỷ bảy trăm linh năm triệu hai trăm tám mươi ngàn Đồng Việt Nam).

Charter Capital: **1,582,715,480,000 VND**
(One thousand five hundred and eighty-two billion seven hundred fifteen million four hundred and eighty thousand Vietnamese Dong).

Số lượng cổ phiếu đã phát hành (đến 31/12/2023):
158.270.528 cổ phiếu.

Number of the issued shares (December 31st, 2023):
158,270,528 shares.

Địa chỉ trụ sở chính:
172 (lầu 9-10) Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. HCM, Việt Nam.

Address:
172 (9th-10th Floor) Hai Ba Trung Street, Da Kao Ward, District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Tel: **(84-28) 2220 2888**
Fax: **(84-28) 2220 2889**
Email: **info@transimex.com.vn**
Website: **www.transimex.com.vn**

Tel: **(84-28) 2220 2888**
Fax: **(84-28) 2220 2889**
Email: **info@transimex.com.vn**
Website: **www.transimex.com.vn**

LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN

Development Milestone

1983 Thành lập Công ty Kho vận Giao nhận Ngoại thương, là tiền thân của Công ty Cổ phần Transimex, trụ sở tại 172 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Establishment of the Transforwarding Warehousing Company, which was the precursor of the Transimex Corporation, located at 172 Hai Ba Trung Street, Da Kao Ward, District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam.

1997 Thành lập Cảng ICD Transimex tại Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Establishment of Transimex ICD Port (Inland Clearance Depot) at Truong Tho Ward, Thu Duc District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

2000 T.01 Transimex chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần theo QĐ số 989/QĐ-TTg, ngày 26/10/1999 của Thủ Tướng Chính phủ.
T.03 Thành lập Chi nhánh tại Đà Nẵng, Hà Nội và Hải Phòng.
T.08 Niêm yết 2.200.000 Cổ phiếu của Transimex (Mã CK: TMS) tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. HCM.

Jan. Transimex officially converted and operated as a joint stock company according to Decision No. 989/QĐ-TTg, dated October 26th, 1999 of the Prime Minister.

Mar. Establishment of Da Nang Branch, Ha Noi Branch and Hai Phong Branch.

Aug. Listing 2,200,000 shares of Transimex (Code: TMS) at HOSE.

2009 T.03 Thành lập Công ty TNHH MTV Vận tải Giao nhận Ngoại thương (TMS Trans).

T.04 Tòa nhà TMS|BUILDING tại 172 Hai Bà Trưng, P. Đa Kao, Q.1, TP. HCM chính thức đi vào hoạt động.

Mar. Establishment of Freight Forwarding and Foreign Trade Transportation One-Member Limited Company (TMS Trans).

Apr. Official operation of TMS|BUILDING, located at 172 Hai Ba Trung Street, Da Kao Ward, District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam.

2012 T.04 Ký kết “Thỏa thuận liên kết hợp tác kinh doanh - Hợp tác chiến lược” với Công ty CP Vinafreight.

T.11 Đổi tên từ Công ty Kho vận Giao nhận Ngoại thương thành Công ty Cổ phần Transimex-Saigon.

Apr. Signing “Strategic Business Cooperation Agreement” with Vinafreight Corporation.

Nov. Being officially renamed as “Transimex-Saigon Corporation”.

2013 T.04 Khai trương Trung tâm Phân phối Transimex tại Khu công nghiệp Sóng Thần 2, Tỉnh Bình Dương.

T.08 Chính thức làm Tổng Đại lý cho Hãng tàu Dongjin (Hàn Quốc) tại Việt Nam.

Apr. Grand opening of the Transimex Distribution Center at Song Than 2 Industrial Zone, Binh Duong Province

Aug. Officially acting as Dongjin Shipping (Korea) in Vietnam.

2015 Khai trương Trung tâm Logistics Transimex Đà Nẵng tại Khu công nghiệp Hòa Cầm, Thành phố Đà Nẵng.

Grand opening of the Da Nang Transimex Logistics Center at Hoa Cam Industrial Zone, Da Nang.

2016 T.03 Trở thành cổ đông chiến lược của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex) (Mã chứng khoán là CLX)

Khai trương Trung tâm Logistics Transimex Khu Công Nghệ Cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

T.04 Đổi tên từ Công ty Cổ phần Transimex-Saigon thành Công ty Cổ Phần Transimex.

Mar. Becoming a strategic shareholder of Cholimex (Code: CLX)

Grand opening of the Transimex High-Tech Logistics Center at Saigon Hi-Tech Park Ho Chi Minh City.

Apr. Being renamed as “Transimex Corporation”.

2018 Thành lập Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Thăng Long cùng với 04 cổ đông khác bao gồm Công ty Cổ phần Vinafreight, Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải và Ngoại thương, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn và Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Tuấn Mạnh.
T.10 Khai trương Trung tâm Logistics Thăng Long tại tỉnh Hưng Yên.

Established Thang Long Logistics Corporation with 5 Major Shareholders: Transimex Corporation, Vinafreight Corporation, VNT Logistics, Cholimex and Tuan Manh Co., Ltd.

Oct. Grand opening Thang Long Logistics Center in Hung Yen Province.

2019 Hợp tác đầu tư xây dựng Cảng Mipec tại thành phố Hải Phòng.

T.12 Ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty Cổ phần Transimex với Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex) và Công ty Cổ phần Vinafreight để thành lập Công ty Cổ phần Logistics Vĩnh Lộc, đầu tư xây dựng Trung tâm Logistics Vĩnh Lộc.

Co-operating to invest in Mipec Port in Hai Phong City.
Dec. Transimex Corporation signed a co-operation agreement with Cholimex and Vinafreight to build Vinh Loc Logistics Center.

2020 T.12 Thay đổi logo và hệ thống nhận diện thương hiệu mới với slogan: “Simply Better”.

Dec. Changed the Corporate new logo & brand identity system with slogan “Simply Better”.

2021 T.5 Ký kết “Thỏa thuận hợp tác chiến lược, liên kết hợp tác kinh doanh” với Công ty Cổ phần Thủy Đặc Sản.

T.7 Khai trương tàu Transimex 21 với trọng tải 3.780 tấn, sức chở 200 TEUs.

T.10 Thành lập Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Long An.

T.12 Khai trương Trung tâm Logistics Vinatrans Danang.

May. Signing ceremony “Agreement on strategic cooperation, association and business cooperation” with Special Aquatic Joint Stock Company.

Jul. Opening ceremony of the ship Transimex 21 with the tonnage of 3,780 tons and capacity of 200 TEUs.

Oct. Establishment of Long An Logistics Corporation.

Dec. Opening Ceremony of Vinatrans Danang Logistics Center.

2022 T.04 Thành lập Văn phòng Đại diện Công ty Cổ phần Transimex Tại Tỉnh Vĩnh Long.
T.11 Trở thành công ty mẹ của Công ty Cổ phần Cảng Mipec.

Apr. Establishment of Representative Office of Transimex Corporation in Vinh Long Province.

Nov. Becoming a parent company of Mipec Corporation.

2023 T.01 Thành lập công ty con – Công ty Cổ phần Cảng Transimex
T.06 Tổ chức thành công Lễ kỷ niệm 40 năm thành lập Transimex.

Đầu tư mua Tàu biển Transimex Sun trọng tải 1060 TEUs và chính thức đưa vào hoạt động khai thác.

Đầu tư đóng mới và đưa 300 vỏ containers thuộc sở hữu của Transimex vào khai thác.

Thành lập công ty con – Công ty Cổ phần Transimex Shipping

T.09 Khai trương Kho lạnh Long An – Giai đoạn 1

T.11 Trở thành công ty mẹ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương Mại.

Trở thành công ty mẹ của Công ty Cổ phần Cảng Mipec.

Jan. Establishment of Transimex Port Corporation.

Jun. Successfully organized the 40th Anniversary of Transimex’s establishment.

Investment in purchasing Transimex Sun ships with a tonnage of 1060 TEUs and officially put it into operation.

Invest in building and putting 300 containers owned by Transimex into operation.

Establishment of Transimex Shipping Corporation.

Sep. Grand opening of Long An Cold Storage – Phase 1.

Nov. Becoming a parent company of Transportation and Trading Services Joint Stock Company.

Becoming a parent company of Mipec Port Joint Stock Company.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH BUSINESS LINES

Các hoạt động dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải.

Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển; Logistics; Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ, đường biển hoặc đường không; Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa đường biển và hàng không; và các hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương.
Vận tải hàng hóa hàng không.
Dịch vụ đóng gói.
Chuyển phát.

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Hoạt động kinh doanh bất động sản; Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.

Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn.

The transportation support activities.

This class includes Shipping agencies, freight forwarding services; Logistics; and arranging or organizing of transport operations by rail, road, sea or air; Activities of customs agents; Activities of sea-freight forwarders and air-cargo agents; and Other service activities incidental to transportation.

Warehousing and storage.

Freight transport by road.
Coastal and sea freight water transport.
Freight air transport.
Packaging services.
Courier activities.

Trading of own or rented property and land use rights; Real estate activities; Real estate consultancy and brokerage and auctioning, land use right auctioning.

Repair of fabricated metal products.

ĐỊA BÀN KINH DOANH

CẢNG MIPEC

Bán đảo Đình Vũ, Khu KT Đình Vũ Cát Hải, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Hải Phòng

Tel: 02253 265 696

Email: info@mpcport.com

CẢNG ICD TRANSIMEX

429/8 Đường Song Hành Hà Nội, Khu phố 7, Phường Trường Thọ, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tel: (84-28) 3731 1528 - Fax: (84-28) 3731 3079

Email: icd.info@transimex.com.vn

TRUNG TÂM VẬN TẢI THỦY TRANSIMEX

429/8 Đường Song Hành Hà Nội, Khu phố 7, Phường Trường Thọ, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tel: (84-28) 3731 0397 - Fax: (84-28) 3731 0406

CÁC CHI NHÁNH

CHI NHÁNH TRANSIMEX TẠI HÀ NỘI

Tầng 9 - 10 - 11 Grand Building, số 30 - 32, phố Hòa Mã, Phường Phạm Đình Hổ, Q. Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội, Việt Nam.

Tel: (84-24) 3632 0241 - Fax: (84-24) 3632 0246

Email: tmshan.info@transimex.com.vn

CHI NHÁNH TRANSIMEX TẠI HẢI PHÒNG

Lô 2B Số 5 Khu đô thị mới Sân bay Cát Bi, P.Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Thành Phố Hải Phòng.

Tel: (84-225) 3757 068 - Fax: (84-225) 3757 099

Email: tmsph.info@transimex.com.vn

CHI NHÁNH TRANSIMEX TẠI ĐÀ NẴNG

184 Trần Phú, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam.

Tel: (84-236) 356 1587 - 356 1587

Fax: (84-236) 356 1589

Email: tmsdn.info@transimex.com.vn

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI ĐỒNG NAI

4D, Tổ 15D, Khu phố 2, Phường Bình Đa, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Tel: (84-251) 629 3458 - Fax: (84-251) 629 3485

Email: dno.info@transimex.com.vn

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI BẾN TRE

Xã Quới Sơn, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Tel: (84-275) 363 6679 - Fax: (84-275) 363 6579

Email: tmsbt.info@transimex.com.vn

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI VĨNH LONG

Số A2-28, Khu Dân cư Bình Minh, Ấp Mỹ Lợi, Xã Mỹ Hòa, Thị Xã Bình Minh, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam.

Tel: (84-28) 2220 2888 - Fax: (84-28) 2220 2889

Email: info@transimex.com.vn

CÁC TRUNG TÂM LOGISTICS VÀ TRUNG TÂM PHÂN PHỐI

TRUNG TÂM LOGISTICS TRANSIMEX TẠI ĐÀ NẴNG

Lô C 2-9, Đường số 10, KCN Hòa Cẩm, Phường Hoà Thọ Tây, Quận Cẩm Lệ, Tp. Đà Nẵng, Việt Nam.

Tel: (84-236) 379 8668 - 379 8778

Fax: (84-236) 378 5678

Email: logisticscenter_tmsdn@transimex.com.vn

TRUNG TÂM LOGISTICS THĂNG LONG TẠI HƯNG YÊN

Xã Dị Sử, Huyện Mỹ Hòa, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Tel: (84-221) 3589 886 - Fax: (84-221) 3589 887

Email: info@tll.com.vn - Website: www.tll.com.vn

TRUNG TÂM LOGISTICS KHU CÔNG NGHỆ CAO TP. HCM

Lô BT, Đường D2, Khu Công Nghệ Cao TP. Hồ Chí Minh, Phường Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. HCM, Việt Nam.

Tel: (84-28) 3720 6666 - Fax: (84-28) 3720 6777

Email: tmssthp.info@transimex.com.vn

TRUNG TÂM PHÂN PHỐI TRANSIMEX TẠI BÌNH DƯƠNG

Đường Số 23, Khu Công Nghiệp Sóng Thần 2, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Tel: (84-274) 3794 676 - Fax: (84-274) 3794 678

Email: transimex-dc@transimex.com.vn

TRUNG TÂM LOGISTICS VINATRANS DA NANG

Đường số 2, Khu Công Nghiệp Hòa Cẩm, TP. Đà Nẵng.

Tel: (84-236) 3675 929 - Fax: (84-236) 3821 310

Email: infor@vinatransdn.com.vn

Web: www.vinatransdn.com

KHO LẠNH LONG AN

Lô E2-E3, Đường VL7, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc 2, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.

Tel: (84-272) 3818 668

Web: www.vinatransdn.com



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

DEVELOPMENT ORIENTATION

1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Trở thành nhà cung cấp dịch vụ logistics tổng thể hàng đầu Việt Nam.
- Đầu tư sở hữu các cơ sở hạ tầng logistics tại các vùng kinh tế trọng điểm trên cả nước.
- Dẫn đầu về phát triển bền vững logistics thông qua xanh hóa hoạt động dịch vụ logistics và tuân thủ bộ tiêu chuẩn ESG.

2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Đầu tư - Phát triển dịch vụ chuỗi cung ứng logistics lạnh và tất cả các loại hàng hóa có kiểm soát nhiệt độ.
- Phát triển các giải pháp lưu trữ - phân phối tiên tiến hiệu quả cho tất cả các loại hàng hóa.
- Phát triển chuỗi cung ứng dịch vụ logistics end-to-end.
- Chuyển đổi công nghệ:
 - Công ty tiếp tục đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động kinh doanh cũng như tăng cường ứng dụng công nghệ tiên tiến và tự động hóa trong vận hành dịch vụ logistics.
 - Đẩy mạnh việc ứng dụng AI trong quản trị logistics và trong công tác quản trị chung của Công ty.

e. Phát triển sản phẩm dịch vụ mới:

Nghiên cứu cho ra đời các sản phẩm dịch vụ mới phục vụ khách hàng: Bên cạnh các sản phẩm dịch vụ truyền thống, Công ty chú trọng việc nghiên cứu phát triển các sản phẩm dịch vụ mới nhằm bổ sung, đa dạng hóa chuỗi cung ứng dịch vụ, đáp ứng nhu cầu của thị trường (dịch vụ logistics dược phẩm, dịch vụ logistics cho ngành hàng thời trang cao cấp hàng hóa giá trị cao...), phát triển các giá trị gia tăng như crossdocking, phân phối giao hàng, lưu trữ chứng từ, kho hàng cá nhân tự quản... .

3. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng), chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:

1. Key objectives of the company:

- Become the leading total logistics service provider in Vietnam.
- Invest and operate logistics infrastructure at all of the key economic area across the country.
- Leading in sustainable logistics development throughout green logistics service activities and complying with ESG standards

2. Medium and long-term development strategy:

- Invest and develop cold chain logistics and all kind of temperature-controlled cargo.
- Develop advanced and efficient storage and distribution solutions for all types of goods.
- Develop end-to-end logistics service supply chains.
- Technology transformation:
 - The company continues to promote the application of information technology in business activities as well as strengthening the application of advanced technology and automation in logistics service operations.
 - Promote the application of AI in logistics management and in the company's general management

e. New service products development:

Research and develop new service products to serve customers: In addition to traditional products and services, the Company focuses on researching and developing new products and services to supplement and diversify the service supply chain, meeting market needs (pharmaceutical logistics services, logistics services for the hi-end fashion industry, logistics service for luxury goods...). Develop value-added services such as cross-docking, distribution, document storage, self-storage... .

3. Sustainable development goals (Environment, social and community), related short-term and medium-term programs of the company:

3.1 Về môi trường:

Công ty tiếp tục thực hiện chiến lược phát triển logistics bền vững thông qua việc phát triển logistics xanh, luôn chú trọng và hướng đến sử dụng các công nghệ để bảo vệ môi trường trong quá trình hoàn thiện chuỗi cung ứng dịch vụ logistics và áp dụng bộ tiêu chuẩn ESG.

Các hoạt động cụ thể như sau:

- Thực hiện báo cáo tác động môi trường
Mời các đơn vị chuyên trách thực hiện đo quan trắc môi trường về không khí, bụi, độ ồn, ... cho các địa điểm có kinh doanh dịch vụ kho, bãi.
- Chống ô nhiễm môi trường
 - Tổ chức tập huấn Quản lý chất thải nguy hại cho CB-NV Công ty.
 - Ký hợp đồng thu gom chất thải nguy hại và chuyển giao chất thải nguy hại cho Công ty Môi trường Đô thị theo đúng quy định. Báo cáo và cung cấp chứng từ xử lý chất thải nguy hại về Sở Tài nguyên và Môi trường theo đúng quy định.
 - Công ty đã đầu tư các hệ thống lọc nước hiện đại để lọc 100% nước thải trong quá trình hoạt động trước khi thải ra môi trường.
 - Tạo ra nơi làm việc xanh – sạch – đẹp, chú trọng đầu tư các mảng xanh trong khuôn viên văn phòng, kho bãi của Công ty, đồng thời, phát động phong trào vệ sinh nơi làm việc và khu vực xung quanh văn phòng, kho bãi của Công ty, chăm sóc và trồng thêm cây xanh, cây ăn trái để tạo mảng xanh và phủ xanh khu vực làm việc, tạo môi trường làm việc trong lành cho người lao động.
 - Chuyển đổi và tăng cường sử dụng các giải pháp hạn chế việc sử dụng các chất thải như: sử dụng dây đai gia cố hàng hóa chất lên kệ thay cho màng co PE (làm từ hạt nhựa Polyethylene) khó phân hủy.
 - Sử dụng các loại bóng LED có tuổi thọ cao, thân thiện với môi trường mặc dù chi phí cao hơn các loại bóng thông thường.

3.1 Environment:

The company continues to implement the sustainable logistics development strategy through the development of green logistics, always focusing on and aiming to use technologies to protect the environment in the process of completing the logistics service supply chain and applying ESG standards.

Specific activities are as follows:

- Conduct environmental impact assessment
Invite specialized organization to conduct environmental monitoring of air, dust, noise, ... at all locations having warehousing, container yard service activities.
- Environment pollution prevention
 - Organizing hazardous waste management training for the company's employees.
 - Contracting to the Urban Environment company for hazardous waste collection and transfer of hazardous waste in accordance to the regulations. Report and provide certificates of hazardous waste treatment to the Department of Natural Resources and Environment in accordance with the regulations.
 - The company has invested in modern water filtration systems to filter 100% of wastewater during operation before discharging it into the environment.
 - Create a green - clean - beautiful workplace, focus on investing in green areas in the office and warehouse premises of the company, at the same time, launch a movement to clean the workplace and the surrounding area of the office, warehouse of the company, care for and plant more trees, fruit trees to create green space and green the working area, creating a healthy working environment for workers.
 - Convert and increase the use of solutions to reduce the use of waste such as: using straps to reinforce goods on shelves instead of PE shrink film (made by PE) which is difficult to decompose.
 - Utilizing longevity LED lighting that are environmentally friendly, although the cost is higher than conventional lightings.

- Tổ chức vận động CB-NV Công ty mang theo bình nước, ly nước để hạn chế sử dụng chai nước bằng nhựa.
- Tổ chức cho CB-NV định kỳ tham gia các hoạt động thu gom rác xung quanh môi trường làm việc.

c. Chống biến đổi khí hậu

Công ty chú trọng sử dụng các sản phẩm, phương tiện nhằm giảm thiểu khí thải:

- Đối với các xe, phương tiện sử dụng nhiên liệu đốt, Công ty đề cao và ưu tiên lựa chọn các hãng xe đến từ các nước Châu Âu có yêu cầu nghiêm ngặt về tiêu chuẩn khí thải Euro 5, một trong những tiêu chuẩn khí thải cao nhất hiện nay.
- Đối với các phương tiện xe nâng sử dụng sử dụng trong kho, Công ty đầu tư 100% loại xe nâng sử dụng bình điện.

Công ty đã tăng cường sử dụng công nghệ để giảm thiểu phát thải nhà kính, cụ thể là đầu tư hệ thống điện năng lượng mặt trời nhằm giải quyết nhu cầu tiêu thụ điện tại doanh nghiệp và góp phần bảo vệ môi trường, giảm áp lực cho mạng lưới truyền tải điện Quốc gia. Tiếp tục phát huy hiệu quả của các dự án đã được triển khai và nghiệm thu thành công trong hệ thống các Công ty con trong tập đoàn Transimex, cụ thể như sau:

- Dự án điện năng lượng mặt trời tại ICD Transimex với diện tích mái 6.600 m², cho công suất 718 KWp.
- Dự án điện năng lượng mặt trời tại Transimex SHTP với diện tích mái 8.600 m², cho công suất 916 KWp.
- Dự án điện năng lượng mặt trời tại Trung tâm Logistics Vinatrans Đà Nẵng với diện tích mái 4.200 m², cho công suất 729 KWp.
- Dự án điện năng lượng mặt trời tại Trung tâm Logistics Thăng Long với diện tích mái 10.100 m², cho công suất 999 KWp.
- Dự án điện năng lượng mặt trời tại Kho lạnh Long An với diện tích mái 10.700 m², cho công suất 1.654 KWp.

Tổng công suất các dự án năng lượng mặt trời áp mái đầu tư là 5.016 KWp, tổng mức bình quân hàng năm sẽ sản xuất điện năng khoảng 7.164 MWh, giảm khối lượng khí thải CO₂ ra môi trường khoảng 5.760 tấn/năm.

- Persuading employees to bring belonging water bottles and cups to reduce the use of plastic bottles.
- Organizing employees to periodically participate into garbage collection activities surrounding their working area

c. Combating climate change

The company focuses on utilizing all facilities which minimize emissions:

- For vehicles using fuel, the company emphasizes and prioritizes choosing brands from European countries with strictly requirements on Euro 5 emission standards, one of the highest emission standards currently.
- Utilizing 100% electric power for all kind of material handling equipments.

The company has increased the use of technology to reduce greenhouse gas emissions, specifically by investing in solar power systems to meet the power consumption needs of businesses and contribute to environmental protection, reducing the pressure of the national power transmission systems. Continue to promote the effectiveness of projects that have been successfully implemented and accepted in the system of subsidiaries in Transimex Group, specifically as follows:

- Solar power project at ICD Transimex with a roof area of 6,600 square meters, with a capacity of 718 KWp.
- Solar power project at Transimex SHTP with a roof area of 8,600 square meters, with a capacity of 916 KWp.
- Solar power project at Vinatrans Da Nang Logistics Center with a roof area of 4,200 square meters, with a capacity of 729 KWp.
- Solar power project at Thang Long Logistics Center with a roof area of 10,100 square meters, with a capacity of 999 KWp.
- Solar power project at Long An Cold Storage with a roof area of 10,700 square meters, with a capacity of 1,654 KWp.

The total installed capacity of rooftop solar power projects is 5,016 KWp, the average annual electricity production will be about 7,164 MWh, reducing CO₂ emissions into the environment by about 5,760 tons/year.



3.2 Về xã hội và cộng đồng:

- Tặng quà cho các em học sinh nghèo hiếu học, hỗ trợ quần áo ấm cho các em có hoàn cảnh khó khăn.
- Vận động cán bộ, đoàn viên, người lao động đóng góp ủng hộ chương trình “Satra vì biển đảo quê hương”.
- Xây dựng nhà tình nghĩa cho người dân có hoàn cảnh khó khăn.
- Thực hiện chương trình học bổng Nguyễn Đức Cảnh hàng năm cho con của CB-NV.
- Tham gia hiến máu nhân đạo tại các chương trình hiến máu tình nguyện.
- Phát động các phong trào vì xã hội, cộng đồng rộng rãi đến các CB-NV trong Công ty.

3.2 Social and Community:

- Donate gifts to poor and studious students, support warm clothes for students in difficult circumstances.
- Mobilize cadres, union members, and workers to contribute to the program “Satra for the homeland sea and islands”.
- Build houses for poor people.
- Implement the Nguyen Duc Canh scholarship program annually for employees’s children.
- Participate in blood donation at voluntary blood donation programs.
- Launch movements for society and community widely to employees in the company.

CÁC RỦI RO TRONG KINH DOANH DỊCH VỤ VÀ CÁC BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU RỦI RO

BUSINESS RISK AND MITIGATION STRATEGY

1. Rủi ro về thị trường kinh doanh dịch vụ logistics

Thị trường dịch vụ logistics Việt Nam là thị trường đang tăng trưởng tuy nhiên vẫn tiềm ẩn những rủi ro nhất định như tình trạng tập trung độc quyền cung cấp dịch vụ logistics tại một số lĩnh vực ngành hàng, hoặc việc các doanh nghiệp logistics Việt Nam khó tiếp cận trực tiếp với các doanh nghiệp FDI.

Các rủi ro về tăng đột biến giá cước vận tải biển liên quan đến khủng hoảng an ninh biển Hồng Hải.

2. Rủi ro về tài chính:

Chênh lệch tỷ giá cũng như tình hình lãi suất cho vay cao là những rủi ro tiềm ẩn đáng cảnh báo, đây cũng là lý do các doanh nghiệp logistics nhỏ và vừa không mạnh dạn đầu tư vào cơ sở hạ tầng và góp phần làm giảm khả năng cạnh tranh của cộng đồng các doanh nghiệp logistics thuần Việt.

1. Risks on logistics service market

Vietnam logistics market is an emerging market but having got risky circumstances such as the situation of exclusively on providing logistics service for a certain industry or difficult to approach the FDI enterprises from the Vietnamese logistics enterprises.

The risk of ocean freight sudden increasing which is concerning to the Red Sea ongoing crisis.

2. Risk on financial factors:

The rate of exchange gap so far happening in Vietnam, as well as the high bank loan interest are also the alerted risk. These are also the reason that SME logistics are not willing to invest into logistics facilities and infrastructure, which partly made low competition capability of pure Vietnamese logistics enterprises.

3. Rủi ro về nguồn nhân lực:

Nguồn nhân lực đáp ứng cho ngành dịch vụ logistics đang thiếu hụt, do vẫn thiếu các cơ sở đào tạo chuyên nghiệp hoặc đào tạo không đủ cung cấp cho thị trường. Transimex hiện cũng đang thiếu những nhân sự quản lý cấp cao.

4. Những biện pháp giảm thiểu rủi ro

Đầu tư thêm phương tiện và hạ tầng phục vụ logistics, mở rộng địa bàn đến những vùng trọng điểm trên cả nước nhằm đủ khả năng cung cấp tất cả các loại dịch vụ logistics cho khách hàng.

Huy động nguồn lực tài chính từ các cổ đông, cũng như tạo sự đồng thuận trong các chủ trương đầu tư vào cơ sở vật chất phục vụ cho dịch vụ kinh doanh cốt lõi của Công ty là logistics.

Tăng cường tự đào tạo nguồn nhân lực, kết hợp với thường xuyên gửi cán bộ/nhân viên đi đào tạo nghề logistics, bảo đảm nguồn nhân lực cho sự phát triển của công ty.

3. Risk on weak of human resources:

The human resource supply is weak in Vietnam logistics market, the reason is lack of training organization and/or not enough supply of man power. Transimex Group is also looking for senior and skillful management staffs.

4. Mitigation strategy of Transimex Group

Invest into logistics facilities and infrastructure to covering all key regions of the nation in order to capable provide all kind of logistics services to customer.

Arrangement all sources from major shareholders, as well as to make a higher agreement from all shareholders for all of projects which will be support to core business.

Strengthening on in-house training together with vocational logistics training to ensure a capable human resources in order to meet the growth of company.





THÀNH TÍCH ACHIEVEMENTS

1990	<ul style="list-style-type: none"> Thành viên của Hiệp hội FIATA – Liên đoàn các Hiệp hội Giao nhận Vận tải Quốc tế. 	<ul style="list-style-type: none"> Member of the FIATA – International Federation of Freight Forwarders Association. 	
1993	<ul style="list-style-type: none"> Thành viên của VCCI - Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam. 	<ul style="list-style-type: none"> Member of the VCCI - Vietnam Chamber of Commerce Industry. 	
1994	<ul style="list-style-type: none"> Thành viên của VIFFAS - Hiệp hội Giao nhận Kho vận Việt Nam, nay là VLA - Hiệp hội Doanh nghiệp Dịch vụ Logistics Việt Nam. 	<ul style="list-style-type: none"> Member of the VLA - VietNam Logistics Association 	
2000	<ul style="list-style-type: none"> Thành viên của IATA - Hiệp hội Vận tải Hàng không Quốc tế. 	<ul style="list-style-type: none"> Member of the IATA - International Air Transport Association. 	
2003	<ul style="list-style-type: none"> Chứng nhận cam kết chất lượng đạt chuẩn ISO 9001-2000 do SGS cấp. 	<ul style="list-style-type: none"> Received Certificate from SGS for ISO 9001-2000 	
2010	<ul style="list-style-type: none"> Chứng nhận cam kết chất lượng đạt chuẩn ISO 9001-2008 do SGS cấp. 	<ul style="list-style-type: none"> Received Certificate from SGS for ISO 9001-2008 	
2016	<ul style="list-style-type: none"> T.08 Chứng nhận cam kết chất lượng đạt chuẩn ISO 9001-2015 do SGS cấp. T.12 Transimex được xếp hạng TOP 500 Doanh nghiệp lớn Việt Nam năm 2016 (VNR500) do Công ty Cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report), kết hợp cùng Báo VietnamNet bình chọn. 	<ul style="list-style-type: none"> Aug. Received Certificate from SGS for ISO 9001-2015. Dec. Ranked in the TOP 500 largest Vietnamese enterprises in 2016 (VNR500) by the Vietnam Report Joint Stock Company (Vietnam Report) in conjunction with VietnamNet Newspaper. 	
2017	<ul style="list-style-type: none"> T.09 Transimex được vinh danh TOP 50 Công ty niêm yết lớn nhất Việt Nam 2017. T.12 Transimex được xếp hạng TOP 500 Doanh nghiệp lớn Việt Nam năm 2017 (VNR500) do Công ty Cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report), kết hợp cùng Báo VietnamNet bình chọn. 	<ul style="list-style-type: none"> Sep. Ranked in the TOP 50 largest listed companies in Vietnam for the year of 2017. Dec. Ranked in the TOP 500 largest Vietnamese enterprises in 2017 (VNR500) by the Vietnam Report Joint Stock Company (Vietnam Report) in conjunction with VietnamNet Newspaper. 	
2018	<ul style="list-style-type: none"> Xếp hạng TOP 500 Doanh nghiệp lớn Việt Nam (VNR500) năm 2018 và TOP 10 Doanh nghiệp Logistics uy tín nhất Việt Nam. 	<ul style="list-style-type: none"> Ranked as TOP 500 largest Vietnamese enterprise in 2018 (VNR500) and Top 10 most reputed Vietnamese Logistics companies. 	
2019	<ul style="list-style-type: none"> Xếp hạng TOP 500 Doanh nghiệp lớn Việt Nam (VNR500) năm 2019 và TOP 10 Doanh nghiệp Logistics uy tín nhất Việt Nam. Doanh nghiệp xuất sắc khu vực Châu Á - Thái Bình Dương (APEA) năm 2019 do Enterprise Asia vinh danh và trao giải thưởng. 	<ul style="list-style-type: none"> Ranked as TOP 500 largest Vietnamese enterprise in 2019 (VNR500) and TOP 10 reputable Vietnamese Logistics companies. Transimex Corporation has received the Corporate Excellence Award 2019 awarded by Asia Pacific Enterprise Awards (APEA) 	

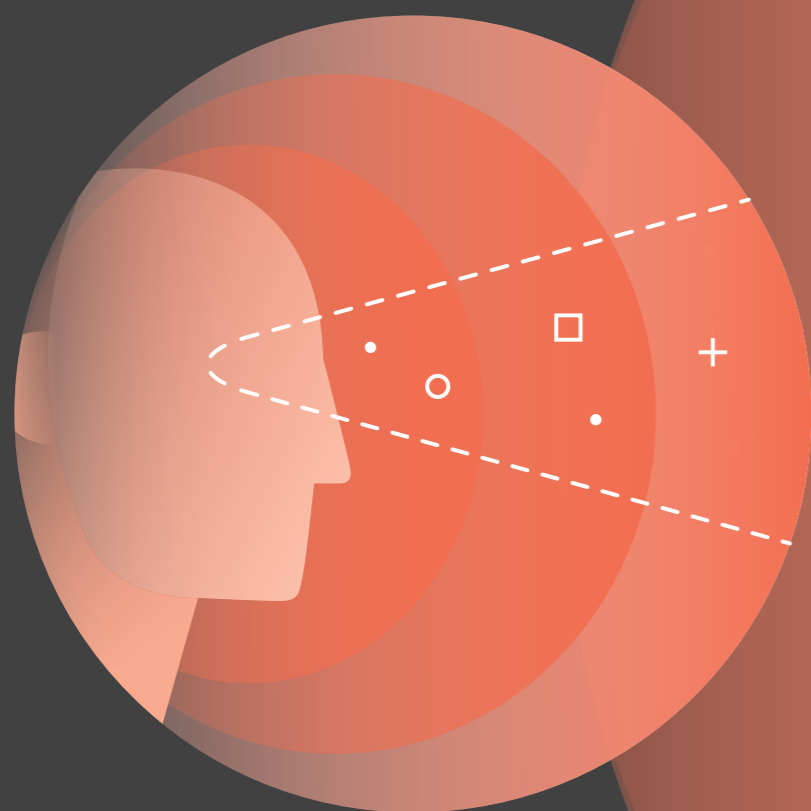
2020	<ul style="list-style-type: none"> Thành viên của Hiệp hội WCA - Hiệp Hội Hàng Hóa Toàn Cầu (World Cargo Alliance). Tiếp tục xếp hạng TOP 500 Doanh nghiệp lớn Việt Nam (VNR500) năm 2020 và TOP 10 Doanh nghiệp Logistics uy tín nhất Việt Nam. TOP 50 doanh nghiệp tăng trưởng xuất sắc thuộc bảng xếp hạng Fast 500 năm 2020. TOP 100 doanh nghiệp bền vững của quốc gia năm 2020. Doanh nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh tiêu biểu năm 2020. 	<ul style="list-style-type: none"> Member of the WCA - World Cargo Alliance. Continue to be ranked as the Top 500 largest Vietnamese enterprises in 2018 (VNR500) and the Top 10 most reputed Vietnamese Logistics companies. TOP 50 excellent growing enterprises in the Fast 500 list in 2020. TOP 100 National Sustainable Enterprises in 2020. Typical Ho Chi Minh City Enterprises in 2020. 	
2021	<ul style="list-style-type: none"> Tiếp tục xếp hạng TOP 500 Doanh nghiệp lớn Việt Nam (VNR500) năm 2021. Top 50 Doanh nghiệp kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam năm 2020 & 2021. TOP 10 Công ty Vận tải và Logistics uy tín nhất Việt Nam năm 2021. 	<ul style="list-style-type: none"> Continue to be ranked as Top 500 largest Vietnamese enterprises in 2021 (VNR500). Top 50 Most Effective Business Enterprises in Vietnam in 2020 & 2021. Top 10 most prestigious Transport and Logistics companies in Vietnam in 2021. 	
2022	<ul style="list-style-type: none"> Transimex tiếp tục xếp hạng TOP 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2022 (VNR500). Transimex tiếp tục duy trì vị trí thứ 4 trong TOP 10 Công ty Uy tín ngành Logistics năm 2022. Transimex tiếp tục được vinh danh TOP 50 Công ty Kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam năm 2022. Transimex được vinh danh TOP 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam năm 2022. TOP 50 doanh nghiệp tăng trưởng xuất sắc thuộc bảng xếp hạng Fast 500 năm 2022. 	<ul style="list-style-type: none"> Continue to be ranked as TOP 500 largest Vietnamese enterprises in 2022 (VNR500). Maintain the 4th position in the TOP 10 most Prestigious Logistics Companies in 2022. Continue to be honored in the TOP 50 Most Effective Business Enterprises in Vietnam in 2022. Ranked in the TOP 50 largest listed companies in Vietnam for the year of 2022. TOP 50 excellent growing enterprises in the Fast 500 list in 2022. 	
2023	<ul style="list-style-type: none"> Transimex tiếp tục xếp hạng TOP 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2023 (VNR500). Transimex đạt giải thưởng thương hiệu vàng Thành phố Hồ Chí Minh năm 2023 do Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh trao tặng. Transimex tiếp tục được vinh danh TOP 10 Công ty Uy tín ngành Logistics năm 2023. Transimex tiếp tục được vinh danh TOP 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam năm 2023. 	<ul style="list-style-type: none"> Continue to be ranked as TOP 500 largest Vietnamese enterprises in 2023 (VNR500). Transimex won the Ho Chi Minh City Gold Brand Award in 2023 awarded by the People's Committee of Ho Chi Minh City. Continue to be honored in the TOP 10 most Prestigious Logistics Companies in 2023. Continue to be honored in the TOP 50 Best Listed Companies in Vietnam in 2023 by Forbes Magazine. 	

TẦM NHÌN

Trở thành tập đoàn cung cấp dịch vụ Logistics tổng thể tốt nhất Việt Nam.

Vision

To become the best comprehensive logistics service provider in Vietnam.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Core values



TỐC ĐỘ
SPEEDY



CHÍNH XÁC
ACCURATE



TRÁCH NHIỆM
RESPONSIBILITY



HIỆU QUẢ
EFFICIENT



BỀN VỮNG
SUSTAINABILITY



DẪN ĐẦU
LEADING

SỨ MỆNH

Luôn hoàn thiện chuỗi cung ứng dịch vụ, cung cấp giải pháp Logistics tổng thể với chất lượng tốt nhất cho khách hàng.

Mission

Always perfect the service supply chain and provide total logistics solutions with the best quality for customers.

CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

CÔNG TY CON

CÔNG TY TNHH MTV BẤT ĐỘNG SẢN TRANSIMEX

Tên giao dịch: TMS-PROPERTY

Đ/c: 172 Hai Bà Trưng, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM, Việt Nam.

Tel: (84-28) 2220 2882

Fax: (84-28) 3827 5557

Email: tmsbuilding@transimex.com.vn

Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh bất động sản; Lưu giữ hàng hóa; Vệ sinh nhà cửa và các công trình; Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan; Cho thuê máy móc; Thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính); Chuyển phát. Tỷ lệ Transimex sở hữu (% lợi ích): 100%.

CÔNG TY TNHH MTV TRUNG TÂM PHÂN PHỐI TRANSIMEX

Tên giao dịch: TMS DC

Đ/c: Đường số 23, Khu công nghiệp Sóng Thần 2, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Tel: (84-274) 3794 676

Fax: (84-274) 3794 677

Email: transimex-dc@transimex.com.vn

Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh dịch vụ kho phân phối hàng hóa; Dịch vụ bao bì, đóng gói, phân phối hàng hóa. Tỷ lệ Transimex sở hữu (% lợi ích): 100%.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG TRANSIMEX

Tên giao dịch: TRANSIMEX PORT (TICD)

Đ/c: 429/8 đường Song Hành Hà Nội, Khu phố 7, Phường Trường Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Hoạt động chính: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải

Tỷ lệ Transimex sở hữu (% lợi ích): 99,99%.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX SHIPPING

Tên giao dịch: TRANSIMEX SHIPPING (TSP)

Đ/c: Bán đảo Đỉnh Vũ, thuộc Khu kinh tế Đỉnh Vũ - Cát Hải, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Hoạt động chính: Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương.

Tỷ lệ Transimex sở hữu (% lợi ích): 99,93%.

CÔNG TY TNHH MTV TRANSIMEX HI TECH PARK LOGISTICS

Tên giao dịch: TRANSIMEX SHTP LOGISTICS

Đ/c: Lô B7, đường D2, Khu Công nghệ cao TP. HCM, P. Tăng Nhơn Phú B, TP. Thủ Đức, TP. HCM, Việt Nam.

Tel: (84-28) 3720 6666

Fax: (84-28) 3720 6777

Email: tmsshp.info@transimex.com.vn

Ngành nghề kinh doanh: Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường biển, đường hàng không; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Tỷ lệ Transimex sở hữu (% lợi ích): 99,44%.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐẦU TƯ LONG AN

Tên giao dịch: LAI

Đ/c: Lô E2-E3, Đường VL7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc 2, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam.

Hoạt động chính: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

Tỷ lệ Transimex sở hữu (% lợi ích): 99,44%

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX HI-TECH LOGISTICS

Tên giao dịch: SHTL

Đ/c: 172 Hai Bà Trưng, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM, Việt Nam.

Hoạt động chính: Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường biển, đường hàng không; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Tỷ lệ Transimex sở hữu (% lợi ích): 99,44%.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS LONG AN

Tên giao dịch: LAL

Đ/c: Lô E2-E3, Đường VL7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc 2, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam.

Hoạt động chính: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

Tỷ lệ Transimex sở hữu (% lợi ích): 99%

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LOGISTICS HUNG YÊN

Tên giao dịch: HYL

Đ/c: Tổ dân phố Bưởi, xã Dị sử, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Hoạt động chính: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

Tỷ lệ Transimex sở hữu (% lợi ích): 99%

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANSIMEX LOGISTICS

Tên giao dịch: TRANSIMEX LOGISTICS

Mã chứng khoán: TOT

Đ/c: 429/8 đường Song Hành Hà Nội, Khu phố 7, Phường Trường Thọ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tel: (84) 948 666 057

Email: tmstrans.info@transimex.com.vn

Ngành nghề kinh doanh: Vận tải hàng hóa đường bộ; Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Bốc xếp hàng hóa; Lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh kho bãi); Dịch vụ đóng gói. Tỷ lệ Transimex sở hữu (% lợi ích): 75,48%.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LOGISTICS THĂNG LONG

Tên giao dịch: TLL

Đ/c: Xã Dị sử, Huyện Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Tel: (84-221) 3589 886

Fax: (84-221) 3589 887

Email: info@tll.com.vn

Web: www.tll.com.vn

Ngành nghề kinh doanh: Trung tâm phân phối Logistics, Kho bãi và Vận chuyển container. Tỷ lệ Transimex sở hữu (% lợi ích): 61,57%.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT

Tên giao dịch: VINAFREIGHT

Mã chứng khoán: VNF

Đ/c: Lô 1, Block C, Tòa nhà văn phòng Waseco, Số 10 Đường Phố Quang, P. 2, Q. Tân Bình, TP. HCM, Việt Nam.

Ngành nghề kinh doanh: Dịch vụ giao nhận hàng không, dịch vụ giao nhận đường biển, dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ cho thuê kho bãi, dịch vụ giá trị gia tăng.

Tỷ lệ Transimex sở hữu (% lợi ích): 57,05%

CÔNG TY TNHH HẬU CẦN TOÀN CẦU SFS VIỆT NAM

Đ/c: Lô 1, Block C, Tòa nhà văn phòng Waseco, Số 10 Đường Phố Quang, P. 2, Q. Tân Bình, TP. HCM, Việt Nam.

Ngành nghề kinh doanh: Dịch vụ giao nhận hàng hóa.

Tỷ lệ Transimex sở hữu (% lợi ích): 57,05%.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VĨNH LỘC

Tên giao dịch: VINH LOC LOGISTICS (VLL)

Đ/c: Một phần Lô I.9, Đường số 5, Khu Công Nghiệp Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, TP. HCM, Việt Nam.

Hoạt động chính: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; kinh doanh bất động sản; cho thuê văn phòng, kho bãi. Tỷ lệ Transimex sở hữu (% lợi ích): 55,91%.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Tên giao dịch: TRANSOCO

Địa chỉ: Số 5 lô 2B, Khu đô thị mới ngã 5 – Sân bay Cát Bi, Phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Hoạt động chính: Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; Dịch vụ vận tải hàng hóa trong và ngoài nước; Dịch vụ đại lý, liên hiệp vận chuyển, giao nhận hàng hóa, môi giới và cung ứng tàu biển.

Tỷ lệ Transimex sở hữu (% lợi ích): 54,04%

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG VÉC TỜ QUỐC TẾ

Tên giao dịch: VECTOR AVIATION CO., LTD

Đ/c: 39B Trường Sơn, Lô 11, Tòa nhà Hải Âu, P. 4, Q. Tân Bình, TP. HCM, Việt Nam.

Ngành nghề kinh doanh: Vận tải hàng không; cho thuê kho bãi, văn phòng; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; vận tải hành khách đường bộ khác.

Tỷ lệ Transimex sở hữu (% lợi ích): 51,34%.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG MIPEC

Tên giao dịch: MPC

Đ/c: Bán đảo Đỉnh Vũ, Khu kinh tế Đỉnh Vũ - Cát Hải, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam.

Hoạt động chính: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

Tỷ lệ Transimex sở hữu (% lợi ích): 44,16%.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI MIỀN TRUNG

Tên giao dịch: VINATRANS ĐÀ NẴNG

Đ/c: 184 Trần Phú, P. Phước Ninh, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam.

Hoạt động chính: Dịch vụ vận tải hàng hóa.

Tỷ lệ Transimex sở hữu (% lợi ích): 38,40%

CÔNG TY TNHH LOGISTICS XUÊ HÀNG VIỆT NAM

Đ/c: Lô 4, Toà nhà Hải Âu, 39B Trường Sơn, P.4, Q. Tân Bình, TP. HCM, Việt Nam.

Hoạt động chính: Dịch vụ giao nhận hàng hóa; Vận tải hàng hóa; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Bốc xếp hàng hóa; Hoạt động dịch vụ khác liên quan đến vận tải .

Tỷ lệ Transimex sở hữu (% lợi ích): 29,09%.

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI CON ĐƯỜNG VIỆT

Tên giao dịch: VIET WAY INVESTMENT DEVELOPMENT TRADING CO., LTD

Đ/c: A8 Trường Sơn, P. 2, Q. Tân Bình, TP. HCM, Việt Nam.

Ngành nghề kinh doanh: Dịch vụ vận tải hàng hóa; Đại lý bán vé máy bay.

Tỷ lệ Transimex sở hữu (% lợi ích): 26,18%.

CÔNG TY LIÊN DOANH

CÔNG TY TNHH NIPPON EXPRESS (VIỆT NAM)

Tên giao dịch: NIPPON EXPRESS (VIETNAM)
Đ/c: 364 Cộng Hòa, Phòng 5.2&5.3, Tòa nhà Etown, P. 13, Q. Tân Bình, TP. HCM, Việt Nam.

Hình thức liên doanh: Liên doanh giữa Công ty Cổ phần Transimex và Công ty Nippon Express Nhật Bản, trong đó Transimex chiếm 50% vốn điều lệ và Nippon Express chiếm 50%.
Hoạt động chính: Dịch vụ giao nhận hàng hóa đường hàng không và đường biển, vận chuyển hàng hóa đường bộ, vận chuyển và lắp đặt máy móc, thiết bị nặng, dịch vụ kho bãi, làm thủ tục hải quan và các dịch vụ Logistics. Tỷ lệ Transimex sở hữu: 50%.

CÔNG TY LIÊN KẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Tên giao dịch: VNT LOGISTICS JSC

Mã chứng khoán: VNT

Đ/c: Số 2 Bích Câu, P. Quốc Tử Giám, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội, Việt Nam.

Hoạt động chính: Kinh doanh các dịch vụ về giao nhận, vận tải quốc tế; giao nhận, vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng, hàng quá khổ, quá tải; Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận và vận tải nước ngoài. Tỷ lệ Transimex sở hữu (% lợi ích): 35,96%.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Tên giao dịch: CHOLIMEX

Mã chứng khoán: CLX

Đ/c: 631-633 Nguyễn Trãi, P. 11, Q. 5, TP. HCM, Việt Nam.

Hoạt động chính: Phát triển, mở rộng kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp; Sản xuất chế biến và phân phối lương thực thực phẩm, hàng nông thủy hải sản xuất khẩu; Kinh doanh xuất nhập khẩu; Tổ chức mạng lưới phân phối sản phẩm trong và ngoài nước. Tỷ lệ Transimex sở hữu (% lợi ích): 30,11%.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐẶC SẢN

Tên giao dịch: SEASPIMEX

Đ/c: 51/14 Hòa Bình, P. Tân Thới Hòa, Q. Tân Phú, TP. HCM, Việt Nam.

Hoạt động chính: Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản. Tỷ lệ Transimex sở hữu (% lợi ích): 20,04%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN KHU CÔNG NGHIỆP VĨNH LỘC

Tên giao dịch: VLIPP JSC

Đ/c: Quốc lộ 1, Ấp Voi Lá, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam.

Hoạt động chính: Truyền tải, phân phối và mua bán điện.

Vốn điều lệ thực góp: 30.000.000.000 đồng. Tỷ lệ Transimex sở hữu (% lợi ích): 20,00%

CÔNG TY TNHH VẬN TẢI CONTAINER HẢI AN

Tên giao dịch: HACT., LTD

Đ/c: Tầng 5, Toà nhà Hải An, Km 2 Đường Đỉnh Vũ, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam.

Hoạt động chính: Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương.

Tỷ lệ Transimex sở hữu (% lợi ích): 20,00%

**ĐẠI HỘI ĐỒNG
CỔ ĐÔNG**
GENERAL
SHAREHOLDERS
MEETING

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÁC PHÒNG BAN CHỨC NĂNG

BAN ĐIỀU HÀNH

**BAN
KIỂM SOÁT**

SUPERVISORY
BOARD

BOARD OF DIRECTOR

EXECUTIVE BOARD

FUNCTIONAL DEPARTMENTS

CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC
ORGANIZATIONAL
STRUCTURE

SUBSIDIARY COMPANIES, JOINT VENTURES, ASSOCIATES

TỔ CHỨC NHÂN SỰ



TỔ CHỨC NHÂN SỰ

TÌNH HÌNH NHÂN SỰ

Số lượng nhân viên của tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 1.435 người.

Tại Transimex, con người được xem là tài sản quý giá nhất và nguồn lực quan trọng của Công ty. Transimex đã xây dựng được đội ngũ nhân viên có nhiều năm kinh nghiệm, trình độ chuyên môn cao, có quyết tâm phát triển nghề nghiệp, có tinh thần trách nhiệm, tinh thần kỷ luật cao và luôn chủ động trong công việc. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo nhạy bén, có khả năng và kinh nghiệm quản trị doanh nghiệp.

Những thành viên đó đã hợp thành một đội ngũ mạnh cùng chung mục tiêu nâng cao vị thế của Công ty, trở thành Công ty logistics hàng đầu của Việt Nam.

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc Công ty thay đổi trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Bùi Tuấn Ngọc	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023
Ông Lê Duy Hiệp	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023
Ông Bùi Minh Tuấn	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023
Ông Charvanin Bunditkitsada	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023
Ông Toshiyuki Matsuda	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023
Ông Nguyễn Bích Lâm	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023
Ông Vũ Chinh	Thành viên HĐQT độc lập	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023
Ông Võ Hoàng Giang	Thành viên HĐQT độc lập	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023
Ông Huỳnh An Trung	Thành viên HĐQT độc lập	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Lê Thị Ngọc Anh	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023 Từ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2024
Bà Nguyễn Kim Hậu	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023
Bà Phan Phương Tuyên	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023
Ông Vũ Chinh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023
Bà Lê Thị Tường Vy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Lê Duy Hiệp	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm từ ngày 01 tháng 5 năm 2023
Ông Lê Phúc Tùng	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm từ ngày 01 tháng 4 năm 2024
Ông Tôn Thất Hưng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 6 năm 2022
Ông Nguyễn Chí Đức	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2008
Ông Nguyễn Hoàng Hải	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 3 năm 2023

CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Chính sách tiền lương, đãi ngộ, phúc lợi

Transimex luôn hiểu rằng, chính sách tiền lương và đãi ngộ tốt sẽ là yếu tố quan trọng để thu hút và giữ chân nhân tài. Chính sách tiền lương được xây dựng chặt chẽ, quy định một cách cụ thể, rõ ràng các quyền lợi, chính sách, chế độ mà người lao động được hưởng; có tính cạnh tranh, thu hút nguồn lao động chất lượng trên thị trường cũng như khuyến khích người lao động làm việc một cách chủ động, hiệu quả, tự phấn đấu phát triển bản thân để nâng cao thu nhập, từ đó hình thành động lực phát triển chung trong toàn công ty. Chính sách tiền lương bao gồm hệ thống thang, bảng lương trong đó ngạch, bậc lương của người lao động sẽ được xếp theo từng vị trí công việc, trình độ, năng lực và kinh nghiệm. Người lao động được trả lương theo hiệu quả kinh doanh của phòng/ công ty và theo kết quả hoàn thành công việc của cá nhân.

Chính sách khen thưởng được áp dụng để ghi nhận thành tích, nỗ lực, đóng góp của từng cá nhân và tập thể. Hàng năm, công ty tổ chức đánh giá, xếp loại và thưởng cho các cá nhân, tập thể đạt danh hiệu xuất sắc. Ngoài ra, các chính sách thưởng khác như: thưởng đột xuất cho những cá nhân có thành tích vượt bậc, thưởng theo chỉ tiêu doanh số, lợi nhuận, sản lượng; thưởng vào các dịp lễ, Tết, ...

Bên cạnh đó, hàng năm, công ty tổ chức các hoạt động mừng ngày 8/3 và 20/10 cho các lao động nữ trong công ty như mời chuyên gia về chia sẻ các chủ đề liên quan đến phụ nữ, tặng quà, tổ chức thi nấu ăn, thi cắm hoa, ...

Tổ chức các chương trình tham quan, du lịch tại các địa danh nổi tiếng trong nước và nước ngoài cho toàn bộ người lao động. Ngoài ra, cá nhân có thành tích xuất sắc trong năm được tham gia thêm chuyến du lịch tại nước ngoài như Hàn Quốc, Singapore, Malaysia; và cán bộ quản lý xuất sắc được tham quan các nước như Nhật Bản, Hàn Quốc, các nước Châu Âu.

Tuyển dụng nguồn nhân lực có chất lượng cao

Công tác tuyển dụng luôn được cải tiến và áp dụng nhiều hình thức khác nhau, chú trọng xây dựng thương hiệu nhà tuyển dụng để chiêu mộ nhân tài và thu hút nguồn ứng viên chất lượng cao trên thị trường. Mỗi chức danh công việc đều có mô tả công việc cụ thể, có tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, kinh nghiệm, kỹ năng và thái độ. Việc tuyển dụng được thông báo công khai, được phỏng vấn và đánh giá công tâm, bình đẳng, minh bạch, khách quan và tuân thủ theo đúng quy trình tuyển dụng của công ty, nhờ vậy, đã mang lại cho công ty nguồn nhân lực đáp ứng được nhu cầu phát triển của công ty và xây dựng được đội ngũ cán bộ nguồn cho tương lai.



Đào tạo và phát triển

Transimex luôn tôn trọng và hỗ trợ nhân viên có tinh thần cầu tiến, tích cực học hỏi để bổ sung thêm kiến thức, khuyến khích và cởi mở với những ý tưởng mới.

Tích cực đẩy mạnh công tác phát triển nguồn nhân lực, phát triển đội ngũ nhân sự kế thừa. Thực hiện nâng cao chất lượng nguồn nhân lực bằng các chương trình đào tạo tại chỗ và đào tạo bên ngoài, tổ chức các khóa học nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, các khóa tập huấn các chính sách, quy định mới, đào tạo kỹ năng mềm, đạo tạo hội nhập; triển khai các khóa học cho đội ngũ cán bộ quản lý cấp trung, cấp cao bao gồm các khóa học nâng cao nghiệp vụ, nâng cao năng lực quản lý và quản trị nhằm đáp ứng được mục tiêu phát triển nguồn nhân lực bền vững cho công ty.

Chính sách thăng tiến

Tại Transimex, phát triển sự nghiệp và năng lực của nhân viên là một yếu tố quan trọng để thành công trong tương lai. Trên cơ sở này, Transimex triển khai các chương trình nhằm hỗ trợ nhân viên phát triển tối đa năng lực của họ.

Cơ hội thăng tiến nghề nghiệp công bằng cho tất cả người lao động trong công ty, các vị trí quản lý được bổ nhiệm thông qua đánh giá công khai, minh bạch bởi người quản lý trực tiếp và gián tiếp về kiến thức, kỹ năng, thái độ, kinh nghiệm và hiệu quả công việc.

Ưu tiên phát triển nguồn nhân sự nội bộ thông qua việc luân chuyển nhân sự trong tập đoàn, đảm bảo sắp xếp đúng người, đúng việc, tạo điều kiện cho mỗi cá nhân phát huy được hết các thế mạnh của mình.

Công tác quy hoạch, định biên nhân sự được thực hiện dưới sự chỉ đạo của Ban điều hành Transimex, được thực hiện hàng năm nhằm đảm bảo sự ổn định, duy trì và phát triển đội ngũ cán bộ.

Môi trường làm việc lý tưởng

Transimex không ngừng tạo dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động, sáng tạo và đề cao tinh thần hợp tác. Xây dựng tinh thần đồng đội và tăng cường mối quan hệ giữa các đồng nghiệp thông qua các hoạt động nhóm.

Transimex đã đầu tư cải tạo văn phòng làm việc, cung cấp cho người lao động không gian làm việc tiện ích, thoải mái, rộng rãi và hiện đại; đồng thời, ưu tiên ứng dụng các nền tảng làm việc trực tuyến, áp dụng chuyển đổi số, giảm các thủ tục giấy tờ đã giúp tạo lợi thế cạnh tranh cho công ty, đảm bảo tính liên tục và hiệu quả công việc.

Đề cao sự công bằng, văn minh và tôn trọng cá nhân. Cán bộ nhân viên được khuyến khích phát huy năng lực và đóng góp ý tưởng.

Đảm bảo an toàn lao động, sức khỏe cho người lao động

Transimex luôn chú trọng việc chăm lo cho sức khỏe và sự an toàn của người lao động. Chúng tôi hiểu rằng khi sức khỏe thể chất và tinh thần của người lao động được đảm bảo thì hiệu quả công việc sẽ được nâng cao.

Transimex cũng luôn đảm bảo công tác an toàn lao động tại nơi làm việc, thường xuyên tổ chức các chương trình tập huấn an toàn lao động và hướng dẫn, thị phạm thực tế tại nơi làm việc.

Tổ chức các hoạt động thể thao và khuyến khích tham gia giúp người lao động duy trì một lối sống lành mạnh;

Định kỳ thực hiện các chương trình kiểm tra sức khỏe cho người lao động với chế độ cao hơn mức quy định của nhà nước.

Transimex hiểu rằng trong khi công việc là một khía cạnh quan trọng trong cuộc sống của người lao động, thì sức khỏe của họ nên được ưu tiên trước nhất.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BOARD OF DIRECTORS



Ông/Mr. BÙI TUẤN NGỌC

*Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị
Quốc tịch: Việt Nam*

Chairman
Nationality: Vietnamese



Ông/Mr. TOSHIYUKI MATSUDA

*Thành viên Hội Đồng Quản Trị
Quốc tịch: Nhật bản*

Member
Nationality: Japanese



Ông/Mr. BÙI MINH TUẤN

*Thành viên Hội Đồng Quản Trị
Quốc tịch: Úc*

Member
Nationality: Australian



Ông/Mr. LÊ DUY HIỆP

*Phó Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị
Quốc tịch: Việt Nam*

Vice Chairman
Nationality: Vietnamese



Ông/Mr. CHARVANIN BUNDITKITSADA

*Thành viên Hội Đồng Quản Trị
Quốc tịch: Thái Lan*

Member
Nationality: Thai



Ông/Mr. HUỖNH AN TRUNG

*Thành viên Hội Đồng Quản Trị độc lập
Quốc tịch: Việt Nam*

Independent member
Nationality: Vietnamese



Ông/Mr. VÕ HOÀNG GIANG

*Thành viên Hội Đồng Quản Trị độc lập
Quốc tịch: Việt Nam*

Independent member
Nationality: Vietnamese

BAN ĐIỀU HÀNH EXECUTIVE BOARD



Ông/Mr. LÊ DUY HIỆP

*Tổng Giám Đốc
Quốc tịch: Việt Nam*

General Director / CEO
Nationality: Vietnamese



Ông/Mr. NGUYỄN CHÍ ĐỨC

*Phó Tổng Giám Đốc
Quốc tịch: Việt Nam*

Deputy General Director
Nationality: Vietnamese



Ông/Mr. VŨ CHINH

*Thành viên Ban Kiểm Soát
Quốc tịch: Việt Nam*

Member
Nationality: Vietnamese



Ông/Mr. TÔN THẮT HƯNG

*Phó Tổng Giám Đốc
Quốc tịch: Việt Nam*

Deputy General Director
Nationality: Vietnamese

Ông/Mr. LÊ PHÚC TÙNG

*Phó Tổng Giám Đốc
Quốc tịch: Việt Nam*

Deputy General Director
Nationality: Vietnamese



Ông/Mr. NGUYỄN HOÀNG HÀI

*Phó Tổng Giám Đốc
Quốc tịch: Việt Nam*

Deputy General Director
Nationality: Vietnamese



Bà/Ms. LÊ THỊ TƯỜNG VY

*Thành viên Ban Kiểm Soát
Quốc tịch: Việt Nam*

Member
Nationality: Vietnamese

**TÌNH HÌNH
HOẠT ĐỘNG**



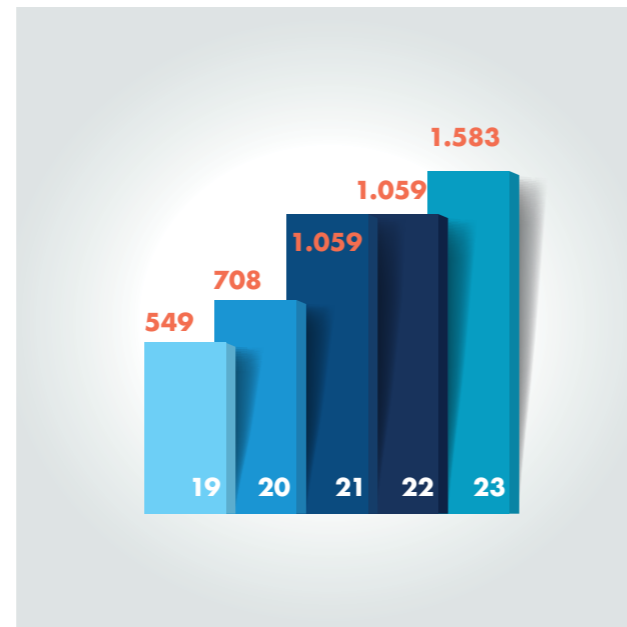
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

PERFORMANCE REPORT

Kết quả đạt được 05 năm gần đây (2019-2023)
Results of the last 5 years (2019-2023)

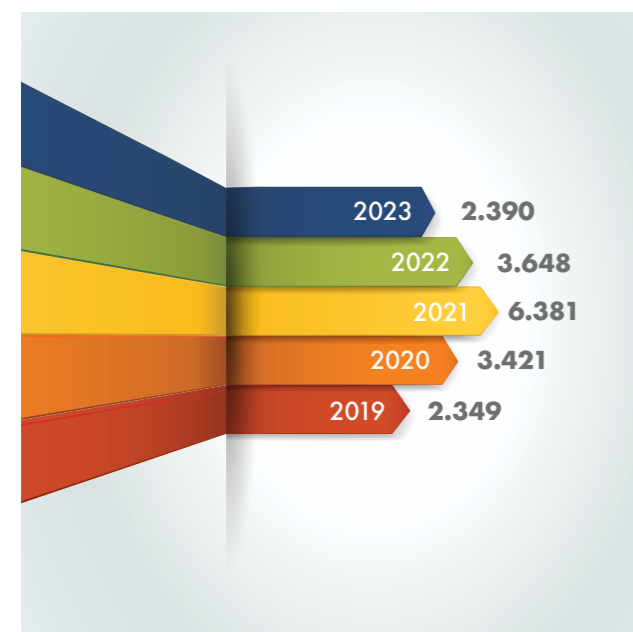
VỐN ĐIỀU LỆ (TỶ ĐỒNG)

CHARTER CAPITAL (BILLION VND)



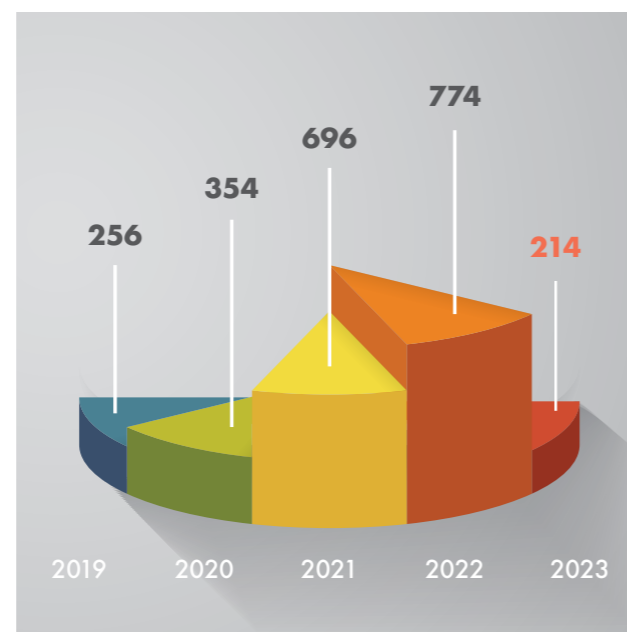
DOANH THU (TỶ ĐỒNG)

CONSOLIDATED REVENUE (BILLION VND)



LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (TỶ ĐỒNG)

CONSOLIDATED PRE-TAX PROFIT (BILLION VND)



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

I. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN

1. Các khoản đầu tư dự án:

Danh mục	Số tiền (VND)
Công ty Cổ phần Transimex Hi-Tech Logistics	49.667.170.000

Công ty Cổ phần Transimex Hi-Tech Logistics là công ty con của TRANSIMEX (tỷ lệ sở hữu 99,44%), là đơn vị sở hữu 100% vốn của Công ty TNHH MTV Đầu tư Long An, chủ đầu tư Dự án Kho lạnh Long An (địa chỉ: Khu công nghiệp Vĩnh Lộc 2, Bến Lức, Long An) với tổng mức đầu tư khoảng 1.000 tỷ đồng (trong đó vốn chủ sở hữu là 400 tỷ đồng). Đến cuối năm 2023, Dự án đã hoàn thành hơn 95% khối lượng thi công xây dựng và đã được đưa vào vận hành khai thác một phần. Dự kiến sẽ hoàn thành toàn bộ Dự án vào quý 2 năm 2024.

2. Các khoản đầu tư tài chính:

Góp tăng vốn tại các công ty con, công ty liên kết

Danh mục	Số tiền (VND)
Công ty Cổ phần Cảng Transimex	79.998.000.000
Công ty Cổ phần Dịch Vụ Logistics Long An	34.650.000.000
Công ty Cổ Phần Transimex Shipping	27.981.340.000

Đầu tư tăng tỷ lệ sở hữu tại các công ty con, công ty liên kết

Danh mục	Số tiền (VND)
Công ty cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương	37.824.661.188
Công ty Cổ phần Cảng Mipec	138.055.720.000

3. Các khoản đầu tư sử dụng nguồn vốn từ trái phiếu

Trái phiếu Công ty Cổ phần Transimex 2021 (TMSH2126001)

Nội dung	Tổng số tiền đã giải ngân đến cuối kỳ báo cáo
Đầu tư Tài sản cố định để phát triển các hoạt động và các trung tâm logistics	180.000.000.000
Bổ sung nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh vận tải và kho bãi	120.000.000.000
TỔNG CỘNG	300.000.000.000

Trái phiếu Công ty Cổ phần Transimex 2023 (TMSH2326001)

Nội dung	Tổng số tiền đã giải ngân đến cuối kỳ báo cáo
Thực hiện phát triển hệ thống kho bãi tại Khu công nghiệp Vĩnh Lộc 2 thông qua tăng vốn công ty TNHH MTV Đầu tư Long An.	49.667.170.000
TỔNG CỘNG	49.667.170.000

4. Các khoản đầu tư sử dụng nguồn vốn từ phát hành cổ phiếu riêng lẻ năm 2021

Nội dung	Tổng số tiền đã giải ngân đến cuối kỳ báo cáo (Triệu đồng)
Thanh toán một phần gốc trái phiếu Công ty cổ phần Transimex 2019	120.000
Đầu tư mua tàu vận tải biển container	93.000
Đầu tư nâng tỷ lệ sở hữu cổ phiếu tại công ty liên kết và công ty ngành logistics khác thông qua việc mua thêm cổ phiếu các công ty này trên sàn giao dịch chứng khoán, cụ thể:	60.000
Đầu tư tài sản cố định	37.700
Bổ sung vốn lưu động	117.800
TỔNG CỘNG	428.500

Ngày 14/04/2023, Hội đồng Quản trị đã thông qua nghị quyết số 67/NQ.HĐQT NK5-TMS điều chỉnh phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ kết thúc vào ngày 31/12/2021, trong đó điều chỉnh mục đích sử dụng vốn để "Thực hiện dự án cảng cạn Transimex tại huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên" sang mục đích "Đầu tư mua tàu vận tải biển container". Do một số yếu tố khách quan ở thời điểm hiện tại, việc thực hiện dự án cảng cạn Transimex tại huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên có thể kéo dài do tồn tại những vướng mắc nhất định về pháp lý dự án. Chính vì vậy, Công ty đã quyết định tạm dừng thực hiện dự án.

II. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng/ giảm
Tổng giá trị tài sản	5.570.603.363.655	7.513.241.799.555	35%
Doanh thu thuần	3.648.087.847.709	2.389.818.300.795	-34%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	771.581.018.436	210.769.125.568	-73%
Lợi nhuận khác	2.648.694.253	3.556.683.621	34%
Lợi nhuận trước thuế	774.229.712.689	214.325.809.189	-72%
Lợi nhuận sau thuế	682.314.631.810	173.050.459.997	-75%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức		45,73%	

III. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng/ giảm
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	2,03	1,92	-6%
+ Hệ số thanh toán nhanh	2,01	1,90	-6%
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,26	0,37	43%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,34	0,58	68%
+ Hệ số Nợ vay/Vốn chủ sở hữu	0,20	0,46	132%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	241,80	139,35	-42%
+ Vòng quay tổng tài sản	0,65	0,37	-43%
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận gộp/Doanh thu thuần	0,15	0,17	14%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,19	0,07	-61%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,16	0,04	-78%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản:	0,12	0,02	-81%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần:	0,21	0,09	-58%

IV. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

1. Cổ phần

Chỉ tiêu	Số cổ phần
Tổng số cổ phần	158.270.528
Loại cổ phần:	
Chuyển nhượng tự do	158.266.830
Hạn chế chuyển nhượng	3.698

2. Cơ cấu cổ đông

• Cơ cấu cổ đông phân theo tiêu chí cổ đông lớn/cổ đông nhỏ

Đối tượng	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Cổ đông lớn	143.616.776	90,7%
Cổ đông nhỏ	14.653.752	9,3%

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

Số lượng cổ phiếu niêm yết tại ngày 31/12/2023: **158.258.909**

STT	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu đầu kỳ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Lý do tăng/giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
1	Bùi Tuấn Ngọc	CT HĐQT	619.744	0,39%	926.516	0,59%	Thưởng, Cổ tức
2	Lê Duy Hiệp	Phó CT HĐQT, TGD	457.348	0,29%	692.406	0,44%	Thưởng và cổ tức
3	Bùi Minh Tuấn	TV HĐQT	15.339.598	9,69%	22.937.482	14,49%	Cổ tức
4	Nguyễn Bích Lâm	TV HĐQT	146.186	0,09%	223.031	0,14%	Cổ tức, đã kết thúc nhiệm kỳ
5	Charvanin Bundikitsada	TV HĐQT	-	0,00%	-	0,00%	
6	Toshiyuki Matsuda	TV HĐQT	24.718	0,02%	36.952	0,02%	Cổ tức
7	Võ Hoàng Giang	TV HĐQT	-	0,00%	-	0,00%	
8	Huỳnh An Trung	TV HĐQT	-	0,00%	-	0,00%	
9	Lê Thị Ngọc Anh	Trưởng BKS	6.922	0,00%	2.248	0,00%	Cổ tức, Bán
10	Vũ Chinh	TV BKS	490.507	0,31%	737.942	0,47%	Cổ tức
11	Lê Thị Tường Vy	TV BKS	-	0,00%	-	0,00%	
12	Nguyễn Kim Hậu	TV BKS	813	0,00%	42	0,00%	Bán, đã kết thúc nhiệm kỳ
13	Phan Phương Tuyên	TV BKS	1.155	0,00%	-	0,00%	Đã kết thúc nhiệm kỳ, không có thông tin
14	Nguyễn Chí Đức	Phó TGD	509.236	0,32%	761.307	0,48%	Thưởng, Cổ tức
15	Lê Phúc Tùng	Phó TGD	56.159	0,04%	83.956	0,05%	Thưởng, Cổ tức
16	Nguyễn Bảo Trung	Phó TGD	59.726	0,06%	-	0,00%	Không cung cấp, đã miễn nhiệm
17	Tôn Thất Hưng	Phó TGD	44.352	0,03%	69.270	0,04%	Thưởng, Cổ tức
18	Nguyễn Hoàng Hải	Phó TGD	-	0,00%	-	0,00%	
19	Lê Văn Hùng	Giám đốc tài chính	7.154	0,00%	10.695	0,01%	Thưởng, Cổ tức
20	Nguyễn Hồng Kim Chi	Kế toán trưởng	11.037	0,01%	16.499	0,01%	Thưởng, Cổ tức
19	Nguyễn Thị Thái Nhi	Quyển Chánh Văn phòng HĐQT, Thư ký Công Ty; Người phụ trách quản trị Công Ty; Người được ủy quyền CBTT	1.100	0,00%	1.644	0,00%	Thưởng, Cổ tức
20	Huỳnh Văn Toàn	Phó Chánh Văn phòng HĐQT	-	0,00%	-	0,00%	

• Cơ cấu cổ đông phân theo tiêu chí cổ đông tổ chức/ cổ đông cá nhân

Đối tượng	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Cổ đông tổ chức	126.850.134	80,1%
Cổ đông cá nhân	31.420.394	19,9%

• Cơ cấu cổ đông phân theo tiêu chí cổ đông trong nước/ cổ đông nước ngoài

Đối tượng	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Cổ đông trong nước	90.145.323	57,0%
Cổ đông nước ngoài	68.125.205	43,0%

• Cơ cấu cổ đông phân theo tiêu chí cổ đông nhà nước/ cổ đông khác

Đối tượng	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Cổ đông nhà nước	4.944.020	3,1%
Cổ đông khác	153.326.508	96,9%

3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm 2023, Công ty Cổ phần Transimex có các đợt tăng vốn cổ phần sau:

- Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
 - + Ngày kết thúc đợt phát hành: 19/01/2023
 - + Tổng số cổ phiếu đã phân phối: 15.878.297 cổ phiếu
 - + Tổng số cổ phiếu sau đợt phát hành: 121.749.845 cổ phiếu
- Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức bằng cổ phiếu
 - + Ngày kết thúc đợt phát hành: 05/10/2023
 - + Tổng số cổ phiếu đã phân phối: 36.520.683 cổ phiếu
 - + Tổng số cổ phiếu sau đợt phát hành: 158.270.528 cổ phiếu

4. Giao dịch cổ phiếu quỹ

- Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 11.619 cổ phiếu
- Các giao dịch cổ phiếu quỹ được thực hiện trong năm: Không có

5. Các chứng khoán khác

Trong năm 2023, Công ty Cổ phần Transimex đã thực hiện chào bán thành công trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ.

- Mã trái phiếu: TMS12302 (Mã công bố thông tin TMSH2326001)
- Ngày phát hành: 09/06/2023
- Giá trị trái phiếu phát hành: 300.000.000.000 đồng

Loại hình trái phiếu: Trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và được bảo đảm bằng tài sản.

- Kỳ hạn: 3 năm
- Lãi suất: 10,5%/năm

Trân trọng,
BÙI TUẤN NGỌC



CHỦ TỊCH HĐQT

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

ĐVT: Triệu đồng

STT	Khoản mục	Thực hiện 2022	Năm 2023		% thực hiện 2023 so với	
			Kế hoạch 2023	Thực hiện 2023	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2023
1	Doanh thu hợp nhất	3.648.088	2.521.420	2.389.818	65,5%	94,8%
2	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất (LNTT)	774.230	317,6	214.326	27,7%	67,6%
3	Tỷ trọng LNTT/Tổng doanh thu	21,2%	12,6%	9,0%	42,3%	71,3%
4	Cổ tức (tiền mặt và/hoặc cổ phiếu)	30%	15% - 20%			

- Doanh thu hợp nhất năm 2023 đạt gần 2.390 tỷ đồng, hoàn thành 94,8% kế hoạch năm 2023, và bằng 65,5% so với năm 2022.
- Lợi nhuận trước thuế hợp nhất năm 2023 đạt 214 tỷ đồng, hoàn thành 67,6% kế hoạch năm 2023 và bằng 27,7% so với năm 2022.
- Sản lượng các mảng hoạt động kinh doanh dịch vụ của Công ty năm 2023 so với năm 2022 như sau:
 - + Năm 2023, tổng sản lượng thông qua hệ thống kho của toàn Công ty đạt 1.918.029 tấn hàng hóa, bằng 94,4% so với năm 2022. Trong đó: Kho tổng hợp đạt 1.170.988 tấn (bằng 89,5% năm 2022), Kho lạnh đạt 234.586 tấn (bằng 88,7% năm 2022) Kho CFS đạt 512.455 tấn (tăng 11,7 %).
 - + Sản lượng thông qua Cảng ICD Transimex đạt 231.527 teus (bằng 83,4 % năm 2022)
 - + Sản lượng vận chuyển container đường thủy nội địa đạt 212.891 teus (bằng 91,4% năm 2022). Sản lượng vận chuyển container đường bộ đạt 37.898 chuyến (bằng 101% năm 2022)
 - + Sản lượng vận chuyển hàng bách hóa đạt 42.774 chuyến (tăng 17,6%). Sản lượng thực hiện dịch vụ logistics đạt 33.180 teus hàng nhập xuất đường biển (tăng 14,7%) và 1.146 tấn hàng nhập xuất đường hàng không (bằng 67,8% năm 2022)
 - + Sản lượng thực hiện dịch vụ đại lý giao nhận quốc tế đạt 24.689 teus hàng FCL, 2.823 CBM hàng LCL, 522 tấn hàng nhập xuất đường hàng không, trong đó hàng FCL tăng 39,8% so với năm 2022.
- Đánh giá nguyên nhân kết quả kinh doanh không đạt so với kế hoạch
 - + Dịch vụ đại lý vận chuyển Container Quốc tế (Hãng tàu Dongjin): Transimex đã thu xếp cho 518 chuyến tàu có hàng của Hãng tàu Dongjin cập và rời cảng Việt Nam an toàn. Transimex đã thực hiện dịch vụ vận chuyển quốc tế từ Cảng đến Cảng với tổng sản lượng 70.776 teus.
 - + Tình hình khách quan chung của thị trường thương mại, xuất nhập khẩu toàn cầu và trong nước giảm dẫn đến dịch vụ Logistics phục vụ chuỗi cung ứng cũng giảm.
 - + Nguyên nhân chủ quan: Về doanh thu, kết quả đã tiệm cận so với kế hoạch ngân sách nhưng lợi nhuận chỉ đạt gần 70% kế hoạch là do phân khúc dịch vụ có biên lợi nhuận cao giảm (dịch vụ Cảng, dịch vụ đại lý hàng hóa hàng không-GSA, dịch vụ Logistics hàng siêu trường- siêu trọng, hàng dự án).

- + Ban điều hành chưa đủ năng động tìm kiếm các dịch vụ thay thế cho các dịch vụ có biên lợi nhuận cao bị giảm, cũng như chưa quản trị tốt chi phí hoạt động, giá vốn dịch vụ, chưa mạnh dạn đề xuất những biện pháp ngắn hạn, dài hạn về cắt giảm nhân sự, tái định biên trong toàn tập đoàn.

2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

a. Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng/ giảm
Tài sản ngắn hạn	1.744.350.322.596	1.816.920.221.683	4%
Tài sản dài hạn	3.826.253.041.059	5.696.321.577.872	49%

- Tài sản ngắn hạn năm 2023 đạt 1.816,9 tỷ đồng, tăng 72 tỷ đồng (tăng 4%) so với năm 2022.
- Tài sản dài hạn năm 2023 đạt 5.696,3 tỷ đồng, tăng 1.870 tỷ đồng (tăng 49%) so với năm 2022. Trong năm 2023, Transimex mua tàu Transimex Sun trị giá 220 tỷ đồng, Transimex đầu tư vào dự án kho lạnh Long An với mức đầu tư 228 tỷ đồng, hợp nhất tài sản dài hạn tại CTCP Cảng Mipec (MIPEC) với tổng giá trị tài sản là 1.319 tỷ đồng.

b. Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng/ giảm
Phải trả ngắn hạn	858.786.213.245	948.724.617.936	10%
Phải trả dài hạn	564.231.357.857	1.795.865.684.981	218%
Chi phí lãi vay	58.088.693.621	78.147.822.175	35%

- Nợ phải trả ngắn hạn năm 2023 đạt 948,7 tỷ đồng, tăng 89 tỷ đồng (tăng 10%) so với năm 2022, do việc phân loại lại các khoản vay dài hạn đến hạn trả tại Transimex và các Công ty con.
- Nợ phải trả dài hạn năm 2023 đạt 1.795,8 tỷ đồng, tăng 1.231 tỷ đồng (tăng 218%) so với năm 2022, vay dài hạn mua tàu biển (146 tỷ đồng), đầu tư dự án kho lạnh Long An (250 tỷ đồng) và hợp nhất khoản vay dài hạn tại công ty MIPEC (840 tỷ đồng).

3. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG CÔNG TÁC QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

- Hoàn thiện về cơ cấu tổ chức tại tất cả các đơn vị trực thuộc, tổ chức tái cấu trúc phù hợp hơn nhằm chuẩn bị tiến đến thực hiện quản trị theo mô hình tập đoàn. Công ty đã tiến hành sáp nhập phòng dịch vụ Logistics hàng dự án vào Công ty Cổ phần Transimex Logistics nhằm phát huy thế mạnh cung cấp dịch vụ cũng như phát triển thêm các mảng dịch vụ hàng dự án mới.
- Tăng cường thực hiện công tác kiểm soát nội bộ thường xuyên tại các đơn vị, công ty con cũng như các công tác kiểm soát nội bộ đột xuất nhằm tăng cường công tác quản trị, nâng cao hiệu quả, giảm thiểu những phát sinh do lỗi điều hành.
- Tăng cường kiểm soát công nợ khách hàng, giảm tỷ lệ công nợ quá hạn ở mức thấp nhất có thể.
- Tiếp tục tăng cường và triển khai việc áp dụng công nghệ thông tin trong quản trị Logistics, quản trị công ty và số hóa công tác điều hành khai thác dịch vụ.
- Đã kiện toàn cơ cấu tổ chức Phòng Sales & Marketing. Đã tuyển dụng Trưởng Phòng Sales & Marketing.

- Tiếp tục thực hiện việc quản lý theo ngành dọc của Công ty mẹ đối với các Công ty thành viên nhằm tăng cường công tác quản trị tập trung.
- Chính sách thưởng, phúc lợi, đãi ngộ luôn được chú trọng với nhiều hình thức.

a. Công tác quảng bá thương hiệu

- Tổ chức thành công lễ kỉ niệm 40 năm thành lập Công Ty vào ngày 3/6/2023, được khách hàng, đối tác hết sức khen ngợi và đã gây tiếng vang nhất định trong cộng đồng các công ty Logistics của Việt Nam cũng như các hãng tàu, các công ty Logistics toàn cầu đang hoạt động tại Việt Nam.
- Tăng cường quảng bá bộ nhận diện thương hiệu mới với logo sự kiện 40 năm thành lập qua nhiều hình thức khác nhau như Website, các sản phẩm in ấn, thông qua tất cả các giao dịch với khách hàng như giao dịch thư điện tử, chào giá ...
- Công ty đạt giải thương hiệu vàng thành phố Hồ Chí Minh năm 2023 do Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh trao tặng.
- Công ty được xếp hạng TOP 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2023 (VNR500)
- Công ty được xếp hạng TOP 10 Công ty uy tín ngành Logistics năm 2023.
- Công ty được vinh danh Top 50 Công Ty niêm yết tốt nhất Việt Nam năm 2023 do Forbes bình chọn.

b. Hoạt động đoàn thể và trách nhiệm xã hội

- Tham gia giải bóng đá cùng với đối tác chiến lược (Cholimex & Cholimex Food) nhằm thắt chặt quan hệ, tăng cường giao lưu.
- Công ty đã tổ chức thành công sự kiện chạy bộ Fun-Run với sự tham gia của các đối tác, khách hàng và hơn 400 cán bộ nhân viên trong toàn tập đoàn vào ngày 18/2/2023.
- Công ty luôn quan tâm cải thiện chất lượng cuộc sống cho người lao động, bảo vệ môi trường, an toàn lao động và đạo đức kinh doanh.
- Công ty luôn chú trọng trách nhiệm xã hội và cộng đồng, coi trọng việc quan tâm đóng góp cho xã hội, công tác thiện nguyện. Cụ thể là Công ty và Công đoàn Công ty đã thực hiện các chuyến từ thiện giúp đỡ các trẻ em nghèo hiếu học ở các vùng sâu, vùng xa và xây dựng nhà tình nghĩa cho các hộ nghèo tại các Tỉnh miền Tây Nam Bộ và tham gia chương trình hiến máu nhân đạo.

4. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

• Chỉ tiêu kế hoạch năm 2024

STT	Khoản mục	Số tiền
1	Doanh thu thuần hợp nhất	2.911.915
2	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất (LNTT)	476.310
3	Tỷ trọng LNTT/Tổng doanh thu	16,36%
4	Cổ tức năm 2024 (15% - 20% bằng cổ phiếu và/hoặc tiền mặt)	15-20%

• Các biện pháp kinh doanh năm 2024

Công ty mẹ tiếp tục hoàn thiện và nâng cao năng lực của phòng Sales & Marketing đủ khả năng đáp ứng bán các dịch vụ cho cả tập đoàn, đặc biệt là cho Long An Logistics sau khi hoàn thành giai đoạn 2 (Kho Truy Xuất Tự Động – ASRS) với mục tiêu đưa Transimex trở thành doanh nghiệp dẫn đầu về thị trường chuỗi Cung ứng Logistics hàng lạnh (Cold Chain Logistics).

Tiếp tục phát triển các mảng dịch vụ cốt lõi về Logistics như Contract Logistics, dịch vụ Cảng ICD, Kho hàng bách hóa, dịch vụ Cảng container, dịch vụ vận chuyển giao hàng.

Tại công ty Vinafreight, Vector Aviation: Thị trường hàng không dự báo có nhiều tín hiệu tích cực (tần suất bay của các hãng đều tăng) lẫn tiêu cực (giá cước hàng không giảm chung) nhưng ban điều hành lập kế hoạch ngân sách mang nhiều thách thức. Vào đầu năm 2024 đã ký được hợp đồng Đại lý hàng hóa cho Hãng hàng không quốc gia Nga (Aeroflot) với tần suất bay từ thành phố Hồ Chí Minh tăng nên tập trung tăng cường vào dịch vụ này cùng với những dịch vụ truyền thống của Vinafreight & Vector Aviation.

Tại Công ty Cổ phần Cảng Mippec, xây dựng kế hoạch rất thách thức (Doanh thu: 226 tỷ ; LNNTT: (-26 tỷ) trong đó đặt ra thách thức về tàu container ngoại, tàu container nội địa và dịch vụ kho CFS/Kho tổng hợp. Tập trung công tác tiếp cận các hãng tàu container nước ngoài, các hãng tàu container nội địa và các khách hàng tiềm năng.

Tiếp tục tăng cường công tác quản trị, kiểm soát của công ty mẹ Transimex đối với các công ty con, công ty thành viên nhằm hoàn thiện công tác quản trị trong toàn tập đoàn.

Tăng cường hợp tác dưới nhiều hình thức với các đối tác chiến lược nước ngoài nhằm đa dạng hóa danh mục khách hàng, sử dụng tối đa tài nguyên trong hệ sinh thái của toàn tập đoàn.

Tiếp tục phát triển các hoạt động Logistics xanh, đáp ứng các yêu cầu mới mang tính toàn cầu về bảo vệ môi trường, tiêu chuẩn hóa đối với lĩnh vực Logistics như ESG...

Trân trọng,

TM. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



LÊ DUY HIỆP
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2023 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2024

Căn cứ nhiệm vụ quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Transimex (“Transimex”, “Công ty”).

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 (“ĐHĐCĐ”) báo cáo hoạt động năm 2023 và kế hoạch năm 2024 như sau:

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2023

Kết quả kinh doanh hợp nhất năm tài chính 2023 của Công ty Cổ phần Transimex:

DVT: Triệu đồng

STT	Khoản mục	Thực hiện 2022	Năm 2023		% thực hiện 2023 so với	
			Kế hoạch 2023	Thực hiện 2023	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2023
1	Doanh thu hợp nhất	3.648.088	2.521.420	2.389.818	65,51%	94,78%
2	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất (LNNTT)	774.230	317.050	214.326	27,68%	67,60%
3	Tỷ trọng LNNTT/Tổng doanh thu	21,22%	12,57%	8,97%	42,26%	71,32%
4	Cổ tức (tiền mặt và/hoặc cổ phiếu)	30%	15% - 20%	12% (5% bằng tiền và 7% bằng cổ phiếu)		

II. CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2023

1. Thành viên và cơ cấu của HĐQT:

(a) Đại hội đồng cổ đông thường niên (“ĐHĐCĐ”) năm 2023 đã bầu Hội đồng quản trị (“HĐQT”) nhiệm kỳ VI (2023 – 2028) gồm 7 thành viên, HĐQT đã bầu Chủ tịch và Phó Chủ tịch HĐQT.

(b) Danh sách các thành viên HĐQT chốt đến ngày 31/12/2023 như sau:

STT	Họ và Tên	Chức danh	Tỉ lệ nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết tại ngày 31/12/2023
1.	Ông Bùi Tuấn Ngọc	Chủ tịch HĐQT	0,59%
2.	Ông Lê Duy Hiệp	Phó Chủ tịch HĐQT	0,44%
3.	Ông Bùi Minh Tuấn	Thành viên HĐQT	14,49%
4.	Ông Toshiyuki Matsuda	Thành viên HĐQT	0,02%
5.	Ông Charvanin Bunditkitsada	Thành viên HĐQT	0,00%
6.	Ông Võ Hoàng Giang	Thành viên HĐQT độc lập	0,00%
7.	Ông Huỳnh An Trung	Thành viên HĐQT độc lập	0,00%

2. Các hoạt động của HĐQT năm 2023:

2.1 Việc chi trả cổ tức 2022

- (a) Thực hiện nội dung của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 số 01/2023/NQ.ĐHĐCĐ-TMS ngày 27/04/2023, ngày 24/7/2023 HĐQT đã ban hành Nghị quyết số 04/NQHĐQT NK6-TMS thông qua việc triển khai phương án chi trả cổ tức năm 2022 và Công ty đã hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức vào ngày 05/10/2023.
- (b) Quá trình chi trả cổ tức cho các cổ đông đã được triển khai kịp thời, đảm bảo đúng quy định.

2.2 Công tác chỉ đạo quản trị điều hành

- (a) Để thực hiện các nhiệm vụ do ĐHĐCĐ giao, HĐQT Công ty đã tiến hành triển khai hoạt động theo quy định của Điều lệ Công ty, tuân thủ Luật Doanh nghiệp và pháp luật hiện hành.
- (b) Các cuộc họp của HĐQT được tổ chức và tiến hành theo đúng Điều lệ Công ty và có sự tham dự của Ban điều hành, Trưởng Ban kiểm soát, Giám đốc tài chính.
- (c) HĐQT đã trực tiếp thảo luận, quyết định các nội dung trình ĐHĐCĐ biểu quyết tại Đại hội. Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền, phê duyệt các tờ trình của Ban điều hành và nghe Ban điều hành báo cáo tình hình và kết quả kinh doanh của Công ty định kỳ.
- (d) Kết quả biểu quyết các vấn đề đều đạt đồng thuận cao, các Biên bản, Nghị quyết của HĐQT đều có sự thống nhất của các thành viên, được lưu giữ và thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định.
- (e) Đã hoàn thành việc tái cơ cấu để tinh gọn bộ máy tổ chức Công ty đồng thời tăng hiệu quả trong hoạt động kinh doanh và quản trị doanh nghiệp, cụ thể Công ty đã hợp nhất Phòng Logistics vào Công ty Cổ phần Transimex Logistics.
- (f) Ban hành các quyết định điều chuyển nhân sự, bổ nhiệm các vị trí quản lý kịp thời và phù hợp năng lực.
- (g) Trong năm 2023, HĐQT đã có 17 phiên họp và ban hành 24 nghị quyết, cụ thể như sau:
 - (1) Thông qua việc Công ty Cổ phần Transimex bảo lãnh cho Công ty Cổ phần Transimex Logistics ("Transimex Logistics") (Công ty con) vay vốn tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam ("SHBVN").
 - (2) Thông qua các nội dung về việc Công ty Cổ phần Transimex tham gia góp vốn thành lập pháp nhân để vận hành và khai thác Cảng ICD Transimex.
 - (3) Thông qua các nội dung về việc Công ty Cổ phần Transimex tham gia góp vốn thành lập pháp nhân để thực hiện kinh doanh dịch vụ vận tải đường biển.
 - (4) Thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của Công ty Cổ phần Transimex (Chủ sở hữu công ty) tại Công ty TNHH Một Thành Viên Transimex Hi Tech Park Logistics ("Transimex SHTP Logistics").
 - (5) Thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của Công ty Cổ phần Transimex (Chủ sở hữu công ty) tại Công ty TNHH Một Thành Viên Bất Động Sản Transimex ("Transimex Property").
 - (6) Thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của Công ty Cổ phần Transimex (Chủ sở hữu công ty) tại Công ty TNHH Một Thành Viên Trung tâm Phân phối Transimex ("Transimex DC").
 - (7) Thông qua việc tái bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty.
 - (8) Thông qua việc chấp thuận Đơn xin từ chức và miễn nhiệm Phó Tổng Giám đốc của Công ty.
 - (9) Thông qua việc chấm dứt đề cử người đại diện vốn của Transimex đối với ông Nguyễn Bảo Trung.
 - (10) Thông qua Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả kinh doanh năm 2022 và Kế hoạch kinh doanh năm 2023.
 - (11) Thông qua Báo cáo hoạt động tài chính, hoạt động đầu tư năm 2022.
 - (12) Thông qua Báo cáo tình hình đầu tư dự án năm 2022 và Kế hoạch thực hiện năm 2023.
 - (13) Thông qua Báo cáo thực hiện quỹ lương năm 2022 và Kế hoạch ngân sách quỹ lương năm 2023.
 - (14) Thông qua Báo cáo thực hiện trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2022 và Kế hoạch trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2023.
 - (15) Thông qua việc bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty.
 - (16) Thông qua việc chuyển nhượng máy móc, thiết bị, phương tiện thủy nội địa cho Công ty con – Công ty Cổ phần Cảng Transimex.
 - (17) Thông qua Phương án hoán đổi nợ thành vốn cổ phần đối với khoản nợ của Công ty Cổ phần Transimex Logistics.
 - (18) Thông qua việc thực hiện chi quỹ Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2022.
 - (19) Thông qua mức sinh hoạt phí cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Thư ký Công ty nhiệm kỳ VI (2023 – 2028) năm 2023.
 - (20) Thông qua kế hoạch tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty.
 - (21) Thông qua phê duyệt một số nội dung trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 của Công ty.
 - (22) Thông qua việc điều chỉnh phương án bảo lãnh cho Công ty TNHH MTV Đầu tư Long An vay vốn trung dài hạn để đầu tư dự án Kho lạnh Long An phù hợp với phương án tài trợ của ngân hàng.
 - (23) Thông qua phương án vay vốn trung dài hạn của Công ty TNHH MTV Đầu tư Long An.

- (24) Thông qua việc bảo lãnh cho Công ty Cổ phần Transimex Logistics vay vốn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam ("Vietinbank").
- (25) Thông qua phương án đầu tư mua tàu Container và phương án vay vốn trung dài hạn để đầu tư mua tàu.
- (26) Thông qua điều chỉnh phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phần riêng lẻ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021.
- (27) Thông qua kế hoạch sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của các công ty con bao gồm Công ty TNHH Một Thành Viên Bất động sản Transimex và Công ty TNHH Một Thành Viên Trung tâm Phân phối Transimex.
- (28) Thông qua việc chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Cảng Mipec ("MPC") cho Công ty TNHH Một Thành Viên Bất Động Sản Transimex ("Transimex Property") – Công ty con 100% vốn ("Giao Dịch").
- (29) Thông qua việc điều chỉnh và bổ sung các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.
- (30) Thông qua việc bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị nhiệm kỳ VI (2023 – 2028).
- (31) Thông qua việc tái bổ nhiệm Tổng Giám đốc Công ty nhiệm kỳ VI (2023 – 2028).
- (32) Thông qua việc tái bổ nhiệm Thư ký Công ty và Người phụ trách quản trị Công ty nhiệm kỳ VI (2023 – 2028).
- (33) Thông qua mức sinh hoạt phí năm 2023 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty nhiệm kỳ VI (2023 – 2028).
- (34) Thông qua phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ, không có quyền chuyển đổi.
- (35) Thông qua việc gia hạn hạn mức tín dụng ngắn hạn tại Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam ("Ngân hàng Woori").
- (36) Thông qua việc triển khai phương án chi trả cổ tức năm 2022.
- (37) Thông qua việc chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam ("EY") là công ty thực hiện cung cấp dịch vụ kiểm toán và soát xét báo cáo tài chính Công ty Cổ phần Transimex năm 2023.
- (38) Thông qua việc giải thể và chấm dứt hoạt động phòng Dịch vụ Logistics hàng dự án.
- (39) Thông qua Sơ đồ tổ chức mới của Công ty Cổ phần Transimex.
- (40) Thông qua việc điều chỉnh giá chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Cảng Mipec cho Công ty TNHH MTV Bất Động sản Transimex – Công ty con 100% vốn.
- (41) Thông qua Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2023 và kế hoạch kinh doanh 6 tháng cuối năm 2023.
- (42) Thông qua Báo cáo hoạt động tài chính, hoạt động đầu tư 6 tháng đầu năm 2023 và Kế hoạch 6 tháng cuối năm 2023.
- (43) Thông qua Báo cáo về tình hình đầu tư các dự án 6 tháng đầu năm 2023 và Kế hoạch 6 tháng cuối năm 2023.
- (44) Thông qua Báo cáo về kết quả kinh doanh Tàu Transimex Sun và 300 container Transimex; kế hoạch kinh doanh 6 tháng cuối năm 2023.
- (45) Thông qua Báo cáo một số hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung - Công ty con.
- (46) Thông qua việc tiến hành thực hiện tìm kiếm, kết nối và tìm hiểu các đối tác trong và ngoài nước để hợp tác cùng Công ty Cổ phần Transimex cho các dự án hiện hữu và trong tương lai (nếu có).
- (47) Thông qua việc chuyển nhượng 10.000 cổ phần Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Thăng Long cho các nhà đầu tư cá nhân khác.
- (48) Thông qua danh sách đề cử, giới thiệu Người đại diện vốn của Công ty Cổ phần Transimex tại các công ty con, các công ty liên doanh, liên kết.
- (49) Thông qua việc miễn nhiệm chức vụ Phó Chánh Văn phòng Hội đồng quản trị hiện tại và bổ nhiệm Quyền Chánh Văn phòng Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Transimex.
- (50) Thông qua việc bổ nhiệm chức vụ Phó Chánh Văn phòng Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Transimex.
- (51) Thông qua việc thành lập Tổ Kiểm soát nội bộ và Tổ pháp chế trực thuộc Văn phòng Hội đồng quản trị.
- (52) Thông qua việc chấp thuận các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty Cổ phần Transimex với người có liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 164 và khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Điều lệ Công ty Cổ phần Transimex.
- (53) Thông qua trình tự thực hiện các phương án phát hành, chào bán chứng khoán đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 theo thứ tự như được quy định tại Điều 1 của Nghị quyết này.
- (54) Thông qua việc đăng ký giao dịch các Trái phiếu do Công ty Cổ phần Transimex phát hành trên hệ thống trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.
- (55) Thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Công ty Cổ phần Transimex (Chủ sở hữu) tại Công ty TNHH MTV Bất Động sản Transimex.
- (56) Thông qua việc chấp thuận cho Công ty Cổ phần ICD Hưng Yên và Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Hưng lập thủ tục và giải thể Công ty.

- (57) Thông qua việc đầu tư mua thêm cổ phần Công ty Cổ phần Cảng Transimex, Công ty Cổ phần Transimex Shipping, Công ty Cổ phần Logistics Long An.
- (58) Thông qua việc ban hành Quy định về phân cấp, phân quyền trong quản lý, điều hành hoạt động doanh nghiệp của Công ty Cổ phần Transimex.
- (59) Thông qua Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả kinh doanh 9 tháng đầu năm 2023 và kế hoạch kinh doanh các tháng cuối năm 2023.
- (60) Thông qua Báo cáo hoạt động tài chính, hoạt động đầu tư 9 tháng đầu năm 2023 và Kế hoạch các tháng cuối năm 2023.
- (61) Thông qua Báo cáo tiến độ và tình hình đầu tư các dự án 9 tháng đầu năm 2023 và Kế hoạch các tháng cuối năm 2023.
- (62) Thông qua việc chuyển đổi công ty TNHH MTV Đầu tư Long An (Công ty con) thành công ty cổ phần.
- (63) Thông qua việc ban hành quy chế người đại diện vốn của Công ty Cổ phần Transimex.
- (64) Thông qua điều chỉnh lãi suất trái phiếu TMSH2126001.
- (65) Thông qua kế hoạch sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của các công ty con bao gồm Công Ty TNHH Một Thành Viên Bất Động Sản Transimex, Công Ty Cổ phần Transimex Hi-Tech Logistics và Công Ty TNHH Một Thành Viên Transimex Hi Tech Park Logistics.
- (66) Thông qua việc điều chỉnh đề cử, giới thiệu, bổ nhiệm Người đại diện vốn của Transimex tại các công ty con, công ty liên doanh, liên kết.
- (67) Thông qua việc điều chỉnh phương án bảo lãnh cho Công ty TNHH MTV Đầu tư Long An vay vốn trung dài hạn để đầu tư dự án Kho Lạnh Long An.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2023

Các quyết định của ĐHĐCĐ	Kết quả thực hiện
Ủy quyền cho HĐQT đánh giá và lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập Báo cáo tài chính niên độ tài chính năm 2023.	Đã lựa chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (EY).
Thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2023.	Đã thực hiện.
Thực hiện trích lập quỹ hoạt động của HĐQT, BKS năm 2023.	Đã thực hiện.
Phân phối lợi nhuận năm 2022.	Đã thực hiện.
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.	Đã thực hiện.
Hủy phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2021 và hủy phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2022.	Đã hủy.
Thoái vốn khoản đầu tư tại Công ty Liên doanh TNHH Nippon Express (Việt Nam).	Đang thực hiện.
Tăng vốn điều lệ Công ty	Đã thực hiện.

Các quyết định của ĐHĐCĐ	Kết quả thực hiện
Tiếp tục triển khai thực hiện phương án chào bán trái phiếu chuyển đổi TMSCB2020 của Công ty Cổ phần Transimex.	Phương án chào bán trái phiếu chuyển đổi TMSCB2020 dự kiến được khởi động lại vào quý 4 năm 2023, sau khi trả cổ tức bằng cổ phiếu. Tuy nhiên, do các phương án sử dụng vốn dự kiến lớn hơn 200 tỷ đồng, nên Hội đồng quản trị sẽ đề xuất với Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 để hủy phương án này và chuyển qua thực hiện phương án chào bán 700 tỷ đồng trái phiếu chuyển đổi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua.
Triển khai phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi Công ty Cổ phần Transimex 2023.	HĐQT sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua phương án chào bán trái phiếu chuyển đổi điều chỉnh từ 700 tỷ đồng xuống 400 tỷ đồng, để phù hợp với các nhu cầu sử dụng vốn trong năm 2024 và tăng tính thuyết phục của các hồ sơ giải trình mục đích sử dụng vốn. Các nhu cầu vốn cho hoạt động tài chính và đầu tư cho các năm xa hơn, 2025 – 2026, HĐQT sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua các phương án huy động vốn khác ở những thời điểm phù hợp.
Sửa đổi, bổ sung Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ của Công ty.	Đã thực hiện.

IV. KẾT QUẢ GIÁM SÁT VÀ HỖ TRỢ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI BAN ĐIỀU HÀNH

1. Các Nghị quyết của HĐQT đều được HĐQT ủy nhiệm cho Ban Điều hành Công ty triển khai thực hiện và báo cáo HĐQT.
2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Điều hành được thực hiện thông qua việc HĐQT chất vấn Ban Điều hành về kết quả kinh doanh trong kỳ tại các phiên họp định kỳ, đồng thời, giám sát nhiều hoạt động khác.
3. Luôn giám sát việc thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2023.
4. Tăng cường các hoạt động quản trị doanh nghiệp, các hoạt động kiểm soát nội bộ và kiểm soát rủi ro trong Công ty.
5. Chủ tịch HĐQT thường xuyên tham dự các cuộc họp giao ban hàng tuần của Công ty, luôn giám sát và chỉ đạo kịp thời các hoạt động kinh doanh của Công ty.
6. HĐQT đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ trong năm 2023 của BDH như sau:
 - (i) Triển khai thực hiện các dự án xây dựng theo đúng quy trình, quy định, theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, tích cực thực hiện các dự án đầu tư của Công ty và đưa vào hoạt động có hiệu quả cao.
 - (ii) Công tác quản lý tài chính được thực hiện tốt, bảo đảm cân đối nguồn vốn phục vụ đầu tư phát triển kinh doanh.
 - (iii) Ban Điều hành đã điều hành Công ty theo đúng chức năng, nhiệm vụ, thực hiện theo quy chế quản trị nội bộ, theo đúng điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.
 - (iv) Thực hiện công bố thông tin nghiêm túc và đúng quy định.
 - (v) Tuân thủ nghiêm túc và đầy đủ các báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của các Cơ quan quản lý Nhà nước.
 - (vi) Công tác đào tạo được chú trọng, nâng cao năng lực quản lý và chuyên môn của Cán bộ Nhân viên trong Công ty.
 - (vii) Thực hiện tốt việc chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ nhân viên Công ty.

V. BÁO CÁO THU NHẬP CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2023

Năm 2023, các thành viên HĐQT được trả thù lao theo quy định, nằm trong hạn mức đã được phê duyệt của ĐHĐCĐ thường niên. Cụ thể, thù lao của HĐQT năm 2023 như sau:

STT	Họ tên	Chức danh	Thù lao (trước thuế TNCN) (VNĐ)	Ghi chú
1.	Ông Bùi Tuấn Ngọc	Chủ tịch HĐQT	680.000.004	
2.	Ông Lê Duy Hiệp	Phó Chủ tịch HĐQT	391.111.112	
3.	Ông Vũ Chinh	Thành viên HĐQT	73.333.334	Miễn nhiệm từ tháng 4 năm 2023
4.	Ông Bùi Minh Tuấn	Thành viên HĐQT	228.888.888	
5.	Ông Nguyễn Bích Lân	Thành viên HĐQT	73.333.334	Miễn nhiệm từ tháng 4 năm 2023
6.	Ông Charvanin Bunditkitsada	Thành viên HĐQT	257.500.000	
7.	Ông Toshiyuki Matsuda	Thành viên HĐQT	257.500.000	
8.	Ông Võ Hoàng Giang	Thành viên HĐQT độc lập	177.777.776	Tham gia từ tháng 4 năm 2023
9.	Ông Huỳnh An Trung	Thành viên HĐQT độc lập	177.777.776	Tham gia từ tháng 4 năm 2023
Tổng cộng			2.317.222.224	

VI. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2024

1. Phấn đấu thực hiện kế hoạch kinh doanh năm tài chính 2024:

DVT: Triệu đồng

STT	Khoản mục	Số tiền
1	Doanh thu thuần hợp nhất	2.911.915
2	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất (LNTT)	476.310
3	Tỷ trọng LNTT/Tổng doanh thu	16,36%
4	Cổ tức năm 2024 (15% - 20% bằng cổ phiếu và/hoặc tiền mặt)	

- Tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2024, đề xuất trình Đại hội các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ.
- Tiếp tục thực hiện chiến lược phát triển logistics bền vững thông qua việc phát triển logistics xanh và hoàn thiện chuỗi cung ứng dịch vụ logistics mở rộng địa bàn trên phạm vi cả nước, tập trung đầu tư vào ngành nghề cốt lõi của Công ty.
- Tiếp tục theo dõi và đưa ra các chỉ đạo kịp thời cho Ban điều hành triển khai thực hiện đầu tư giai đoạn 2 của Trung tâm Logistics Thăng Long.
- Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu cả về dịch vụ, tổ chức nhân sự tại các Công ty con.
- Tiếp tục tập trung phát triển kinh doanh và tái cơ cấu cả về dịch vụ - tổ chức nhân sự tại các công ty khác mà Transimex đang là cổ đông chi phối, công ty mẹ tại khu vực miền Bắc như Công ty Cổ phần Cảng Mipec, Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương, Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại.

- Cùng với các đối tác đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện dự án Trung Tâm Logistics Vĩnh Lộc, Giai đoạn 2 Kho lạnh tại Bến Lức, Long An cũng như chuẩn bị cho việc khai thác dịch vụ sau khi hoàn thành đưa toàn bộ công trình vào sử dụng.
- Phối hợp với các cổ đông lớn của Công ty có cùng ngành nghề dịch vụ để phát triển và bổ sung các dịch vụ mới cho Công ty.
- Tiếp tục đầu tư vào các Công ty cùng ngành nghề có tiềm năng phát triển và có các dịch vụ hỗ trợ cho Công ty, hợp tác cùng các Công ty này đầu tư xây dựng kho bãi, khai thác có hiệu quả các quỹ đất hiện hữu của các đối tác.
- Quản lý có hiệu quả việc đầu tư tại các công ty liên doanh, liên kết thông qua các hình thức kết nối về dịch vụ, hợp tác kinh doanh và tham gia công tác quản trị ... nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư.
- Tiếp tục chỉ đạo, hỗ trợ BDH tìm kiếm thêm các dự án mới, nghiên cứu đầu tư những trung tâm logistics, kho bãi tại những vị trí tiềm năng và nâng cao năng lực cung cấp dịch vụ logistics của Công ty nhằm hoàn thiện chuỗi cung ứng dịch vụ logistics toàn quốc, đặc biệt tại các tỉnh, thành phố trọng điểm.
- Thực hiện các hoạt động tăng cường hiệu quả quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng hệ thống công nghệ thông tin hiện đại trong hoạt động kinh doanh, quản trị kho hàng, quản trị chi phí,
- Tiếp tục tiến hành đàm phán và thực hiện các công việc để thoái vốn khoản đầu tư khỏi Công ty liên doanh TNHH Nippon Express (Việt Nam).
- Xác định nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng, đảm bảo cho sự phát triển bền vững của Công ty trong năm tới cũng như trong tương lai, HĐQT sẽ chú trọng vào chính sách phát triển nguồn nhân lực bằng cách đẩy mạnh việc đào tạo, phát triển và quy hoạch nguồn nhân lực cho Công ty.

HĐQT đánh giá cao và cảm ơn BDH, toàn thể cán bộ nhân viên Công ty đã đóng góp để Công ty hoàn thành tối kế hoạch kinh doanh năm 2023. Hội đồng quản trị Công ty sẽ cùng BDH tiếp tục đề ra các biện pháp, kế hoạch, chiến lược để thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2024.

Trân trọng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



BÙI TUẤN NGỌC

Chủ tịch Hội đồng quản trị

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP NĂM 2023 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2024

Căn cứ nhiệm vụ quyền hạn và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị độc lập được quy định tại Điều lệ và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Transimex (“Transimex”, “Công ty”).

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 (“ĐHĐCĐ”) báo cáo hoạt động năm 2023 và kế hoạch năm 2024 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP (“THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP”)

1. Đánh giá sơ bộ hoạt động của thành viên HĐQT độc lập

- ĐHĐCĐ ngày 27/4/2023 đã bầu HĐQT nhiệm kỳ VI (2023 – 2028) gồm 07 thành viên, trong đó có 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị độc lập – đảm bảo đủ tỷ lệ về số lượng thành viên HĐQT phải là thành viên độc lập theo luật định.
- Tất cả các thành viên HĐQT độc lập đã tham dự các cuộc họp và tham gia vào các nội dung phù hợp với chức năng nhiệm vụ của thành viên HĐQT độc lập.

2. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập

Các nội dung hoạt động của Thành viên HĐQT độc lập trong năm 2023 bao gồm:

- Giám sát việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính năm và quý, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.
- Rà soát, đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm cho Công ty thông qua giám sát việc sửa đổi và hoàn thiện các Quy chế, quy định nội bộ của Transimex và việc ban hành các văn bản điều hành hoạt động kinh doanh.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA GIÁM SÁT

1. Về thực hiện nhiệm vụ quản lý điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành

Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã thực hiện đúng Điều lệ của Transimex, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị Transimex, cụ thể:

- Năm 2023, Hội đồng quản trị Transimex đã tổ chức kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên vào ngày 27/04/2023; Tổ chức 17 phiên họp Hội đồng quản trị và ban hành 24 Nghị quyết để chỉ đạo các hoạt động của Transimex trong thẩm quyền. Các phiên họp của Hội đồng quản trị được tổ chức phù hợp với quy định pháp luật, có sự tham gia của các thành viên Ban Điều hành và các Đơn vị liên quan để cùng nắm bắt được tình hình cũng như đưa ra các ý kiến đóng góp để Hội đồng quản trị cân nhắc, xem xét trước khi đưa ra Nghị quyết, Quyết định.

- Đối với hoạt động quản trị nhân sự:
 - Hội đồng quản trị đã thông qua và ban hành Nghị quyết về việc bổ nhiệm 01 vị trí Phó Tổng Giám đốc; tái bổ nhiệm 01 vị trí Phó Tổng Giám đốc; bổ nhiệm 01 vị trí Quyền Chánh Văn phòng HĐQT và 01 vị trí Phó Chánh Văn phòng HĐQT để thực hiện giúp việc cho Hội đồng quản trị.
 - Đồng thời, thông qua phê duyệt Quy chế Người đại diện vốn và Sơ đồ tổ chức mới của Công ty.

- Thành viên HĐQT độc lập nhận thấy: Hội đồng quản trị đã chỉ đạo và giám sát hoạt động của Ban Điều hành trong công tác hoàn thiện mô hình quản trị doanh nghiệp, xây dựng và hoàn thiện các Quy chế, Quy định nội bộ. Trong quá trình thực hiện, Ban Điều hành đã tuân thủ đầy đủ các quy định tại Điều lệ Công ty và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

2. Kết quả giám sát hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Transimex

- Về hoạt động quản trị kinh doanh, Hội đồng quản trị đã xem xét và ban hành Nghị quyết thông qua các vấn đề về kết quả kinh doanh, kế hoạch kinh doanh, tình hình đầu tư và tiến độ triển khai các dự án đầu tư, phương án phát hành và đăng ký trái phiếu và các hoạt động liên quan đến đầu tư khác của Công ty và các công ty trực thuộc.

- Doanh thu hợp nhất trong năm 2023 đạt 2.390 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2023 đạt 173 tỷ đồng.

- Tổng tài sản của Công ty tính đến 31/12/2023 là 7.513 tỷ đồng, tăng 1.943 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2022.

2.1 Kết quả thẩm định báo cáo tài chính, tình hình tài chính của Transimex:

- Thành viên HĐQT độc lập Transimex đã thực hiện trách nhiệm thẩm định báo cáo tài chính, tình hình tài chính theo đúng các quy định. Sổ sách kế toán được ghi chép một cách kịp thời, phản ánh trung thực các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh.

- Thành viên HĐQT độc lập xác nhận Báo cáo tài chính của Transimex năm 2023 được lập vào ngày 29/03/2024 đã phản ánh một cách trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty cũng như kết quả kinh doanh và hoạt động lưu chuyển tiền tệ phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định về kế toán có liên quan tại Việt Nam. Báo cáo tài chính của Transimex năm 2023 cũng đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam với ý kiến chấp nhận toàn phần.

2.2 Nhận xét, đánh giá tình hình tài chính của Transimex:

- Các số liệu trên cho thấy doanh thu và lợi nhuận sau thuế hợp nhất của Transimex đều không hoàn thành kế hoạch đề ra.
- Mặc dù kết quả kinh doanh không đạt được như mong muốn, tuy nhiên trong bối cảnh tình hình thị trường năm 2023 có nhiều khó khăn, thách thức nhưng kết quả kinh doanh hợp nhất của cả Tập đoàn là con số dương cũng đáng ghi nhận.

3. Đánh giá sự phối hợp giữa thành viên HĐQT độc lập với HĐQT, Ban Điều hành và các cán bộ quản lý

- Thành viên HĐQT độc lập đã nhận được sự hợp tác của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành và các cán bộ quản lý tại các phòng ban chức năng trong việc cung cấp các thông tin, tài liệu cần thiết phục vụ công tác kiểm tra giám sát.

- Hội đồng quản trị đã lập Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị 2023 phản ánh đầy đủ, trung thực tình hình hoạt động kinh doanh 2023 và phương hướng nhiệm vụ 2024. Ban điều hành đã lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 và kế hoạch kinh doanh năm 2024. Các báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính 2023 đã được kiểm toán đã được gửi tới thành viên HĐQT độc lập đầy đủ, kịp thời để thành viên HĐQT độc lập tổng hợp, đánh giá và báo cáo kết quả thẩm định tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

III. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2024

- Tiếp tục thực hiện các chức năng giám sát theo quy định tại quy chế hoạt động của Transimex.
- Thực hiện chức năng quản lý, giám sát công tác điều hành của Ban điều hành doanh nghiệp, phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành tìm kiếm những giải pháp tháo gỡ khó khăn tồn tại trong năm 2023 và giải pháp quản lý hiệu quả trong hoạt động kinh doanh năm 2024.
- Hỗ trợ HĐQT trong việc bảo đảm công tác quản trị doanh nghiệp phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Góp phần hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro doanh nghiệp phù hợp với tình hình hoạt động Công ty, quy định Pháp luật hiện hành.
- Thực hiện các công việc khác theo quy định của Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty

IV. KIẾN NGHỊ CỦA THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP

- Cần có sự kết hợp tốt hơn nữa giữa các phòng ban để có thể sử dụng tối đa nguồn nhân lực sẵn có của Công ty và có chiến lược cụ thể để thu hút và giữ nhân tài lâu dài cho Công ty.
- Tăng cường công tác quản lý công nợ, tránh để khách hàng chiếm dụng vốn lâu và tìm hiểu kỹ năng lực khách hàng trước khi giao dịch để hạn chế rủi ro về nợ xấu.
- Tiếp tục tăng cường công tác quản lý đánh giá hoạt động của các công ty trực thuộc quản lý, phòng ban nâng cao hiệu quả chung trong toàn Công ty.
- Ngoài ra thị trường kho bãi, logistics của Việt Nam phát triển nhanh sau đại dịch Covid do nhu cầu mua bán trực tuyến tăng cao, do vậy xu hướng trong những năm gần đây đã có nhiều công ty đã đầu tư vào bất động sản kho bãi, sẽ làm gia tăng tính cạnh tranh trên thị trường. Trước tình hình trên, Công ty nên tập trung vào những vấn đề sau:
 - Phát triển logistics thương mại điện tử, đầu tư vào công nghệ và chiến lược bán dịch vụ online.
 - Tập trung phát triển nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn tốt về quản lý, an ninh, vận hành, xuất nhập khẩu, ... để tăng sức cạnh tranh giữa với các doanh nghiệp lớn trong và ngoài nước.
 - Quảng cáo, tiếp cận các khách hàng tiềm năng thông qua nhiều kênh như tổ chức sự kiện, đầu tư website công ty, quảng cáo qua các kênh mạng xã hội,

Trân trọng./.

THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP

VÕ HOÀNG GIANG

THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP

HUỲNH AN TRUNG

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2023

Căn cứ nhiệm vụ quyền hạn và trách nhiệm của Ban Kiểm soát được quy định tại Điều lệ và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Transimex ("Transimex", "Công ty").

Ban kiểm soát kính trình trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ("ĐHĐCĐ") báo cáo đánh giá tình hình hoạt động năm 2023 của Ban kiểm soát như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Đánh giá sơ bộ hoạt động của thành viên Ban kiểm soát ("BKS")

- ĐHĐCĐ ngày 27/4/2023 đã bầu Ban kiểm soát nhiệm kỳ VI (2023 – 2028) gồm 03 thành viên, Ban kiểm soát cũng đã họp bầu Trưởng BKS ngay sau cuộc họp ĐHĐCĐ.
- Danh sách các thành viên BKS chốt đến ngày 31/12/2023 như sau

STT	Họ và Tên	Chức danh	Tỉ lệ nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết tại ngày 31/12/2023
1.	Bà Lê Thị Ngọc Anh	Trưởng BKS	0,00%
2.	Ông Vũ Chinh	Thành viên BKS	0,47%
3.	Bà Lê Thị Tường Vy	Thành viên BKS	0,00%

2. Hoạt động của thành viên BKS

- Trong năm, Ban kiểm soát đã họp và làm việc với HĐQT, Ban điều hành Công ty định kỳ 6 tháng. Tất cả các thành viên BKS đã tham dự đầy đủ các cuộc họp và tham gia vào các nội dung phù hợp với chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát.
- Ban kiểm soát tham gia đầy đủ các buổi họp của Hội đồng quản trị ("HĐQT");
- Kiểm tra tính hợp lý, tính trung thực việc tuân thủ các quy định nội bộ cũng như các quy định pháp luật của công tác kế toán, kiểm toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Xem xét báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính năm 2023 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.
- Kiểm tra việc thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị.
- Kiểm tra các hoạt động đầu tư, sử dụng và quản lý vốn.
- Kiểm tra Báo cáo tài chính bán niên, Báo cáo tài chính năm.
- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban kiểm soát đã được Hội đồng quản trị và Ban Điều hành tạo điều kiện thuận lợi để hoàn thành nhiệm vụ.

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Đánh giá hoạt động của Hội đồng Quản trị

- Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được triệu tập và tổ chức theo đúng quy định luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty.
- Hội đồng quản trị và Ban Điều hành đã cung cấp đầy đủ thông tin cho Ban kiểm soát về hoạt động kinh doanh, kế hoạch đầu tư và tình hình tài chính của Công ty trong năm 2023 thông qua các buổi họp trực tiếp và thông qua hình thức gửi email.
- Hội đồng quản trị giám sát hoạt động của Ban Điều hành thông qua các báo cáo kết quả kinh doanh định kỳ, báo cáo về biến động nhân sự, Báo cáo biến động đầu tư, định hướng phát triển kinh doanh, đầu tư trung và dài hạn. Hội đồng quản trị đã phối hợp tốt cùng với Ban Điều hành chỉ đạo điều hành toàn diện mọi hoạt động của Công ty.

2. Đánh giá hoạt động của Ban Điều hành

- Ban Điều hành đã triển khai và thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 và các nghị quyết của Hội đồng quản trị.
- Ban Điều hành thường xuyên họp với các phòng ban trong Công ty để kịp thời nắm bắt và xử lý các vấn đề phát sinh nhằm mang lại hiệu quả cao trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Ban Điều hành báo cáo đầy đủ, kịp thời trung thực kết quả kinh doanh, tình hình đầu tư cũng như xin ý kiến chỉ đạo từ Hội đồng quản trị.
- Ban kiểm soát nhận thấy Ban Tổng Giám đốc đã có nhiều nỗ lực và luôn tuân thủ các yêu cầu trong hệ thống quản trị nội bộ của Công ty.

3. Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2023

- Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam và đưa ra báo cáo kiểm toán, với ý kiến chấp nhận toàn phần.
- Kết quả kinh doanh hợp nhất của Công ty đạt chỉ tiêu như sau:

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Khoản mục	Thực hiện 2022	Năm 2023		% thực hiện 2023 so với	
			Kế hoạch 2023	Thực hiện 2023	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2023
1	Doanh thu hợp nhất	3.648.088	2.521.420	2.389.818	65,51%	94,78%
2	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất (LNTT)	774.230	317.050	214.326	27,68%	67,60%
3	Tỷ trọng LNTT/Tổng doanh thu	21,22%	12,57%	8,97%	42,26%	71,32%
4	Cổ tức (tiền mặt và/hoặc cổ phiếu)	30%	15% - 20%	12% (5% bằng tiền và 7% bằng cổ phiếu)		

- Doanh thu hợp nhất năm 2023 đạt 2.390 tỷ đồng, hoàn thành 94,78% kế hoạch năm 2023, và bằng 65,51% so với năm 2022.
- Lợi nhuận trước thuế hợp nhất năm 2023 đạt 214 tỷ đồng, hoàn thành 67,60% kế hoạch năm 2023 và bằng 27,68% so với năm 2022.
- Qua các số liệu trên cho thấy doanh thu và lợi nhuận trước thuế hợp nhất của Công ty đều không đạt kế hoạch đề ra.

4. Về đầu tư vào các dự án

Dự án trọng điểm là Kho lạnh Long An – Tổng mức đầu tư: 1.000 tỷ đồng đã hoàn thành giai đoạn 1 và đưa vào vận hành từ cuối tháng 9 năm 2023. Hiện đang gấp rút hoàn thành toàn giai đoạn 2 để đưa vào vận hành quý 2 năm 2024.

5. Về đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết, đầu tư cổ phiếu

- Tổng số tiền đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, đầu tư cổ phiếu trong năm là 265 tỷ đồng.
- Tổng số tiền chuyển nhượng trong năm là 70 tỷ đồng.
- Sau khi đầu tư, tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Transimex tại thời điểm 31/12/2023 ở một số công ty như sau:
 - Công ty Cổ phần Cảng Transimex đạt tỷ lệ sở hữu 99,99%.
 - Công ty Cổ phần Logistics Long An đạt tỷ lệ sở hữu 99,00%.
 - Công ty Cổ phần Transimex Shipping đạt tỷ lệ sở hữu 99,93%.
 - Công ty Cổ phần Transimex Hi-Tech Logistics đạt tỷ lệ sở hữu 99,44%.
 - Công ty Cổ phần Cảng Mipecc đạt tỷ lệ sở hữu 44,16%.
 - Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương đạt tỷ lệ sở hữu 21,77%.
 - Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại đạt tỷ lệ sở hữu 54,04%.
 - Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng đạt tỷ lệ sở hữu 0,89%.
 - Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai đạt tỷ lệ sở hữu 9,1%.
 - Công ty Cổ phần Vinalco đạt tỷ lệ sở hữu 1,46%.
 - Công ty Cổ phần Kỹ Nghệ Lạnh đạt tỷ lệ sở hữu 1,2%.

III. BÁO CÁO THU NHẬP CỦA CÁC THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT NĂM 2023

Năm 2023, các thành viên BKS được trả thù lao theo quy định, nằm trong hạn mức đã được phê duyệt của ĐHĐCĐ thường niên. Cụ thể, thù lao của BKS năm 2023 như sau:

STT	Họ tên	Chức danh	Thù lao (trước thuế TNCN) (VNĐ)	Ghi chú
1.	Bà Lê Thị Ngọc Anh	Trưởng BKS	228.888.888	
2.	Ông Vũ Chinh	Thành viên BKS	133.333.336	Tham gia từ tháng 4 năm 2023
3.	Bà Lê Thị Tường Vy	Thành viên BKS	133.333.336	Tham gia từ tháng 4 năm 2023
4.	Bà Nguyễn Kim Hậu	Thành viên BKS	65.555.556	Tham gia từ tháng 4 năm 2023
5.	Bà Phan Phương Tuyền	Thành viên BKS	65.555.556	Tham gia từ tháng 4 năm 2023
Tổng cộng			626.666.672	

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

- Các hoạt động của Công ty trong năm 2023 đã tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty, các quy định liên quan và chấp hành đúng nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của HĐQT. Hoạt động công bố thông tin của Công ty cũng tuân thủ theo các quy định liên quan áp dụng cho doanh nghiệp niêm yết.
- Một số kiến nghị: Với quy mô Công ty ngày càng lớn, phát huy kết quả năm 2023 và để đạt kế hoạch mục tiêu cho năm 2024, Ban kiểm soát có một số đề nghị sau:

- Cần có sự kết hợp tốt hơn nữa giữa Công ty mẹ và các công ty con, các đơn vị trực thuộc, các phòng ban để có thể sử dụng hiệu quả nguồn vốn, nhân lực, lợi thế sẵn có của Công ty và có chiến lược cụ thể để thu giữ nhân tài lâu dài cho Công ty.
- Tăng cường công tác quản lý công nợ, tránh để khách hàng chiếm dụng vốn lâu và tìm hiểu kỹ năng lực khách hàng trước khi giao dịch để hạn chế rủi ro về nợ xấu.
- Tăng cường công tác quản lý đánh giá hoạt động của các công ty con, phòng ban nâng cao hiệu quả chung trong toàn Công ty.
- Điều chuyển kịp thời, hợp lý và hiệu quả dòng tiền giữa Công ty mẹ và các công ty con.
- Tăng cường và triển khai việc áp dụng công nghệ thông tin trong quản trị công ty, quản trị Logistics, phát triển kinh tế số.
- Hoàn thiện chính sách lương, thưởng, phúc lợi trong toàn Công ty nhằm đảm bảo công bằng, hợp lý giữa công ty mẹ và các công ty thành viên.
- Quảng cáo, tiếp cận các khách hàng tiềm năng thông qua nhiều kênh như tổ chức sự kiện, đầu tư website công ty, quảng cáo qua các kênh mạng xã hội...

Trên đây là báo cáo của Ban kiểm soát năm 2023 trình ĐHĐCĐ thường niên 2024. Thay mặt Ban kiểm soát, tôi xin chân thành cảm ơn HĐQT, Ban điều hành và các Phòng ban Công ty Cổ phần Transimex đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ trong thời gian qua.

Trân trọng./.

TM. BAN KIỂM SOÁT



VŨ CHINH

Thành viên Ban kiểm soát

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP



Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam
Số 02 Đường Hải Triều, Phường Bến Nghé, Quận 1,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: (028) 38525252 Fax: (028) 38315090
Email: eyhcmc@vn.ey.com Website: www.ey.com/vn

Số tham chiếu: 12628598/66917476/HN

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Transimex

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Transimex ("Công ty") và các công ty con (sau đây gọi chung là "Tập đoàn") được lập ngày 29 tháng 3 năm 2024 và được trình bày từ trang 68 đến trang 126, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Hàng Nhật Quang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1772-2023-004-1

Phạm Xuân Tuân
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 4639-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND				
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết Minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.816.920.221.683	1.744.350.322.596
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	447.183.890.000	556.774.624.464
111	1. Tiền		369.176.081.781	377.274.624.464
112	2. Các khoản tương đương tiền		78.007.808.219	179.500.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		536.883.070.348	551.148.209.885
121	1. Chứng khoán kinh doanh	6.1	212.831.881.385	215.391.919.946
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	6.1	(1.526.122.439)	(975.910.061)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6.2	325.577.311.402	336.732.200.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		664.613.582.651	571.935.142.410
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	375.893.277.904	277.995.368.655
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	8	41.571.641.502	91.621.708.717
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn khác	9	45.200.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	10	214.064.897.013	210.083.011.832
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7, 8, 10	(12.116.233.768)	(7.764.946.794)
140	IV. Hàng tồn kho	11	13.011.984.414	15.394.505.094
141	1. Hàng tồn kho		13.011.984.414	15.394.505.094
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		155.227.694.270	49.097.840.743
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	18.656.073.032	12.498.158.445
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	21	132.248.823.307	35.447.369.600
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	21	4.322.797.931	1.142.337.698
155	4. Tài sản ngắn hạn khác		-	9.975.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		5.696.321.577.872	3.826.253.041.059
210	I. Phải thu dài hạn		21.804.878.209	25.488.810.290
216	1. Phải thu dài hạn khác	10	21.804.878.209	25.488.810.290
220	II. Tài sản cố định		2.870.057.530.273	1.116.555.569.241
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	2.842.649.350.333	1.092.515.210.172
222	- Nguyên giá		3.813.275.036.491	1.726.970.228.840
223	- Giá trị khấu hao lũy kế		(970.625.686.158)	(634.455.018.668)

VND				
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết Minh	Số cuối năm	Số đầu năm
224	2. Tài sản thuê tài chính	15	-	6.204.414.413
225	- Nguyên giá		-	8.557.812.978
226	- Giá trị khấu hao lũy kế		-	(2.353.398.565)
227	3. Tài sản cố định vô hình	14	27.408.179.940	17.835.944.656
228	- Nguyên giá		38.246.202.603	26.745.066.603
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(10.838.022.663)	(8.909.121.947)
230	III. Bất động sản đầu tư	16	40.868.817.636	43.609.887.430
231	1. Nguyên giá		90.106.164.459	88.395.738.648
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(49.237.346.823)	(44.785.851.218)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		359.638.076.451	102.996.085.240
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	17	359.638.076.451	102.996.085.240
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	18	1.734.712.170.501	2.357.605.205.601
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh và liên kết		1.720.171.684.014	2.345.064.719.114
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		11.540.486.487	11.540.486.487
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		3.000.000.000	1.000.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		669.240.104.802	179.997.483.257
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	227.462.556.733	135.706.339.552
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	33.3	21.841.172.345	9.906.409.331
269	3. Lợi thế thương mại	19	419.936.375.724	34.384.734.374
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		7.513.241.799.555	5.570.603.363.655
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.744.590.302.917	1.423.017.571.102
310	I. Nợ ngắn hạn		948.724.617.936	858.786.213.245
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	20	201.770.995.004	127.174.081.298
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		6.798.238.056	7.050.748.218
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	21	66.367.479.222	93.411.789.136
314	4. Phải trả người lao động		16.702.534.491	39.052.702.027
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	22	25.290.614.863	36.588.646.955
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		2.677.509.778	1.191.501.299
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	23	162.359.972.989	220.741.416.933
320	8. Vay ngắn hạn	24	420.596.804.664	278.622.398.176
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	25	46.160.468.869	54.952.929.203

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND				
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết Minh	Số cuối năm	Số đầu năm
330	II. Nợ dài hạn		1.795.865.684.981	564.231.357.857
337	1. Phải trả dài hạn khác	23	17.639.907.095	18.695.607.789
338	2. Vay dài hạn	24	1.778.225.777.886	545.535.750.068
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		4.768.651.496.638	4.147.585.792.553
410	I. Vốn chủ sở hữu	26	4.768.651.496.638	4.147.585.792.553
411	1. Vốn cổ phần		1.582.705.280.000	1.058.715.480.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.582.705.280.000	1.058.715.480.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		557.922.786.123	716.705.756.123
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		51.909.459.556	47.701.198.595
415	4. Cổ phiếu quỹ		(189.990.900)	(189.990.900)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		158.721.919.506	156.721.919.506
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.534.203.017.252	1.773.271.320.172
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		1.408.064.490.172	1.115.476.908.135
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		126.138.527.080	657.794.412.037
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	26.4	883.379.025.101	394.660.109.057
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		7.513.241.799.555	5.570.603.363.655

Phan Thi Mai Trâm
Người lập

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Phạm Xuân Quang
Kế toán trưởng



Bùi Tuấn Ngọc
Chủ tịch

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND				
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.1	2.403.225.044.262	3.656.259.677.895
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	27.1	(13.406.743.467)	(8.171.830.186)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.389.818.300.795	3.648.087.847.709
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	28	(1.979.159.191.392)	(3.098.145.979.664)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		410.659.109.403	549.941.868.045
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	27.2	72.500.536.531	160.207.863.911
22	7. Chi phí tài chính	29	(91.887.900.636)	(88.695.338.812)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(78.147.822.175)	(58.088.693.621)
24	8. Phần lãi trong công ty liên kết	18.1	40.382.387.129	353.783.843.815
25	9. Chi phí bán hàng	30	(33.607.873.201)	(29.783.011.326)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	(187.277.133.658)	(173.874.207.197)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		210.769.125.568	771.581.018.436
31	12. Thu nhập khác	31	10.718.740.227	11.263.499.641
32	13. Chi phí khác	31	(7.162.056.606)	(8.614.805.388)
40	14. Lợi nhuận khác	31	3.556.683.621	2.648.694.253
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		214.325.809.189	774.229.712.689
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	33.1	(63.876.165.778)	(101.821.490.210)
52	17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	33.3	22.600.816.586	9.906.409.331
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		173.050.459.997	682.314.631.810
61	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		136.960.891.497	660.744.996.699
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		36.089.568.500	21.569.635.111
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26.5	865	4.175
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	26.5	865	4.175

Phan Thi Mai Trâm
Người lập

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Phạm Xuân Quang
Kế toán trưởng



Bùi Tuấn Ngọc
Chủ tịch

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		214.325.809.189	774.229.712.689
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư và hao mòn tài sản cố định vô hình (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	13, 14, 15, 16 và 19	144.918.366.315	124.576.484.435
03	(Hoàn nhập dự phòng) dự phòng		(1.805.918.631)	4.280.443.508
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(2.298.320.918)	(14.562.740.596)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(98.702.923.436)	(470.697.735.032)
06	Chi phí đi vay và chi phí phát hành trái phiếu	29	81.068.276.720	63.544.647.746
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		337.505.289.239	481.370.812.750
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(15.374.427.079)	466.978.671.642
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		8.553.968.961	(5.163.628.791)
11	Giảm các khoản phải trả		(372.776.378.166)	(321.058.014.409)
12	Tăng chi phí trả trước		(712.462.318)	(61.255.054.488)
13	Giảm (tăng) chứng khoán kinh doanh		2.560.038.561	(129.071.442.283)
14	Tiền lãi vay đã trả		(76.662.098.292)	(59.888.467.095)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	21	(101.268.784.624)	(43.868.792.342)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	25	(24.998.056.113)	(37.156.943.324)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh		(243.172.909.831)	290.887.141.660
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(422.562.450.840)	(266.875.743.792)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		12.572.957.228	171.207.497.815
23	Tiền chi cho vay, tiền gửi kỳ hạn		(685.809.659.347)	(820.342.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, tiền gửi kỳ hạn		685.164.347.945	627.962.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trừ đi tiền thu về)		(170.681.981.031)	(279.439.981.466)

VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trừ đi tiền do đơn vị bị thanh lý nắm giữ)		-	171.462.490.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức nhận được		173.114.201.979	48.615.104.990
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(408.202.584.066)	(347.410.632.453)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	Nhận vốn góp từ cổ đông không kiểm soát	26.4	26.149.552.100	22.716.400.000
33	Tiền thu từ đi vay	24	1.105.098.706.015	1.105.558.355.908
34	Tiền trả nợ gốc vay	24	(571.060.169.816)	(1.563.899.797.383)
35	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	24	(923.351.984)	(7.147.566.236)
36	Tiền chi trả cổ tức		(16.407.097.800)	(17.541.362.576)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính		542.857.638.515	(460.313.970.287)
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(108.517.855.382)	(516.837.461.080)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		556.774.624.464	1.073.681.032.249
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(1.072.879.082)	(68.946.705)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	447.183.890.000	556.774.624.464

Phan Thi Mai Trâm
Người lập

Phạm Xuân Quang
Kế toán trưởng



Bùi Tuấn Ngọc
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Transimex ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0301874259 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 3 tháng 12 năm 1999, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") vào ngày 4 tháng 8 năm 2000.

Hoạt động kinh doanh chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") là đại lý giao nhận và vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu; dịch vụ kho ngoại quan, kho CFS, kho ICD; kinh doanh kho bãi, xếp dỡ, lưu giữ hàng hóa, làm thủ tục hải quan; đại lý tàu biển và môi giới hàng hải.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại 172 (Lầu 9-10) Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 1.435 người (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 1.295).

Cơ cấu tổ chức

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, cơ cấu tổ chức của Tập đoàn bao gồm 20 công ty con (31 tháng 12 năm 2022: 14) với chi tiết như sau:

Tên công ty con	Địa điểm	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu		Tỷ lệ biểu quyết	
			Số cuối năm (%)	Số đầu năm (%)	Số cuối năm (%)	Số đầu năm (%)
1. Công ty Cổ phần Transimex Logistics ("TOT")	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ vận tải	75,48	75,48	75,48	75,48
2. Công ty TNHH MTV Bất động sản Transimex ("BDS")	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ cho thuê văn phòng	100	100	100	100
3. Công ty TNHH MTV Trung tâm Phân phối Transimex ("DC")	Tỉnh Bình Dương	Dịch vụ vận tải, bốc xếp; lưu trữ hàng hóa	100	100	100	100
4. Công ty TNHH MTV Transimex Hi Tech Park Logistics ("SHTP")	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ vận tải, kho bãi	99,44	99,39	99,44	99,39
5. Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Thăng Long ("TLL")	Tỉnh Hưng Yên	Dịch vụ logistic	61,57	67,04	71,43	77,78

Tên công ty con	Địa điểm	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu		Tỷ lệ biểu quyết	
			Số cuối năm (%)	Số đầu năm (%)	Số cuối năm (%)	Số đầu năm (%)
6. Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Vĩnh Lộc ("VLL")	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ logistic	55,91	59,51	64,50	67,40
7. Công ty Cổ phần Vinafreight ("VNF")	TP. Hồ Chí Minh	Giao nhận vận tải quốc tế	57,05	57,05	57,05	57,05
8. Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không Véc Tư Quốc tế	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ vận tải hàng hóa	51,34	51,34	90,00	90,00
9. Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thương mại Con Đường Việt (Thuyết minh số 4.2)	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ vận tải hàng hóa; đại lý bán vé máy bay	26,18	26,18	94,90	94,90
10. Công ty TNHH Hậu cần Toàn cầu SFS Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ giao nhận hàng hóa	57,05	57,05	100	100
11. Công ty TNHH Logistics Xuê Hàng Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ giao nhận hàng hóa	29,01	29,01	51,00	51,00
12. Công ty TNHH MTV Đầu tư Long An ("LAI")	Tỉnh Long An	Dịch vụ kho bãi	99,44	99,39	99,44	99,39
13. Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung ("Vinatrans Da Nang")	TP. Đà Nẵng	Giao nhận vận tải quốc tế	38,40	38,40	50,38	50,38
14. Công ty Cổ phần Transimex Hi-Tech Logistics ("SHTL")	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ kho bãi	99,44	99,39	99,44	99,39
15. Công ty Cổ phần Transimex Shipping ("TSP") (Thuyết minh số 4.1)	TP. Hải Phòng	Dịch vụ logistics	99,93	-	99,93	-
16. Công ty Cổ phần Cảng Transimex ("TICD") (Thuyết minh số 4.1)	TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ cảng	99,99	-	99,96	-
17. Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Hưng Yên ("HYL") (Thuyết minh số 4.2 và 4.1)	Tỉnh Hưng Yên	Dịch vụ logistics	99,00	-	99,00	-
18. Công ty Cổ phần Logistics Long An ("LAL") (Thuyết minh số 4.1)	Tỉnh Long An	Dịch vụ logistics	99,00	-	99,00	-
19. Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại ("TJC") (Thuyết minh số 4.3)	TP. Hải Phòng	Dịch vụ vận tải và kho bãi	54,04	-	54,04	-
20. Công ty Cổ phần Cảng MIPEC ("MIPEC") (Thuyết minh số 4.4)	TP. Hải Phòng	Dịch vụ cảng	44,16	-	53,32	-

Ngoài ra, vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 Tập đoàn có 6 công ty liên doanh, liên kết như được trình bày tại thuyết minh số 18.1

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Nhật ký chung.

2.3 Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tập đoàn là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|-------------------------------------|---|
| Công cụ, dụng cụ, và nhiên liệu | - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | - chi phí dịch vụ mua ngoài và lao động trực tiếp cộng chi phí chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng

được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên đi thuê

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Tập đoàn mua.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 50 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 – 20 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 15 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	3 – 15 năm
Phẩm mềm máy tính	3 – 7 năm

Tập đoàn không phân bổ giá trị quyền sử dụng đất khi quyền sử dụng đất có thời gian sử dụng lâu dài.

3.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Tập đoàn không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tập đoàn có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	20 – 30 năm
--------------------------	-------------

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn và được sử dụng trên một năm;
- Tiền thuê đất trả trước;
- Chi phí bảo hiểm; và
- Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45"), khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của các hợp đồng thuê.

3.11 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ, công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

3.12 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công

ty liên kết là công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của Tập đoàn trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức và lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư vào liên doanh

Khoản đầu tư của Tập đoàn vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp này, khoản đầu tư của Tập đoàn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát sau khi liên doanh.

Phần sở hữu của Tập đoàn trong lợi nhuận (lỗ) của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi của các quỹ của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát sau khi mua được ghi nhận vào quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi liên doanh được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát. Cổ tức nhận được/Lợi nhuận được chia từ cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được căn trừ vào giá trị khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.15 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tập đoàn mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tập đoàn không ghi nhận các khoản lãi hay lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển
Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi
Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.17 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.18 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

3.19 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

3.21 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Tập đoàn là vận tải quốc tế và nội địa, giao nhận hàng, kinh doanh cho thuê kho bãi và văn phòng. Trong đó, hoạt động cho thuê văn phòng chiếm tỷ trọng không đáng kể. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Tập đoàn chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh là ngành nghề vận tải và kho vận, và theo đó, thông tin theo bộ phận không được trình bày.

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

4.1 Thành lập các công ty con

Trong năm 2023, Tập đoàn và các cổ đông sáng lập của các công ty con đã thực hiện góp vốn thành lập các công ty con mới, bao gồm Công ty Cổ phần Transimex Shipping ("TSP"), Công ty Cổ phần Cảng Transimex ("TICD"), Công ty Cổ phần Logistics Long An ("LAL"), Công ty Cổ phần ICD Hưng Yên ("IHY") và Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Hưng Yên ("HYL").

4.2 Giải thể một số công ty con

Trong năm 2023, Tập đoàn đã và đang trong quá trình hoàn tất thủ tục giải thể một số công ty con, bao gồm IHY, HYL và Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thương mại Con Đường Việt ("Vietway").

4.3 Mua cổ phần trong Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại ("TJC")

Vào ngày 3 tháng 11 năm 2023, Tập đoàn hoàn tất nhận chuyển nhượng thêm 389.580 cổ phiếu TJC, tương đương với 4,53% sở hữu trong TJC. Theo đó, tỷ lệ biểu quyết của Tập đoàn trong TJC tăng từ 49,51% lên 54,05% và TJC trở thành công ty con của Tập đoàn kể từ ngày này.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn vẫn đang trong quá trình xác định lại giá trị hợp lý tại ngày mua của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng có thể xác định được của TJC. Do đó, Tập đoàn đã sử dụng giá trị hợp lý tạm thời để hợp nhất công ty con này. Giá trị hợp lý tạm thời của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của TJC tại ngày hợp nhất được trình bày như sau:

	VND
	<i>Giá trị hợp lý tạm thời ghi nhận tại ngày hợp nhất</i>
Tài sản	206.810.291.141
Tiền	10.533.339.796
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	60.600.000.000
Các khoản phải thu	11.085.778.020
Hàng tồn kho	5.982.694.581
Các tài sản ngắn hạn khác	10.818.799.614
Tài sản cố định	79.358.637.175
Xây dựng cơ bản dở dang	27.732.583.089
Các tài sản dài hạn khác	698.458.866
Nợ phải trả	24.518.986.841
Phải trả người bán	7.509.926.021
Các khoản nợ phải trả khác	5.844.931.450
Thuế hoãn lại phải trả	11.164.129.370
Tổng tài sản thuần theo giá trị hợp lý	182.291.304.300
Cổ đông không kiểm soát	83.781.083.456
Lãi từ giao dịch mua rẻ (<i>Thuyết minh số 31</i>)	(5.085.546.509)
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh	93.424.674.335

Trong đó:

Giá trị hợp lý trước ngày nắm quyền kiểm soát được đánh giá lại tại ngày mua (*)	85.589.418.000
Phí mua thêm để nắm quyền kiểm soát	7.835.256.335

(*) Phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào TJC tại ngày mua và giá trị ghi sổ tại ngày trước khi mua đã được ghi nhận là doanh thu tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Thuyết minh 27.2).

4.4 Mua cổ phần trong Công ty Cổ phần Cảng Mipec ("MIPEC")

Vào ngày 26 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn hoàn tất nhận chuyển nhượng thêm 5.965.200 cổ phiếu MIPEC, tương đương với 5,33% sở hữu trong MIPEC. Theo đó, tỷ lệ biểu quyết của Tập đoàn trong MIPEC tăng từ 47,99% lên 53,32% và MIPEC trở thành công ty con của Tập đoàn kể từ ngày này.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn vẫn đang trong quá trình xác định lại giá trị hợp lý tại ngày mua của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng có thể xác định được của MIPEC. Do đó, Tập đoàn đã sử dụng giá trị hợp lý tạm thời để hợp nhất công ty con này. Giá trị hợp lý tạm thời của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của MIPEC tại ngày hợp nhất được trình bày như sau:

	VND
	Giá trị hợp lý tạm thời ghi nhận tại ngày hợp nhất
Tài sản	1.504.813.619.112
Tiền	28.955.316.696
Các khoản phải thu	22.302.134.624
Các tài sản ngắn hạn khác	22.920.560.062
Tài sản cố định	1.321.174.526.142
Xây dựng cơ bản dở dang	18.835.486.395
Các tài sản dài hạn khác	90.625.595.193
Nợ phải trả	854.773.141.463
Vay	841.999.995.546
Phải trả người bán	9.495.634.051
Các khoản nợ phải trả khác	3.277.511.866
Tổng tài sản thuần theo giá trị hợp lý	650.040.477.649
Cổ đông không kiểm soát	362.982.602.719
Lợi thế thương mại từ hợp nhất kinh doanh	391.854.222.734
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh tạm thời	678.912.097.664

Trong đó:

Giá trị hợp lý trước ngày nắm quyền kiểm soát được đánh giá lại tại ngày mua	573.924.577.664
Phí mua thêm để nắm quyền kiểm soát	104.987.520.000

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	5.313.714.630	5.344.243.263
Tiền gửi ngân hàng	363.831.417.151	368.745.381.201
Các khoản tương đương tiền (*)	78.007.808.219	179.500.000.000
Tiền đang chuyển	30.950.000	3.185.000.000
TỔNG CỘNG	447.183.890.000	556.774.624.464

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng thương mại có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng và hưởng lãi suất tiền gửi áp dụng theo lãi suất tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng.

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

6.1 Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm			Số đầu năm			VND
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai ("PDN") (*)	146.278.219.460	222.928.520.000	-	136.705.160.694	153.515.778.000	-	
Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng ("CDN")	25.645.696.398	24.536.775.715	(1.108.920.683)	19.270.679.211	18.904.690.000	(365.989.211)	
Công ty Cổ phần Vinafco ("VFC")	19.239.954.702	36.949.380.000	-	9.403.585.990	13.157.760.000	-	
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài ("NCT")	17.412.493.687	17.762.598.000	-	40.256.385.685	40.579.908.000	-	
Công ty Cổ phần Searefico ("SFR")	3.964.752.644	3.558.215.388	(406.537.256)	1.670.673.261	1.677.520.000	-	
Công ty Cổ phần Logistics Vinalink ("VNL")	247.699.994	315.000.000	-	247.699.994	312.000.000	-	
Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Hiệp Phước ("HPI")	43.064.500	32.400.000	(10.664.500)	43.064.500	46.600.000	-	
Công ty Cổ phần Long Hậu ("LHG")	-	-	-	5.403.189.731	6.868.295.000	-	
Công ty Cổ phần Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Nhà ("ITC")	-	-	-	2.325.451.130	1.715.530.280	(609.920.850)	
Công ty Cổ phần Sông Ba ("SBA")	-	-	-	66.029.750	66.029.750	-	
TỔNG CỘNG	212.831.881.385	306.082.889.103	(1.526.122.439)	215.391.919.946	236.844.111.030	(975.910.061)	

(*) Tập đoàn đã sử dụng một phần cổ phiếu PDN để làm tài sản đảm bảo cho khoản trái phiếu (Thuyết minh số 24).

6.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	325.577.311.402	311.532.000.000
Trái phiếu (Thuyết minh số 34)	-	25.200.200.000
TỔNG CỘNG	325.577.311.402	336.732.200.000

(*) Số cuối năm thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại có thời hạn gốc có kỳ hạn gốc từ ba (3) đến mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất tiền gửi áp dụng theo lãi suất tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ bên khác	372.449.301.087	275.115.620.946
- IMA International Shipping S.A.	57.117.134.404	-
- Công ty TNHH Kinh đô Miền Bắc	17.632.643.430	10.935.292.981
- Công ty TNHH Logistics Shibushawa	16.750.647.380	21.502.530.318
- Maersk Line A/S	15.424.350.451	12.611.298.067
- Công ty TNHH Henkel Adhesive Technologies Việt Nam	14.218.367.901	18.651.324.009
- Các khách hàng khác	251.306.157.521	211.415.175.571
Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 34)	3.443.976.817	2.879.747.709
TỔNG CỘNG	375.893.277.904	277.995.368.655
Dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng	(7.951.956.167)	(7.764.946.794)
GIÁ TRỊ THUẦN	367.941.321.737	270.230.421.861

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng khó đòi:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	8.782.255.439	4.460.413.347
Dự phòng trích lập trong năm	1.255.521.418	3.507.036.736
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(2.085.820.690)	(202.503.289)
Số cuối năm	7.951.956.167	7.764.946.794

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Searefico	11.956.511.939	42.000.000.000
Công ty Cổ phần Hàng không Lữ hành Việt Nam	9.685.372.637	19.897.868.642
Các nhà cung cấp khác	19.929.756.926	29.723.840.075
TỔNG CỘNG	41.571.641.502	91.621.708.717
Dự phòng trả trước cho người bán	(474.168.263)	-
GIÁ TRỊ THUẦN	41.097.473.239	91.621.708.717

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	-
Dự phòng trích lập trong năm	474.168.263	-
Số cuối năm	474.168.263	-

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Số cuối năm thể hiện khoản cho vay Công ty Cổ phần Chuỗi cung Ứng AP, bên liên quan, vay tín chấp với ngày đáo hạn từ ngày 30 tháng 6 năm 2024 đến ngày 19 tháng 12 năm 2024 và lãi suất dao động từ 6,5% đến 7,0%/năm (Thuyết minh số 34).

10. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	214.064.897.013	210.083.011.832
Tạm ứng nhân viên	96.133.206.075	77.498.174.067
Ký quỹ (*)	62.257.617.594	55.047.396.689
Chi phí hoa hồng	24.672.154.128	20.660.393.620
Chi hộ	19.160.067.264	30.403.225.889
Lãi dự thu	5.873.476.955	7.348.897.766
Khác	5.968.374.997	19.124.923.801
Dài hạn	21.804.878.209	25.488.810.290
Ký quỹ	21.802.139.809	14.384.571.890
Khác	2.738.400	11.104.238.400
TỔNG CỘNG	235.869.775.222	235.571.822.122
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác	(3.690.109.338)	-
GIÁ TRỊ THUẦN	232.179.665.884	235.571.822.122

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trong đó:</i>		
<i>Bên liên quan (Thuyết minh số 34)</i>	69.153.914.057	49.849.300.323
<i>Bên khác</i>	166.715.861.165	185.722.521.799
<i>Tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khác khó đòi:</i>		
	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	-
Dự phòng trích lập trong năm	3.690.109.338	-
Số cuối năm	3.690.109.338	-

(*) Số cuối năm thể hiện các khoản tiền ký quỹ tại ngân hàng để bảo lãnh thanh toán theo yêu cầu của các hãng hàng không cho dịch vụ vận chuyển quốc tế và được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn ngân hàng (Thuyết minh số 24).

11. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí dịch vụ dở dang	7.818.153.990	10.466.520.826
Nhiên liệu, vật liệu	3.738.000.184	4.260.009.424
Công cụ, dụng cụ	1.455.830.240	667.974.844
TỔNG CỘNG	13.011.984.414	15.394.505.094

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	18.656.073.032	12.498.158.445
Chi phí sửa chữa	6.406.701.104	4.307.035.862
Công cụ, dụng cụ	5.757.947.463	3.296.719.217
Chi phí bảo hiểm	2.066.309.002	1.577.246.055
Khác	4.425.115.463	3.317.157.311
Dài hạn	227.462.556.733	135.706.339.552
Chi phí thuê đất (*)	187.347.281.738	101.672.399.413
Công cụ, dụng cụ	16.872.787.044	3.783.541.865
Chi phí sửa chữa	11.128.910.569	13.406.619.719
Tiền đền bù giải phóng mặt bằng	7.862.349.880	8.037.392.920
Khác	4.251.227.502	8.806.385.635
TỔNG CỘNG	246.118.629.765	148.204.497.997

(*) Số cuối năm thể hiện chi phí thuê đất trả trước còn lại chưa phân bổ, bao gồm:

- Hợp đồng thuê đất số 07/HĐTQSDĐ-VL2-2022 với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Khu công nghiệp Vĩnh Lộc – Bến Lức vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 để thuê lại hai lô đất E2 và E3 thuộc khu E, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc 2, Quốc lộ 1, Ấp Voi Lá, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An có diện tích 29.113 m² trong vòng 39 năm; và
- Quyền sử dụng đất trả trước một lần với diện tích đất là 221.761,9 m² thuộc Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh Cảng tiếp nhận tàu 30.000 DWT đến 40.000 DWT giảm tải.

Tập đoàn đã thế chấp giá trị quyền sử dụng đất thuê trên để đảm bảo cho khoản vay ngân hàng (Thuyết minh số 24).

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND					
	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số đầu năm	838.927.963.385	110.377.213.143	662.767.191.873	8.143.892.812	106.753.967.627	1.726.970.228.840
Tăng do hợp nhất công ty con	1.013.393.807.930	505.302.578.943	80.937.254.174	9.990.169.418	-	1.609.623.810.465
Mua trong năm	8.082.013.484	3.426.490.061	307.928.771.588	914.830.400	920.652.767	321.272.758.300
Đầu tư xây dựng cơ bản dở dang	209.388.984.546	7.033.406.436	38.683.603.055	-	-	255.105.994.037
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	8.557.812.978	-	-	8.557.812.978
Phân loại lại	(1.710.425.811)	-	-	-	1.531.198.933	(179.226.878)
Thanh lý	(106.164.998)	(5.595.484.419)	(105.097.892.950)	(499.923.409)	-	(111.299.465.776)
Khác	3.223.124.525	-	-	-	-	3.223.124.525
Số cuối năm	2.071.199.303.061	620.544.204.164	993.776.740.718	18.548.969.221	109.205.819.327	3.813.275.036.491
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	41.308.200.930	698.577.875	36.162.961.968	3.381.220.390	23.599.056.536	105.150.017.699
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	(222.397.453.399)	(24.724.649.447)	(328.220.942.935)	(7.936.809.763)	(51.175.163.124)	(634.455.018.668)
Tăng do hợp nhất công ty con	(106.592.176.787)	(102.739.309.241)	(57.746.416.473)	(6.627.734.751)	-	(273.705.637.252)
Khấu hao trong năm	(33.983.479.588)	(9.731.279.959)	(81.907.630.500)	(602.422.958)	(7.951.087.960)	(134.175.900.965)
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	(2.709.974.105)	-	-	(2.709.974.105)
Phân loại lại	1.475.739.769	-	-	-	6.880.391.872	8.356.131.641
Thanh lý	106.164.998	2.537.810.558	66.143.938.751	499.923.409	-	69.287.837.716
Khác	(3.223.124.525)	-	-	-	-	(3.223.124.525)
Số cuối năm	(364.614.329.532)	(134.657.428.089)	(404.441.025.262)	(14.667.044.063)	(52.245.859.212)	(970.625.686.158)
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	616.530.509.986	85.652.563.696	334.546.248.938	207.083.049	55.578.804.503	1.092.515.210.172
Số cuối năm	1.706.584.973.529	485.886.776.075	589.335.715.456	3.881.925.158	56.959.960.115	2.842.649.350.333

Như trình bày tại *Thuyết minh số 24*, Tập đoàn đã thế chấp quyền một số tài sản nhằm đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

				VND
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Trang web	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Số đầu năm	15.524.615.014	11.187.951.589	32.500.000	26.745.066.603
Tăng do hợp nhất công ty con	7.255.296.000	3.502.915.000	-	10.758.211.000
Mua trong năm	-	588.000.000	-	588.000.000
Đầu tư xây dựng cơ bản dở dang	-	629.000.000	-	629.000.000
Thanh lý	-	(511.200.000)	-	(511.200.000)
Khác	-	37.125.000	-	37.125.000
Số cuối năm	22.779.911.014	15.433.791.589	32.500.000	38.246.202.603
<i>Trong đó:</i>				
Đã hao mòn hết	-	4.283.534.679	32.500.000	4.316.034.679
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số đầu năm	-	(8.876.621.947)	(32.500.000)	(8.909.121.947)
Tăng do sát nhập công ty con	-	(1.331.437.748)	-	(1.331.437.748)
Hao mòn trong năm	-	(1.107.552.590)	-	(1.107.552.590)
Thanh lý	-	511.214.622	-	511.214.622
Khác	-	(1.125.000)	-	(1.125.000)
Số cuối năm	-	(10.805.522.663)	(32.500.000)	(10.838.022.663)
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	15.524.615.014	2.311.329.642	-	17.835.944.656
Số cuối năm	22.779.911.014	4.628.268.926	-	27.408.179.940

Như trình bày tại *Thuyết minh số 24*, Tập đoàn đã thế chấp một số quyền sử dụng đất nhằm đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

		VND
		Xe nâng
Nguyên giá:		
Số đầu năm		8.557.812.978
Mua lại TSCĐ thuê tài chính		(8.557.812.978)
Số cuối năm		-
Giá trị khấu hao lũy kế:		
Số đầu năm		(2.353.398.565)

VND

Xe nâng

Khấu hao trong năm	(356.575.540)
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	2.709.974.105
Số cuối năm	-
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	6.204.414.413
Số cuối năm	-

16. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

		VND
		Nhà cửa và vật kiến trúc
Nguyên giá:		
Số đầu năm		88.395.738.648
Chuyển từ tài sản cố định		1.710.425.811
Số cuối năm		90.106.164.459
Giá trị khấu hao lũy kế:		
Số đầu năm		(44.785.851.218)
Khấu hao trong năm		(2.975.755.836)
Chuyển từ tài sản cố định		(1.475.739.769)
Số cuối năm		(49.237.346.823)
Giá trị còn lại:		
Số đầu năm		43.609.887.430
Số cuối năm		40.868.817.636

Bất động sản đầu tư của Tập đoàn bao gồm:

- Tòa nhà Transimex tọa lạc tại số 172 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam;
- Một phần của tòa nhà văn phòng tọa lạc tại số 184 Trần Phú, phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam;
- Ngôi nhà tọa lạc tại số 49 Phan Đăng Lưu, Phường Hòa Cường Bắc, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam và;
- Một phần của tòa nhà tọa lạc tại số 109-111 Lê Đức Thọ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Việt Nam.

Các khoản doanh thu và chi phí hoạt động liên quan đến bất động sản đầu tư được trình bày tại *Thuyết minh số 27.1* và *Thuyết minh số 28*.

Giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31 tháng 12 năm 2023. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê thực tế và giá trị thị trường của tài sản, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại tại ngày này.

17. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Kho lạnh	273.226.438.731	75.680.646.811
Dự án đầu tư tại VLL	32.324.847.400	25.560.561.326
Tòa nhà văn phòng	30.122.311.313	-
Phương tiện vận tải	21.008.834.545	-
Chi phí dự án khác	2.955.644.462	1.754.877.103
TỔNG CỘNG	359.638.076.451	102.996.085.240

18. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (Thuyết minh số 18.1)	1.720.171.684.014	2.345.064.719.114
Đầu tư vào đơn vị khác (Thuyết minh số 18.2)	11.540.486.487	11.540.486.487
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh số 18.3)	3.000.000.000	1.000.000.000
TỔNG CỘNG	1.734.712.170.501	2.357.605.205.601

18.1 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Quan hệ	Hoạt động kinh doanh	Tình trạng	VND			
				Số cuối năm		Số đầu năm	
				Giá trị đầu tư VND	% lợi ích %	Giá trị đầu tư VND	% lợi ích %
Công ty TNHH Nippon Express (Việt Nam) ("Nippon")	Công ty liên doanh	Dịch vụ vận tải	Đang hoạt động	775.344.091.666	50,00	841.873.722.908	50,00
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ lớn ("CLX")	Công ty liên kết	Thương mại và dịch vụ	Đang hoạt động	510.654.564.729	30,11	465.636.188.291	30,11
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương ("VNT")	Công ty liên kết	Dịch vụ giao nhận vận chuyển	Đang hoạt động	217.807.174.885	35,96	162.574.867.039	33,87
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An ("HACT")	Công ty liên kết	Vận tải ven biển và viễn dương	Đang hoạt động	160.719.119.371	20,00	169.004.660.875	20,00
Công ty Cổ phần Thủy Đặc Sản ("SPV")	Công ty liên kết	Sản xuất và thương mại	Đang hoạt động	51.862.012.517	20,04	48.254.099.570	20,00
Công ty Cổ phần điện Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc	Công ty liên kết	Sản xuất và kinh doanh	Đang hoạt động	3.784.720.846	20,00	3.530.092.755	20,00
Công ty Cổ phần Cảng Mipeco ("MIPEC")	Công ty liên kết	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	Đang hoạt động	-	-	570.866.799.923	38,34
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại ("TJC")	Công ty liên kết	Thương mại và dịch vụ	Đang hoạt động	-	-	83.324.287.753	49,51
TỔNG CỘNG				1.720.171.684.014		2.345.064.719.114	

(*) Một phần cổ phiếu CLX và VNT đã thế chấp để làm tài sản đảm bảo cho các khoản trái phiếu và vay bên liên quan (Thuyết minh số 24).

Chi tiết đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết như sau:

	VND
Giá gốc	
Số đầu năm	1.245.298.292.764
Tăng thêm	122.548.061.188
Giảm do hợp nhất công ty con	(793.585.649.977)
Khác	6.042.688.514
Số cuối năm	580.303.392.489
Lợi nhuận lũy kế sau khi mua các công ty liên doanh, liên kết:	
Số đầu năm	1.099.766.426.350
Phần lợi nhuận từ công ty liên doanh, liên kết trong năm	40.382.387.129
Cổ tức	(137.931.956.000)
Giảm do hợp nhất công ty con	143.694.122.560
Khác	(6.042.688.514)
Số cuối năm	1.139.868.291.525
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	2.345.064.719.114
Số cuối năm	1.720.171.684.014

18.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	VND	
Tên công ty	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Liên doanh Vận tải Việt Nhật	4.917.335.327	4.917.335.327
Công ty TNHH Kintetsu World Express Việt Nam	4.246.950.000	4.246.950.000
Công ty Cổ phần Logistics Vinalink	1.650.000.000	1.650.000.000
Công ty TNHH Vận tải Ô tô Vina Vinatrans	726.150.000	726.150.000
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	51.160	51.160
TỔNG CỘNG	11.540.486.487	11.540.486.487

18.3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi ngân hàng (*)	2.000.000.000	-
Trái phiếu (**)	1.000.000.000	1.000.000.000
TỔNG CỘNG	3.000.000.000	1.000.000.000

(*) Số cuối năm thể hiện các khoản tiền gửi dài hạn tại ngân hàng thương mại có kỳ hạn trên 12 tháng và hưởng lãi suất từ 4,1%/năm đến 8,5%/năm.

(**) Số cuối năm thể hiện giá trị của 10.000 trái phiếu không chuyển đổi do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam phát hành, mệnh giá 100.000 VND/trái phiếu, hưởng lãi suất thả nổi được xác định bằng lãi suất tham chiếu + 0,7%/năm. Các trái phiếu này sẽ đáo hạn vào ngày 25 tháng 11 năm 2025.

19. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	VND
Nguyên giá:	
Số đầu năm	51.870.626.212
Tăng do hợp nhất công ty con (Thuyết minh số 4.4)	391.854.222.734
Số cuối năm	443.724.848.946
Phân bổ lũy kế:	
Số đầu năm	(17.485.891.838)
Phân bổ trong năm	(6.302.581.384)
Số cuối năm	(23.788.473.222)
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	34.384.734.374
Số cuối năm	419.936.375.724

20. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả bên thứ ba	197.111.244.630	125.642.374.679
- World Alliance GSA Pte Ltd	31.451.066.453	-
- Ethiopian Airlines	28.093.413.248	-
- Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	11.563.497.961	11.451.724.051
- Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại An Tâm	-	14.694.226.350
Các bên khác	126.003.266.968	99.496.424.278
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 34)	4.659.750.374	1.531.706.619
TỔNG CỘNG	201.770.995.004	127.174.081.298

21. THUẾ

VND					
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Tăng do hợp nhất công ty con	Số cuối năm
Phải trả					
Thuế Thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")	79.824.761.991	63.876.165.778	(96.995.219.413)	-	46.705.708.356
Tiền thuê đất	7.045.896.061	19.712.333.842	(17.363.701.822)	-	9.394.528.081
Thuế nhà thầu	368.625.217	46.424.046.300	(42.404.492.496)	-	4.388.179.021
Thuế giá trị gia tăng ("GTGT")	3.298.389.893	190.905.555.186	(190.790.699.599)	-	3.413.245.480
Thuế thu nhập cá nhân	2.871.115.974	19.041.337.189	(19.509.292.608)	62.657.729	2.465.818.284
Thuế khác	3.000.000	1.407.485.884	(1.410.485.884)	-	-
TỔNG CỘNG	93.411.789.136	341.366.924.179	(368.473.891.822)	62.657.729	66.367.479.222
Phải thu					
Thuế GTGT	35.447.369.600	151.613.086.383	(81.930.814.743)	27.119.182.067	132.248.823.307
Thuế TNDN	1.033.178.427	4.273.565.211	(1.033.178.427)	44.232.720	4.317.797.931
Thuế khác	109.159.271	3.000.000	(109.159.271)	2.000.000	5.000.000
TỔNG CỘNG	36.589.707.298	155.889.651.594	(83.073.152.441)	27.165.414.787	136.571.621.238

22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

VND		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí vận chuyển	12.383.295.399	18.835.103.753
Chi phí thuê kho	4.911.581.447	9.972.067.403
Chi phí lãi vay	3.933.797.835	3.022.651.929
Khác	4.061.940.182	4.758.823.870
TỔNG CỘNG	25.290.614.863	36.588.646.955

23. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	162.359.972.989	220.741.416.933
Thu hộ các hãng tàu	98.718.903.564	160.990.407.981
Thu hộ từ bán vé máy bay và cước vận chuyển quốc tế	19.175.677.391	17.800.000.000
Nhận đặt cọc, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	14.521.848.978	13.723.035.370
Lãi vay	12.309.779.221	12.499.025.620
Phí hoa hồng	5.646.680.106	670.526.450
Cổ tức	1.321.325.260	6.175.703.632
Khác	10.665.758.469	8.882.717.880
Dài hạn	17.639.907.095	18.695.607.789
Nhận ký quỹ	17.639.907.095	18.695.607.789
TỔNG CỘNG	179.999.880.084	239.437.024.722
Trong đó:		
<i>Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 34)</i>	449.336.758	763.824.376
<i>Phải trả bên thứ ba</i>	179.550.543.326	238.673.200.346

24. VAY

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn	420.596.804.664	278.622.398.176
Vay ngắn hạn từ ngân hàng <i>(Thuyết minh số 24.1)</i>	154.934.871.696	179.082.576.379
Trái phiếu dài hạn đến hạn phải trả <i>(Thuyết minh số 24.4)</i>	176.727.272.724	-
Vay dài hạn đến hạn phải trả <i>(Thuyết minh số 24.2)</i>	60.023.276.319	52.875.606.788
Vay bên liên quan đến hạn trả <i>(Thuyết minh số 24.3)</i>	24.616.200.000	41.445.679.100
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	-	923.351.984
Vay khác	4.295.183.925	4.295.183.925
Vay dài hạn	1.778.225.777.886	545.535.750.068
Vay dài hạn ngân hàng <i>(Thuyết minh số 24.2)</i>	1.290.183.996.071	150.533.350.074
Vay bên liên quan <i>(Thuyết minh số 24.3)</i>	73.848.600.000	102.502.400.000
Trái phiếu <i>(Thuyết minh số 24.4)</i>	414.193.181.815	292.499.999.994
TỔNG CỘNG	2.198.822.582.550	824.158.148.244

Biến động khoản vay và trái phiếu trong năm như sau:

	VND		
	Ngắn hạn	Dài hạn	Tổng cộng
Số đầu năm	278.622.398.176	545.535.750.068	824.158.148.244
Tăng do hợp nhất công ty con	-	841.999.995.546	841.999.995.546
Vay trong năm	430.668.580.096	674.430.125.919	1.105.098.706.015
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	666.400.000	(4.037.600.000)	(3.371.200.000)
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	-	2.920.454.545	2.920.454.545
Trả trong năm	(564.357.244.953)	(7.626.276.847)	(571.983.521.800)
Phân loại lại	274.996.671.345	(274.996.671.345)	-
Số cuối năm	420.596.804.664	1.778.225.777.886	2.198.822.582.550

24.1 Vay ngắn hạn từ ngân hàng

Tập đoàn có các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động, với chi tiết được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Ngày đáo hạn (USD)	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam				
Khoản vay 1	56.415.994.374	- Ngày 27 tháng 4 năm 2024	4,54	Tín chấp
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam				
Khoản vay 1	36.813.599.946	- Ngày 7 tháng 3 năm 2024	4,5-5,5	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh				
Khoản vay 1	35.743.055.184	- Ngày 8 tháng 3 năm 2024	6,1	Các hợp đồng tiền gửi với tổng giá trị là 20.150.000.000 VND <i>(Thuyết minh số 10)</i>
Ngân hàng TNHH Standard Chartered				
Khoản vay 1	17.094.000.000	700.000 Ngày 30 tháng 5 năm 2024	10, 03	Tín chấp
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam				
Khoản vay 1	8.868.222.192	- Từ ngày 21 tháng 1 năm 2024 đến ngày 27 tháng 3 năm 2024	4,5-5,8	Các tài sản hợp pháp của Công ty theo Hợp đồng bảo lãnh
TỔNG CỘNG	154.934.871.696			

24.2 Vay dài hạn từ ngân hàng

Tập đoàn có các khoản vay dài hạn từ ngân hàng nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động, với chi tiết được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồng Bàng				
Khoản vay 1	841.999.995.546	Từ ngày 25 tháng 12 năm 2026 đến ngày 3 tháng 10 năm 2030	8,4 -10,5	Quyền sử dụng đất, sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với mảnh đất. Quyền tài sản phát sinh từ dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cảng tiếp nhận tàu 30,000 DWT đến 40,000 DWT giảm tải tại bán đảo Đĩnh Vũ, Khu kinh tế Đĩnh Vũ - Cát Hải, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng. Toàn bộ máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải hình thành trong tương lai thuộc dự án trên.
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh				
Khoản vay 1	241.130.697.348	Từ ngày 20 tháng 6 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2030	6,7	Thế chấp quyền sử dụng đất có diện tích 26,196 m ² tại thửa đất số 728, tờ bản đồ số 5, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An thuộc dự án kho lạnh Long An
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam				
Khoản vay 1	135.571.428.571	Từ ngày 25 tháng 3 năm 2024 đến ngày 8 tháng 6 năm 2030	9,3	Tàu biển
Khoản vay 2	73.151.161.884	Từ ngày 25 tháng 8 năm 2024 đến ngày 25 tháng 11 năm 2028	7,0	Các quyền sử dụng đất tại số 49 Phan Đăng Lưu, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng và số 184 Trần Phú, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng và tài sản hình thành trên đất.
Khoản vay 3	46.000.000.000	Từ ngày 5 tháng 1 năm 2024 đến ngày 23 tháng 7 năm 2026	7,0	Các khoản phải thu từ khu đất và tài sản gắn liền trên đất theo Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất. Máy móc thiết bị và phương tiện vận tải thuộc dự án Trung tâm phân phối Logistic, kho bãi và vận chuyển Container Các tài sản hợp pháp của Công ty theo Hợp đồng bảo lãnh

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Khoản vay 4	3.791.839.343	Từ ngày 24 tháng 1 năm 2024 đến ngày 13 tháng 4 năm 2028	7,5- 10,9	Các xe đầu kéo, xe tải và một ô tô con
Khoản vay 5	1.993.000.000	Từ ngày 24 tháng 1 năm 2024 đến ngày 5 tháng 1 năm 2025	6,99	Hợp đồng cung cấp và lắp đặt số 01/2019/HĐ/SGI-TMS Các tài sản hợp pháp của Công ty theo hợp đồng bảo lãnh
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam				
Khoản vay 1	6.569.149.698	Từ ngày 4 tháng 7 năm 2024 đến ngày 4 tháng 9 năm 2028	7,2	Quyền sử dụng đất, nhà máy, máy móc và thiết bị
TỔNG CỘNG	1.350.207.272.390			
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả	60.023.276.319			
Vay dài hạn	1.290.183.996.071			

24.3 Vay từ bên liên quan

Tập đoàn có các khoản vay từ Ryobi Holdings Co., Ltd., một bên liên quan của Tập đoàn, với chi tiết được trình bày như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm (VND)	Ngày đáo hạn (JPY)	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Ryobi Holdings Co., Ltd.				
Khoản vay 1 - JPY	98.464.800.000	560.000.000	Từ ngày 29 tháng 3 năm 2024 đến ngày 29 tháng 9 năm 2027	1,75 Máy móc và các thiết bị tại Trung tâm kho cảng ICD và Trung tâm logistics Transimex Đà Nẵng; 1.500.000 cổ phiếu VNT
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả	24.616.200.000			
Vay dài hạn	73.848.600.000			

24.4 Trái phiếu dài hạn

Chi tiết các khoản trái phiếu thường trong nước mà Tập đoàn đã phát hành nhằm bổ sung vốn cho các hoạt động đầu tư và kinh doanh được trình bày như sau:

Ngày phát hành	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngày phát hành 13 tháng 8 năm 2021	300.000.000.000	Ngày 13 tháng 8 năm 2026. Trái chủ có quyền yêu cầu Tập đoàn mua lại toàn bộ hoặc một phần trái phiếu đã phát hành vào ngày tròn 3 năm (ngày 13 tháng 8 năm 2024) kể từ ngày phát hành với điều kiện trái chủ phải gửi thông báo về việc thực hiện quyền chọn bán ít nhất 9 tháng trước ngày chọn bán dự định.	8,3	17.300.000 cổ phiếu CLX, 16.500.000 cổ phiếu VNF, và 300.000 cổ phiếu PDN
Ngày phát hành 14 tháng 6 năm 2023	300.000.000.000	Ngày 14 tháng 6 năm 2026. Trái chủ có quyền yêu cầu Tập đoàn mua lại tối đa 50% trái phiếu đã phát hành vào ngày tròn 18 tháng kể từ ngày phát hành (ngày 14 tháng 12 năm 2024) với điều kiện trái chủ phải gửi thông báo về việc thực hiện quyền chọn bán ít nhất 90 ngày trước ngày chọn bán dự định.	10,5	9.000.000 cổ phiếu TMS sở hữu bởi các cổ đông và 1.000.000 cổ phiếu PDN
Chi phí phát hành trái phiếu chưa phân bổ	(9.079.545.461)			
TỔNG CỘNG	590.920.454.539			
<i>Trong đó:</i>				
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	180.000.000.000			
Trái phiếu dài hạn	420.000.000.000			

25. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Số đầu năm	Tăng do trích lập (*)	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	34.653.931.685	7,748,858,683	(17,220,055,295)	25.182.735.073
Quỹ phúc lợi hình thành tài sản cố định	114.352.977	1.918.423.080	-	2.032.776.057
Quỹ hoạt động và quỹ thưởng của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	20.184.644.541	6.538.314.016	(7.778.000.818)	18.944.957.739
TỔNG CỘNG	54.952.929.203	16.205.595.779	(24.998.056.113)	46.160.468.869

(*) Giá trị quỹ được trích lập trong năm bao gồm giá trị đã trích bổ sung quỹ hoạt động và quỹ thưởng của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối với số tiền là 8.401.849.195 VND theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2023-BB ĐHCĐ-TMS ngày 27 tháng 4 năm 2023 và Nghị quyết hội đồng Quản trị số 65/NQHĐQT NK5-TMS ngày 6 tháng 3 năm 2023 và trích quỹ khen thưởng, phúc lợi tại các công ty con của Tập đoàn là 7.803.746.584 VND.

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU

26.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	VND						
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước							
Số đầu năm	1.058.715.480.000	716.705.756.123	(189.990.900)	154.721.919.506	9.959.446.608	1.165.728.934.021	3.105.641.545.358
Cổ tức bằng cổ phiếu nhận được từ công ty con	-	-	-	-	37.336.222.100	(37.336.222.100)	-
Giao dịch vốn với các cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	(176.844.177)	(176.844.177)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	660.744.996.699	660.744.996.699
Trích lập các quỹ	-	-	-	2.000.000.000	405.529.887	(15.076.001.068)	(12.670.471.181)
Khác	-	-	-	-	-	(613.543.203)	(613.543.203)
Số cuối năm	1.058.715.480.000	716.705.756.123	(189.990.900)	156.721.919.506	47.701.198.595	1.773.271.320.172	3.752.925.683.496
Năm nay							
Số đầu năm	1.058.715.480.000	716.705.756.123	(189.990.900)	156.721.919.506	47.701.198.595	1.773.271.320.172	3.752.925.683.496
Cổ phiếu thưởng (*)	158.782.970.000	(158.782.970.000)	-	-	-	-	-
Cổ tức bằng cổ phiếu (**)	365.206.830.000	-	-	-	-	(365.206.830.000)	-
Cổ tức bằng cổ phiếu nhận được từ công ty con	-	-	-	-	4.147.500.000	(4.147.500.000)	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	136.960.891.497	136.960.891.497
Trích lập các quỹ	-	-	-	2.000.000.000	60.760.961	(6.663.359.785)	(4.602.598.824)
Khác	-	-	-	-	-	(11.504.632)	(11.504.632)
Số cuối năm	1.582.705.280.000	557.922.786.123	(189.990.900)	158.721.919.506	51.909.459.556	1.534.203.017.252	3.885.272.471.537

(*) Theo Biên bản họp Đại Hội đồng Cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thường niên số 01/2022-BB ĐHĐCĐ-TMS ngày 28 tháng 4 năm 2022 và theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) số 59/NQHĐQT NK5-TMS ngày 23 tháng 12 năm 2022, ĐHĐCĐ và HĐQT đã thông qua phương án tăng vốn chủ sở hữu bằng việc phát hành số lượng 15.878.989 cổ phiếu (tương đương tỉ lệ thực hiện 100:15 trên số lượng cổ phiếu đang lưu hành) với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu cho các cổ đông từ thặng dư vốn cổ phần của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Vào ngày 8 tháng 2 năm 2023, Công ty đã phát hành 15.878.297 cổ phiếu, tương đương với tỷ lệ thực hiện là 15%, để tăng vốn cổ phần phù hợp với những Nghị quyết đã nêu trên. Theo đó, vốn cổ phần của Công ty tăng từ 1.058.715.480.000 VND lên 1.217.498.450.000 VND vào ngày này. Vào ngày 17 tháng 2 năm 2023, Công ty đã nhận GCNĐKDN điều chỉnh được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cho về việc tăng vốn điều lệ này.

(**) Theo Nghị quyết HĐQT số 04/NQHĐQT NK6-TMS ngày 24 tháng 7 năm 2023, HĐQT đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022. Vào ngày 13 tháng 10 năm 2023, Công ty đã phát hành 36.520.683 cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022. Theo đó, vốn cổ phần của Công ty tăng từ 1.217.498.450.000 VND lên 1.582.705.280.000 VND vào ngày này. Vào ngày 8 tháng 11 năm 2023, Công ty đã nhận GCNĐKDN điều chỉnh được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cho về việc tăng vốn điều lệ này.

26.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu năm	1.058.715.480.000	1.058.715.480.000
Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	365.206.830.000	-
Phát hành cổ phiếu thưởng	158.782.970.000	-
Số cuối năm	1.582.705.280.000	1.058.715.480.000
Cổ tức trong năm		
Cổ tức bằng cổ phiếu	365.206.830.000	-

26.3 Cổ phiếu phổ thông

	Số cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu được phép phát hành	158.270.528	105.871.548
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	158.270.528	105.871.548
Cổ phiếu phổ thông	158.270.528	105.871.548
Cổ phiếu quỹ	(11.619)	(11.619)
Cổ phiếu phổ thông	(11.619)	(11.619)
Cổ phiếu đang lưu hành	158.258.909	105.859.929
Cổ phiếu phổ thông	158.258.909	105.859.929

Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

26.4 Lợi ích cổ đông không kiểm soát

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	394.660.109.057	384.274.314.504
Tăng do hợp nhất kinh doanh	446.763.686.175	-
Nhận vốn góp từ cổ đông không kiểm soát	26.149.552.100	22.716.400.000
Giao dịch vốn với Tập đoàn	143.834.910	(12.500.025.646)
Lợi nhuận thuần trong năm	36.089.568.500	21.569.635.111
Cổ tức công bố	(16.407.097.800)	(17.541.362.576)
Trích lập các quỹ	(3.502.952.805)	(3.988.848.273)
Khác	(517.675.036)	129.995.937
Số cuối năm	883.379.025.101	394.660.109.057

26.5 Lãi cơ bản và Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	VND	
	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (VND)	136.960.891.497	660.744.996.699
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	136.960.891.497	660.744.996.699
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu) (*)	158.258.909	158.258.909
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	865	4.175
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	865	4.175

(*) Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây để phản ánh việc phát hành 15.878.297 cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ nguồn thặng dư vốn cổ phần trong tháng 2 năm 2023 và phát hành 36.520.683 cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022 từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong tháng 10 năm 2023.

Tập đoàn không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

27. DOANH THU

27.1 Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	2.403.225.044.262	3.656.259.677.895
Doanh thu cước vận tải, vé máy bay và dịch vụ giao nhận hàng hóa	1.899.560.015.630	2.752.050.132.335
Doanh dịch vụ kho vận, sà lan	320.945.359.506	542.990.545.819
Doanh thu cho thuê văn phòng	64.081.032.959	60.188.144.481
Doanh thu bán bất động sản	-	187.000.000.000
Doanh thu dịch vụ khác	118.638.636.167	114.030.855.260
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Vé máy bay bị hoàn trả	(13.406.743.467)	(8.171.830.186)
Doanh thu thuần	2.389.818.300.795	3.648.087.847.709
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bên liên quan	31.546.646.257	23.420.727.803
Doanh thu bên thứ ba	2.358.271.654.538	3.624.667.119.906

27.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	32.866.214.412	33.186.340.801
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	13.379.543.933	36.957.312.990
Lãi từ đánh giá lại giá trị hợp lý khoản đầu tư (Thuyết minh số 4.3)	9.622.468.247	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	9.387.339.240	19.572.775.527
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư	7.156.735.542	70.346.221.176
Khác	88.235.157	145.213.417
TỔNG CỘNG	72.500.536.531	160.207.863.911

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn cước vận tải, vé máy bay và dịch vụ giao nhận hàng hóa	1.665.988.532.311	2.552.153.888.030
Giá vốn dịch vụ kho vận, sà lan	176.405.839.553	372.908.420.174
Giá vốn cho thuê văn phòng	27.465.509.438	27.744.193.416
Giá vốn bán bất động sản	-	52.469.830.889
Giá vốn dịch vụ khác	109.299.310.090	92.869.647.155
TỔNG CỘNG	1.979.159.191.392	3.098.145.979.664

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	78.147.822.175	58.088.693.621
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	10.120.004.705	23.803.412.371
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu, và các chi phí đi vay khác	2.920.454.545	5.455.954.125
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	550.212.378	975.910.062
Khác	149.406.833	371.368.633
TỔNG CỘNG	91.887.900.636	88.695.338.812

30. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	33.607.873.201	29.783.011.326
Chi phí hoa hồng môi giới	32.488.680.190	28.779.590.819
Chi phí khác	1.119.193.011	1.003.420.507
Chi phí quản lý doanh nghiệp	187.277.133.658	173.874.207.197
Chi phí nhân viên	86.171.544.272	96.592.004.535
Chi phí dịch vụ mua ngoài	63.905.468.395	44.975.604.624
Phân bổ lợi thế thương mại	6.302.581.384	6.302.581.384
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.585.057.298	2.419.514.917
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	646.972.725	1.604.095.837
Chi phí đồ dùng văn phòng	538.765.412	928.150.206
Chi phí khác	24.126.744.172	21.052.255.694
TỔNG CỘNG	220.885.006.859	203.657.218.523

31. CHI PHÍ KHÁC VÀ THU NHẬP KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	10.718.740.227	11.263.499.641
Lãi từ giao dịch mua rẻ (Thuyết minh số 4.3)	5.085.546.509	-
Thu nhập từ bồi thường	1.806.323.102	136.520.915
Thanh lý tài sản cố định	1.358.967.899	9.023.100.540
Khác	2.467.902.717	2.103.878.186
Chi phí khác	(7.162.056.606)	(8.614.805.388)
Chi phí phạt	(449.338.044)	(4.889.382.396)
Chi phí khác	(6.712.718.562)	(3.725.422.992)
LỢI NHUẬN KHÁC	3.556.683.621	2.648.694.253

32. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.662.351.085.077	2.632.770.989.961
Chi phí nhân viên	264.483.689.688	326.713.016.584
Chi phí khấu hao tài sản cố định	129.279.507.203	118.273.903.051
Chi phí nguyên vật liệu	82.239.090.261	149.001.634.636
Chi phí khác	64.048.468.228	75.043.653.955
TỔNG CỘNG	2.202.401.840.457	3.301.803.198.187

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) áp dụng cho Công ty và các công ty con là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

33.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	63.685.038.496	95.436.963.692
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	191.127.282	6.384.526.518
	63.876.165.778	101.821.490.210
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(22.600.816.586)	(9.906.409.331)
TỔNG CỘNG	41.275.349.192	91.915.080.879

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	214.325.809.189	774.229.712.689
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	42.865.161.838	154.845.942.538
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	2.497.500.950	4.237.383.337
Phân bổ lợi thế thương mại	1.260.516.277	1.260.516.277
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	191.127.282	6.384.526.518
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải trả chưa được ghi nhận liên quan đến các khoản lỗ được chuyển sang kỳ sau	17.051.902.022	-
Điều chỉnh thuế TNDN theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP (*)	(238.427.808)	(760.507.552)
Cổ tức	(1.748.330.385)	(3.914.555.105)
Điều chỉnh hợp nhất	(2.307.974.610)	8.956.120.826
Dự phòng khoản đầu tư	(10.219.648.948)	(8.337.577.197)
Lợi nhuận từ công ty liên kết	(8.076.477.426)	(70.756.768.763)
Chi phí thuế TNDN	41.275.349.192	91.915.080.879

33.2 Thuế TNDN

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Tập đoàn khác với thu nhập được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

33.3 Thuế TNDN hoãn lại

Tập đoàn đã ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại cho khoản chênh lệch tạm thời như sau:

	VND		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Năm nay	Năm trước
	Số cuối năm	Số đầu năm		
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	18.557.226.145	8.337.577.197	10.219.648.948	8.337.577.197
Lợi nhuận chưa thực hiện	3.283.946.200	1.568.832.134	1.715.114.066	1.568.832.134
Chênh lệch giá trị hợp lý của tài sản từ hợp nhất kinh doanh (<i>Thuyết minh số 4.3</i>)	-	-	11.164.129.370	-
Khác	-	-	(498.075.798)	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	21.841.172.345	9.906.409.331	22.600.816.586	9.906.409.331

33.4 Lỗ thuế chuyển sang từ năm trước

Tập đoàn được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Tập đoàn có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 85.259.510.110 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 0 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

	VND				
	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2023	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
Năm phát sinh	đến năm				
2023	2028	85.259.510.110	-	-	85.259.510.110

Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Tập đoàn cho năm tài chính chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập cho phần lỗ lũy kế còn lại trị giá 85.259.510.110 VND do không thể dự tính được thu nhập chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này.

33.5 Chi phí lãi vay chuyển cho các năm sau

Các công ty con của Tập đoàn được phép chuyển các khoản chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định chưa được trừ khi tính thuế TNDN cho năm hiện tại ("chi phí lãi vay chưa được trừ") sang năm sau khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ của năm sau. Thời gian chuyển chi phí lãi vay sang năm sau được tính liên tục không quá 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản chi phí lãi vay chưa được trừ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Tập đoàn có các khoản chi phí lãi vay chưa được trừ lũy kế có thể sử dụng trong tương lai như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗi đến năm	Chi phí lãi vay	VND		
			Đã chuyển lỗi đến ngày 31 tháng 12 năm 2023	Không được chuyển lỗi	Chưa chuyển lỗi tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
2022	2027	93.234.282.385	-	-	93.234.282.385
2023	2028	72.647.749.309	-	-	72.647.749.309
TỔNG CỘNG		165.882.031.694	-	-	165.882.031.694

Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần chi phí lãi vay không được khấu trừ còn lại trị giá 165.882.031.694 VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 93.234.282.385 VND) do không thể dự tính được liệu chi phí lãi vay không được khấu trừ này có thể sẽ được sử dụng trong thời gian cho phép còn lại hay không.

34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Tập đoàn trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Bùi Tuấn Ngọc	Chủ tịch Hội đồng Quản trị ("HĐQT")
Ông Lê Duy Hiệp	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh An Trung	Thành viên HĐQT độc lập từ ngày 27 tháng 4 năm 2023
Ông Võ Hoàng Giang	Thành viên HĐQT độc lập từ ngày 27 tháng 4 năm 2023
Ông Toshiyuki Matsuda	Thành viên HĐQT
Ông Charvanin Bunditkitsada	Thành viên HĐQT
Ông Bùi Minh Tuấn	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Bích Lân	Thành viên HĐQT đến ngày 27 tháng 4 năm 2023
Ông Tôn Thất Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Chí Đức	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Phúc Tùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoàng Hải	Phó Tổng Giám đốc từ ngày 6 tháng 3 năm 2023

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Lê Văn Hùng	Giám đốc Tài chính
Ông Phạm Xuân Quang	Kế toán trưởng (từ ngày 4 tháng 3 năm 2024)
Bà Nguyễn Hồng Kim Chi	Kế toán trưởng (đến ngày 4 tháng 3 năm 2024)
Ông Nguyễn Bảo Trung	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 13 tháng 2 năm 2023)
Bà Lê Thị Ngọc Anh	Trưởng Ban Kiểm soát (đến ngày 1 tháng 3 năm 2024)
Ông Vũ Chinh	Thành viên Ban Kiểm soát từ ngày 27 tháng 4 năm 2023 Thành viên HĐQT đến ngày 27 tháng 4 năm 2023
Bà Lê Thị Tường Vy	Thành viên Ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Kim Hậu	Thành viên Ban Kiểm soát đến ngày 27 tháng 4 năm 2023
Bà Phan Phương Tuyền	Thành viên Ban Kiểm soát đến ngày 27 tháng 4 năm 2023
Bà Nguyễn Thị Thái Nhi	Phụ trách Quản trị
TOT	Công ty con trực tiếp
BDS	Công ty con trực tiếp
DC	Công ty con trực tiếp
SHTL	Công ty con trực tiếp
SHTP	Công ty con gián tiếp
VNF	Công ty con trực tiếp
TLL	Công ty con gián tiếp
Vinatrans Da Nang	Công ty con gián tiếp
VLL	Công ty con gián tiếp
LAL	Công ty con trực tiếp
IHY	Công ty con trực tiếp (đến ngày 14 tháng 12 năm 2023)
HYL	Công ty con trực tiếp
TICD	Công ty con trực tiếp
TSP	Công ty con trực tiếp
TJC	Công ty con trực tiếp (từ ngày 31 tháng 10 năm 2023), Công ty liên kết (đến ngày 31 tháng 10 năm 2023)
MIPEC	Công ty con gián tiếp (từ ngày 26 tháng 12 năm 2023), Công ty liên kết (đến ngày 26 tháng 12 năm 2023)
LAI	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng không Véc Tơ Quốc Tế	Công ty con gián tiếp

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Con Đường Việt	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Hậu cần Toàn cầu SFS Việt Nam	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Logistics Xuê Hàng Việt Nam	Công ty con gián tiếp
CLX	Công ty liên kết
VNT	Công ty liên kết
SPV	Công ty liên kết
HACT	Công ty liên kết
Nippon	Công ty liên doanh
Công ty Cổ phần Điện Khu công nghiệp Vĩnh Lộc	Công ty liên kết
Ryobi Holdings Co.Ltd. ("Ryobi")	Công ty liên quan của Thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Logistics Quốc tế Ryobi Việt Nam	Cổ đông lớn
JWD InfoLogistics Public Company Limited	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Thiên Hải	Công ty liên quan của Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Đầu tư Toàn Việt	Công ty liên quan của Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Thương mại Phú Nhuận	Công ty liên quan của Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn	Công ty liên quan của Phó TGĐ
Công ty Cổ phần Vinaprint	Công ty liên quan của Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Hàng hải MACS	Công ty liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT
Công ty Cổ phần Đầu tư Vina	Công ty liên quan của Thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn	Công ty liên quan của Thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Merufa	Công ty liên quan của Thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Haneco	Công ty liên quan của Thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Logistics Vinalink	Công ty liên quan của Trưởng BKS
Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật	Công ty liên quan của Thành viên BKS
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bến Thành	Công ty liên quan của Giám đốc Tài chính
Công ty Cổ phần Chuỗi Cung Ứng AP	Công ty liên quan của Phó Tổng Giám đốc
Hazardous Substances Logistics Association	Công ty liên quan của Thành viên HĐQT
JWD Asia Holding Private Company	Công ty liên quan của Thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn	Công ty liên quan của Thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Thương mại Dịch vụ Cảng Sài Gòn	Công ty liên quan của Thành viên HĐQT
Công ty Đầu tư Tài Chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty liên quan của Thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex	Công ty liên quan của Thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vĩnh Lộc - Bến Thành	Công ty liên quan của Thành viên BKS

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Năm nay	Năm trước
Nippon	Lợi nhuận được chia	117.000.000.000	116.500.000.000
	Cung cấp dịch vụ	7.930.974.136	13.810.006.377
	Chi hộ	392.191.500	-
	Sử dụng dịch vụ	11.660.971	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Vina	Mua cổ phần	104.987.520.000	-
	VNT		
VNT	Trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu	25.200.200.000	-
	Sử dụng dịch vụ	2.000.285.135	11.221.500
	Nhận vốn góp	1.822.040.000	-
	Chia cổ tức	1.295.848.800	-
	Lãi trái phiếu thu được	992.848.893	653.471.001
	Cung cấp dịch vụ	285.572.570	145.088.566
	Công ty Cổ phần Chuỗi cung Ứng AP		
Cho vay		45.200.000.000	-
	Lãi cho vay	1.458.671.233	-
Ryobi	Trả nợ vay	42.184.815.100	-
	Chi phí lãi vay	1.907.140.768	-
HACT	Thu nhập cổ tức	8.000.000.000	8.000.000.000
	Mua dịch vụ	4.065.391.000	70.612.458
	Sử dụng dịch vụ	2.983.891.101	1.732.531.746
SPV	Cung cấp dịch vụ	3.619.180.528	7.733.101.114
CLX	Thu nhập cổ tức	7.822.140.000	7.822.140.000
	Nhận vốn góp	1.822.040.000	-
	Chia cổ tức	601.273.800	-
	Sử dụng dịch vụ	-	193.412.727
	MIPEC (công ty liên kết đến ngày 26 tháng 12 năm 2023)		
Góp vốn	59.523.200.000	229.622.050.000	
Thanh lý TSCĐ	13.181.562.790	-	
Mua dịch vụ	971.959.534	-	
Cung cấp dịch vụ	1.866.086.028	-	
Cho vay	-	8.000.000.000	
Thu hồi cho vay	-	8.000.000.000	

VND			
Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
TJC (công ty liên kết đến ngày 31 tháng 10 năm 2023)	Cổ tức	5.109.816.000	-
	Sử dụng dịch vụ	569.103.141	6.685.540.437
	Cung cấp dịch vụ	12.430.000	
	Góp vốn	-	27.667.143.442
Công ty Cổ phần Vinaprint	Sử dụng dịch vụ	24.730.676.207	-
	Cung cấp dịch vụ	3.571.953.320	-
	Phải thu tiền cọc	319.650.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn	Mua hàng hóa	18.517.381.817	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex	Cung cấp dịch vụ	8.680.626.303	-
Công ty Cổ phần Hàng hải MACS	Sử dụng dịch vụ	5.125.835.916	-
	Cung cấp dịch vụ	86.400.200	-
Công ty Cổ phần Logistics Quốc tế Ryobi Việt Nam	Cung cấp dịch vụ	1.399.311.445	-
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Thiên Hải	Cung cấp dịch vụ	746.158.241	-
	Sử dụng dịch vụ	128.893.649	-
Công ty Cổ phần Thương mại Phú Nhuận	Sử dụng dịch vụ	380.928.704	-
Công ty Cổ phần Logistics Vinalink	Sử dụng dịch vụ	415.523.235	-
	Cung cấp dịch vụ	364.062.363	-

Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản phải thu các bên liên quan như sau:

VND			
Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh số 6.2)			
VNT	Trái phiếu	-	25.200.200.000

VND			
Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 7)			
Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex	Cung cấp dịch vụ	1.798.092.160	-
Nippon	Cung cấp dịch vụ	623.213.304	1.791.013.816
SPV	Cung cấp dịch vụ	514.836.084	643.558.053
HACT	Cung cấp dịch vụ	350.256.374	445.175.840
Khác	Cung cấp dịch vụ	157.578.895	-
		3.443.976.817	2.879.747.709
Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 9)			
Công ty Cổ phần Chuỗi cung Ứng AP	Cho vay	45.200.000.000	-
Phải thu khác (Thuyết minh số 10)			
Ông Tôn Thất Hưng	Tạm ứng	63.598.445.689	49.233.186.200
Bà Nguyễn Thị Thái Nhi	Tạm ứng	3.850.000.000	-
Ông Lê Phúc Tùng	Tạm ứng	180.000.000	-
Công ty Cổ phần Chuỗi cung Ứng AP	Lãi cho vay	1.458.671.233	-
Khác	Thu hộ	66.797.135	616.114.123
		69.153.914.057	49.849.300.323
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 10)			
Công ty Cổ phần Vinaprint	Sử dụng dịch vụ	2.389.171.536	-
Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn	Sử dụng dịch vụ	1.494.240.000	-
VNT	Sử dụng dịch vụ	776.338.838	1.214.156.619
HACT	Sử dụng dịch vụ	-	317.550.000
		4.659.750.374	1.531.706.619
Phải trả khác (Thuyết minh số 23)			
Ryobi Holdings Co. Ltd.	Lãi vay	439.045.048	763.824.376
Công ty Cổ phần Hàng hải MACS	Thu hộ	10.291.710	-
		449.336.758	763.824.376
Vay ngắn hạn (Thuyết minh số 24.3)			
Ryobi	Vay	24.616.200.000	41.445.679.100
Vay dài hạn (Thuyết minh số 24.3)			
Ryobi	Vay	73.848.600.000	102.502.400.000

Các giao dịch khác với các bên liên quan

Thu nhập và thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị (“HĐQT”), Ban Kiểm soát (“BKS”) và Ban Tổng Giám đốc:

		VND	
	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Ông Bùi Tuấn Ngọc	Chủ tịch HĐQT	3.088.746.702	4.162.378.408
Ông Lê Duy Hiệp	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	2.354.169.831	3.237.291.880
Ông Charvanin Bunditkitsada	Thành viên HĐQT	257.500.000	526.600.000
Ông Vũ Chinh	Thành viên HĐQT độc lập (đến tháng 5 năm 2023)	273.333.334	512.095.738
Ông Bùi Minh Tuấn	Thành viên HĐQT	228.888.888	512.095.738
Ông Nguyễn Bích Lân	Thành viên HĐQT (đến tháng 5 năm 2023)	273.333.334	512.095.738
Ông Võ Hoàng Giang	Thành viên HĐQT độc lập (từ tháng 5 năm 2023)	177.777.776	-
Ông Huỳnh An Trung	Thành viên HĐQT độc lập (từ tháng 5 năm 2023)	177.777.776	-
Ông Masafumi Inoue	Thành viên HĐQT độc lập (đến tháng 5 năm 2022)	-	411.600.000
Ông Toshiyuki Matsuda	Thành viên HĐQT	257.500.000	115.000.000
Bà Lê Thị Ngọc Anh	Trưởng Ban Kiểm soát	228.888.888	272.920.803
Ông Vũ Chinh	Thành viên Ban Kiểm soát (từ tháng 5 năm 2023)	133.333.336	-
Bà Lê Thị Tường Vy	Thành viên Ban Kiểm soát (từ tháng 5 năm 2023)	133.333.336	-
Bà Nguyễn Kim Hậu	Thành viên Ban Kiểm soát (đến tháng 5 năm 2023)	65.555.556	215.669.974
Bà Phan Phương Tuyền	Thành viên Ban Kiểm soát (đến tháng 5 năm 2023)	65.555.556	215.669.974
Ông Nguyễn Hoàng Hải	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 9 tháng 1 năm 2023)	1.922.395.822	-
Ông Lê Phúc Tùng	Phó Tổng Giám đốc	1.182.523.419	1.591.858.013
Ông Nguyễn Bảo Trung	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 13 tháng 2 năm 2023)	234.847.187	1.498.458.348
Ông Nguyễn Chí Đức	Phó Tổng Giám đốc	25.091.312	704.691.619
Ông Tôn Thất Hưng	Phó Tổng Giám đốc	1.138.633.322	660.180.362
Ông Lê Văn Hùng	Giám đốc Tài chính	825.363.218	1.203.609.157
Bà Nguyễn Hồng Kim Chi	Kế toán trưởng	721.671.672	940.383.148
TỔNG CỘNG		13.766.220.265	17.292.598.900

35. CÁC CAM KẾT

Cam kết theo hợp đồng cho thuê hoạt động

Tập đoàn hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản tiền cho thuê phải thu tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

VND		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	28.751.521.361	34.573.788.174
Trên 1 đến 5 năm	19.050.315.342	56.203.928.006
TỔNG CỘNG	47.801.836.703	90.777.716.180

Cam kết theo hợp đồng thuê hoạt động

Tập đoàn thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động như sau:

VND		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	79.698.867.378	33.554.219.032
Trên 1 đến 5 năm	247.932.669.518	92.354.889.247
Trên 5 năm	183.196.309.452	147.397.738.464
TỔNG CỘNG	510.827.846.348	273.306.846.743

Cam kết khác

Vào ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn có khoản bảo lãnh cho khoản vay cho các công ty con với hạn mức bảo lãnh như sau:

VND			
Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
TLL	Vay ngân hàng	46.000.000.000	80.000.000.000
TOT	Vay ngân hàng	8.868.222.192	-
SHTP	Vay ngân hàng	1.993.000.000	32.434.699.150
		56.861.222.192	112.434.699.150

36. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

VND		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ:		
- Đô la Mỹ (USD)	1.480.477	6.202.220
- Đô la Hồng Kông (HKD)	2.500	2.500

37. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Vào ngày 21 tháng 2 năm 2024, Tập đoàn đã chuyển nhượng 100.800 cổ phiếu của CLX, và tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn giảm từ 30,11 xuống 29,99%.

TOT đã phát hành 2.326.309 cổ phiếu phổ thông cho Công ty để hoán đổi nợ với tổng giá trị là 30.242.017.000 VND theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 04/2024/NQ.HĐQT-TOT ngày 1 tháng 3 năm 2024 của TOT. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, TOT đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục pháp lý cần thiết liên quan đến việc phát hành và tăng vốn này.

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 19/NQ.HĐQT NK6-TMS ngày 4 tháng 3 năm 2024, Hội đồng Quản trị đã thông qua việc triển khai phương án đầu tư vào Công ty Cổ phần Chuỗi cung Ứng AP.

Ngoại trừ sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.



Phan Thi Mai Trâm
Người lập



Phạm Xuân Quang
Kế toán trưởng



Bùi Tuấn Ngọc
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 29 tháng 3 năm 2024



CHAIRMAN'S KEY MESSAGE

Consolidated pre-tax profit

214 Billion VND

Total assets

7,500 Billion VND



Dear distinguished Shareholders, Customers, Partners and all employees of Transimex Corporation,

In 2023, the milestone of the enormous growth in 40 years of Transimex, from starting time in 1983 until present, charter capital of Transimex has been reached at more than **1,500 Billion VND** along with **7,500 Billion VND** being total value of existing assets (as of 31 December 2023). On the 40 year journey in establishment and development, Transimex has left their footprint throughout territory of Vietnam, owned and operated Logistics centers and Logistics infrastructure in key provinces and economic regions nationwide, bringing Transimex to one of the dominant Logistics Service Provider in Vietnam Logistics Industry.

Transimex, in its vision and mission, desires to become a giant corporation providing comprehensively Logistics service in Vietnam, furthermore, step-by-step to perfect Services Supply Chain and offer Logistics service solutions with the best quality to customers. Indeed, Transimex has continuously expanded its supply chain of Logistics services nationwide, marking by series of events in 2023 such as being recorded as Parent company of MIPEC Port Corporation, Transportation and Trading Service Joint Stock Company ("Transco"); receiving, handing over and opening for exploitation of a ship with a capacity of 1060 TEUs named as Transimex Sun and 300 new built container named as Transimex. There are the first container vessel and dry cargo containers that Transimex owned.

Besides, in the trend of digital transformation in the field of green logistics, Transimex has frequently researched, applied technology in providing Logistics service. In the sequence of events in 2023, Transimex did inaugurate and launch operation the first stage of Cold Storage Warehouse Project in Ben Luc district, Long An province. This is the most modern cold storage system in the warehouse system belong to Transimex with the ability to store 56,000 pallet having an automatic retrieval and import system; utilizing the smart automatic racking system ASRS (Automatic Storage); and applying the most advanced technology according to European standards with retrieval speed of up to 200 pallets/hour not mention to maintenance of the use of solar energy systems at Hi-Tech Park Logistics Centers, Thang Long Logistics Center, Long An Cold Storage, Transimex ICD Port.

At the end of 2023, market economy has facing with a lot of difficulties, obstacles and challenges as well as its growth lower than expected due to instability of geopolitical circumstances, safety and security, natural disaster, climate change increasing year-by-year. In that situation, Transimex also did face with those difficulties during our business activities but obtaining

the cooperation of respectful partners, customers; the trust of Shareholders; the direction of Executive Board and the unity of Employees, the year 2023 has elapsed with spectacular, especially when the total consolidated revenue of the entire revenue of the entire Group reached approximately **2,390 billion VND**; Consolidated pre-tax profit reached **214 billion VND**.

Entering 2024, it is predicted that new chapter still incurs potential risks impacting on prospect of economic rehabilitation. In that circumstance, Transimex have developed and proposed measures fiercely to respond and adapt challenges.

Transimex will continue strengthening and developing core and traditional service; enhance internal management in whole Group; continue to gradually improve and apply digital transformation in Logistics fields; and step-by step develop green Logistics activities. Transimex keeps analyzing to produce new products, service apart from traditional services to supplement and diversify the service supply chain, meeting the increasing needs of customers and the market (pharmaceutical logistics services; logistics services for the high-end fashion industry; goods irradiation services; storage and transportation services of dangerous goods...).

Based on solid foundation steadily built within four decades along with the trust and support from honorable Shareholders, Transimex believe that we, in 2024, will achieve scheduled plan, and further strengthening our position in Vietnam Logistics industry market, as well as increasing the long-term benefits of our shareholders and contributing significantly to the community.

On this occasion, we sincerely thank our respectful shareholders, partners and customers for supporting us during the past time. I also sincerely thank the members of the Executive Board and all employees for their dedication to the development of Transimex.

We would like to wishing you healthy, happiness and success.

Best Regards,

BUI TUAN NGOC

CHAIRMAN OF THE BOARD

FINANCIAL CONDITION

I. SIGNIFICANT INVESTMENT

1. Project investment

Details	Amount (VND)
Transimex Hi-Tech Logistics Corporation	49,667,170,000

Transimex Hi-Tech Logistics Corporation is a subsidiary of TRANSIMEX (ownership rate 99.44%), which is 100% owns Long An Investment Single Member Limited Liability Company, the investor of the Warehouse Project. Long An Cold Warehouse (address: Vinh Loc 2 Industrial Park, Ben Luc, Long An) with a total investment of about VND 1,000 billion (of which owner's equity is VND 400 billion). By the end of 2023, the project has completed more than 95% of the construction volume and has been partially put into operation. The entire project is expected to be completed in the second quarter of 2024.

2. Financial investments

Contribute to increasing capital ownership in subsidiaries

Details	Amount (VND)
Transimex Port Corporation	79,998,000,000
Long An Logistics Corporation	34,650,000,000
Transimex Shipping Corporation	27,981,340,000

Contribute to increasing capital ownership in joint venture companies

Details	Amount (VND)
The Van Cargoes and Foreign Trade Logistics Joint Stock Company	37,824,661,188
Mipec Port Joint Stock Company	138,055,720,000

3. Investment used capital from bond

Transimex Corporation's bond 2021 (TMSH2126001)

Details	Total amount disbursed by the end of the reporting period (VND)
Invest in non-current assets for developing operation and logistics centers.	180,000,000,000
Contribute capital for transportation and warehousing business activities	120,000,000,000
TOTAL	300,000,000,000

Transimex Corporation's bond 2023 (TMSH2326001)

Details	Total amount disbursed by the end of the reporting period (VND)
Implementing the development of warehouse system in Vinh Loc 2 Industrial Park through increasing capital of Long An Investment Single Member Limited Liability Company.	49,667,170,000
TOTAL	49,667,170,000

4. Investment used capital from private shares offering in 2021

Details	Total amount disbursed by the end of the reporting period (Million VND)
Paid of part of the principal of Transimex Corporation's bond 2019	120,000
Purchased container vessel	93,000
Invested in increasing ownership ratio in joint venture companies and other logistics companies through buying more shares of these companies on the stock exchange	60,000
Invested non-current assets	37,700
supplement working capital	117,800
TOTAL	428,500

On April 14, 2023, the Board of Directors passed resolution No. 67/NQ.HĐQT NK5-TMS adjusting the plan for using the capital from the private share offering ending on December 31, 2021, which adjusts the purpose of using capital from "Implementing the Transimex Inland Clearance Depot in Yen My district, Hung Yen province" to the purpose of "Investing in purchasing container vessel". Due to a number of objective factors at the present time, the implementation of the Transimex Inland Clearance Depot project in Yen My district, Hung Yen province may be prolonged due to certain project legal problems. Therefore, the Company decided to temporarily suspend project implementation.

II. FINANCIAL CONDITION

Indicators	Year 2022	Year 2023	% change
Total asset	5,570,603,363,655	7,513,241,799,555	35%
Net revenue	3,648,087,847,709	2,389,818,300,795	-34%
Profit from business activities	771,581,018,436	210,769,125,568	-73%
Other profits	2,648,694,253	3,556,683,621	34%
Profit before tax	774,229,712,689	214,325,809,189	-72%
Profit after tax	682,314,631,810	173,050,459,997	-75%
Payout ratio		45.73%	

III. SIGNIFICANT FINANCIAL INDICATORS

VND

Indicators	Year 2022	Year 2023	% change
1. Solvency ratio			
+ Current ratio	2,03	1,92	-6%
+ Quick ratio	2,01	1,90	-6%
2. Capital structure Ratio			
+ Liability/Total assets ratio	0,26	0,37	43%
+ Liability/Owner's Equity ratio	0,34	0,58	68%
+ Debt/Owner's Equity ratio	0,20	0,46	132%
3. Operation capability Ratio			
+ Inventory turnover	241,80	139,35	-42%
+ Total asset turnover	0,65	0,37	-43%
4. Profitability			
+ Gross profit/ Net revenue Ratio	0,15	0,17	14%
+ Profit after tax/ Net revenue Ratio	0,19	0,07	-61%
+ Profit after tax/ total capital Ratio	0,16	0,04	-78%
+ Profit after tax/ Total assets Ratio	0,12	0,02	-81%
+ Profit from business activities/ Net revenue Ratio	0,21	0,09	-58%

IV. SHAREHOLDERS STRUCTURE, CHANGE IN EQUITY INVESTMENT IN 2023

1. Outstanding Share

Detail	The amount of shares
Total of shares	158.270.528
Shares criteria:	
Free for transferring	158.266.830
Transfer restrictions	3.698

2. Shareholders structure

• According to the criteria of major/ Minority shareholders

Detail	Share's ownership	Ownership ratio
Major shareholders	143.616.776	90,7%
Minority shareholders	14.653.752	9,3%

• According to the criteria of institutional/ individual shareholders

Detail	Share's ownership	Ownership ratio
Institutional shareholders	126.850.134	80,1%
Individual shareholders	31.420.394	19,9%

• According to the criteria of domestic/ foreign shareholders

Detail	Share's ownership	Ownership ratio
Domestic shareholders	90.145.323	57,0%
Foreign shareholders	68.125.205	43,0%

• According to the criteria of state/ others shareholders

Detail	Share's ownership	Ownership ratio
State shareholders	4.944.020	3,1%
Other shareholders	153.326.508	96,9%

3. Change in equity investment

In 2023, Transimex Corporation has the following share capital increases:

- Issuing new shares to increase Owner's equity
 - + End date of issuance: January 19, 2023
 - + Total number of shares distributed: 15,878,297 shares
 - + Total number of shares after issuance: 121,749,845 shares
- Issuing shares to pay stock dividends
 - + End date of issuance: October 05, 2023
 - + Total number of shares distributed: 36,520,683 shares
 - + Total number of shares after issuance: 158,270,528 shares

4. Trading treasury stocks

- The amount of treasury stock: 11,619 shares
- Treasury stock transactions are carried out during the year: None.

5. Other shares

In 2023, Transimex Corporation successfully launched a private offering of corporate bonds.

- Bond code: TMS12302 (Disclosure code TMSH2326001)
- Issuance date: 09/06/2023
- Value of issuance bonds: VND 300,000,000,000

Type of bond: Non-convertible corporate bonds, no warrants and secured by assets.

- Term: 3 years
- Rate: 10,5% per annual

REPORT ON TRANSACTION IN SHARES OF INTERNAL PERSON

Number of shares at 31 December 2023: **158.258.909**

STT	Name of traders	Position	Number of ownership shares at beginning period	Ownership percentage of shares at beginning period	Number of ownership shares at ending period	Ownership percentage of shares at ending period	Reason for increase/decrease (trading, conversion,..)
1	Bui Tuan Ngoc	Chairman	619,744	0.39%	926,516	0.59%	Bonus and dividends
2	Le Duy Hiep	Vice Chairman	457,348	0.29%	692,406	0.44%	Bonus and dividends
3	Bui Minh Tuan	Member of Board of Directors	15,339,598	9.69%	22,937,482	14.49%	Dividends
4	Nguyen Minh Tuan	Member of Board of Directors	146,186	0.09%	223,031	0.14%	Dividends . resignation
5	Charvanin Bunditkitsada	Member of Board of Directors	-	0.00%	-	0.00%	
6	Toshiyuki Matsuda	Member of Board of Directors	24,718	0.02%	36,952	0.02%	Dividends
7	Vo Hoang Giang	Member of Board of Directors	-	0.00%	-	0.00%	
8	Huynh An Trung	Member of Board of Directors	-	0.00%	-	0.00%	
9	Le Thi Ngoc Anh	Head of Supervisory Board	6,922	0.00%	2,248	0.00%	Dividends. Buying
10	Vu Chinh	Member of Supervisory Board	490,507	0.31%	737,942	0.47%	Dividends
11	Le Thi Tuong Vy	Member of Supervisory Board		0.00%		0.00%	
12	Nguyen Kim Hau	Member of Supervisory Board	813	0.00%	42	0.00%	Buying. ended term
13	Phan Phuong Tuyen	Member of Supervisory Board	1,155	0.00%	-	0.00%	Resignation. No information
14	Nguyen Chi Duc	Deputy General Director	509,236	0.32%	761,307	0.48%	Bonus and dividends
15	Le Phuc Tung	Deputy General Director	56,159	0.04%	83,956	0.05%	Bonus and dividends
16	Nguyen Bao Trung	Deputy General Director	59,726	0.06%		0.00%	No providing. resignation
17	Ton That Hung	Deputy General Director	44,352	0.03%	69,270	0.04%	Bonus and dividends
18	Nguyen Hoang Hai	Deputy General Director	-	0.00%	-	0.00%	
19	Le Van Hung	Chief Finance Officer	7,154	0.00%	10,695	0.01%	Bonus and dividends
20	Nguyen Hong Kim Chi	Chief Accountant	11,037	0.01%	16,499	0.01%	Bonus and dividends
21	Nguyen Thi Thai Nhi	Head of BOD Office. Secretaty; Person in charge for operating management; Authorized person for disclosures	1,100	0.00%	1,644	0.00%	Bonus and dividends
22	Huynh Van Toan	Deputy Head of BOD Office		0.00%		0.00%	

Best Regards,

BUI TUAN NGOC
CHAIRMAN OF THE BOARD

REPORT OF THE EXECUTIVE BOARD



REPORT OF THE EXECUTIVE BOARD ON BUSINESS PERFORMANCE IN 2023 AND BUSINESS PLAN IN 2024

1. BUSINESS RESULTS ACHIEVE IN 2023

a. Business results for fiscal year 2023 (Consolidated)

Unit: million VND

No	Detail	Actual 2022	2023		% Actual 2023 compare with	
			Planning 2023	Actual 2023	Actual 2022	Planning 2023
1	Consolidated Revenue	3,648,088	2,521,420	2,389,818	65.5%	94.8%
2	Consolidated Earnings Before Tax (EBT)	774,230	317,6	214,326	27.7%	67.6%
3	Proportion EBT/Revenue	21.2%	12.6%	9.0%	42.3%	71.3%
4	Dividend (Cash and/or shares)	30%	15% - 20%			

a. Key note of the Company business results

- Consolidated revenue in 2023 reached VND 2,390 billion, completing 94.8% of the 2023 plan, and equal to 65.5% compared to 2022.
- Consolidated Earnings Before Tax reached VND 214 billion, completing 67.6% of the 2023 plan, and equal to 27.7% compared to 2022.
- The quantities of Company's service business activities in 2023 compared to 2022 is as follows:
 - + In 2023, the total output through the Company's warehouse system will reach 1,918,029 tons of goods, equal to 94.4% compared to 2022. In which: General warehouse will reach 1,170,988 tons (equal to 89.5% in 2022), Cold storage reaches 234,586 tons (equal to 88.7% in 2022), CFS warehouse reaches 512,455 tons (equal to 117% in 2022).
 - + The output through ICD Transimex Port reached 231,527 teus (equal 83.4 % in 2022)
 - + Inland waterway container transport output reaches 212,891 teus (equal to 91.4% in 2022). Road container transport output reaches 37,898 trips (equal to 101% in 2022)
 - + Departmental cargo transportation output reached 42,774 trips (an increase of 17.6% compared to 2022). The output of logistics services reached 33,180 teus of import and export goods by sea (an increase of 14.7% compared to 2022) and 1,146 tons of import and export goods by air (equal to 67.8% of 2022).
 - + The output of international forwarding agency services reached 24,689 teus of FCL goods, 2,823 CBM of LCL goods, 522 tons of import and export goods by air, of which FCL goods increased by 39.8% compared to 2022.
 - + International Container shipping agency service (Dongjin Shipping Line): Transimex has arranged for 518 cargo ships of Dongjin Shipping Line to safely arrive and leave Vietnamese ports. Transimex has performed international port-to-port transportation services with a total output of 70,776 teus.
- Analyse the un-achieved reason
 - + Objective reason: The depression situation of word economic in general as well as the depression of import-export and trade in particular has been made the logistics services industry to be depressed.

- + Subjective reason: The group consolidated revenue is considered mostly achieved the business budget but the profit before tax reached just nearly 70% Vs planned due to the high margin services such as container port service, GSA service for cargo airlines, heavy-lift & project cargo logistics ... have been dropped significantly.
- + The other reason has been caused by the executive board who does not have enough effort to look for the other services which are able to replace the said dropped above services as well as does not have enough determination in term of cost management, human resource re-allocation in all over the group of company.

2. FINANCIAL CONDITION

a. Total Asset

Indicators	Year 2022	Year 2023	% change
Current Assets	1,744,350,322,596	1,816,920,221,683	4%
Non-Current Assets	3,826,253,041,059	5,696,321,577,872	49%

- Current assets in 2023 reached VND 1.816,9 billion, increased VND 72 Billion (up to 4%) compared to 2022.
- In 2023, Transimex's non-current assets reached VND 5.696,3 billion, an increase of VND 1,870 billion (up to 49%) compared to 2022. Transimex purchased the Transimex Sun vessel worth VND 220 billion, Transimex invested in a cold warehouse project in Long An with an investment of VND 228 billion, consolidating long-term assets at Mipec Port Joint Stock Company (MIPEC) with a total asset value of VND 1,319 billion.

b. Liabilities position

Indicators	Year 2022	Year 2023	% change
Current Liabilities	858,786,213,245	948,724,617,936	10%
Non-Current Liabilities	564,231,357,857	1,795,865,684,981	218%
Interest expense	58,088,693,621	78,147,822,175	35%

- Short-term liabilities in 2023 reached VND 948.7 billion, increase by VND 89 billion (up to 10%) compared to 2022, due to the reclassification of long-term loans due at Transimex and its subsidiaries.
- Long-term liabilities in 2023 reached VND 1,795.8 billion, increase by VND 1,231 billion (up to 218%) compared to 2022, long-term loans to buy vessel (VND 146 billion), investing in Long An cold storage project (VND 250 billion) and consolidate long-term loans in MIPEC (VND 840 billion).

3. ACHIEVEMENTS IN ADMINISTRATION

- Completing the organizational structure at all affiliated units, restructuring the organization more appropriately to prepare for implementing corporate governance. In the first 6 months of 2023, the Company merged the project logistics service department into Transimex Logistics Joint Stock Company to promote the strength of service provision as well as develop new project cargo service areas.
- Strengthen the implementation of regular internal control at units and subsidiaries as well as unexpected internal control work to strengthen governance, improve efficiency, and minimize problems arising from operator error.
- Strengthen control of customer debt, reduce overdue debt rate to the lowest rate as possible.
- Continue to strengthen and deploy the application of information technology in Logistics management, corporate governance and digitization of service operations.

- Completed the organizational structure of the Sales & Marketing Department. Recruited Head of Sales & Marketing Department.
- Continue to implement the parent company's vertical management of member companies to strengthen centralized management.
- Bonus, welfare, and treatment policies are always emphasized in many ways.

a. Brand promotion

- Successfully organized the Company's 40th anniversary on June 3, 2023, which was highly praised by customers and partners and created a certain reputation in the community of Vietnamese Logistics companies as well as such as shipping lines and global logistics companies operating in Vietnam.
- Enhance the promotion of the brand with the new 40th anniversary event logo through many different forms such as website, printed products, and through all transactions with customers such as email transactions. , Offers...
- The company won the Ho Chi Minh City golden brand award in 2023 awarded by the People's Committee of Ho Chi Minh City.
- The company is ranked TOP 500 Largest Enterprises in Vietnam in 2023 (VNR500)
- The company is ranked TOP 10 reputable companies in the Logistics industry in 2023.
- The company was honored as Top 50 Best Listed Companies in Vietnam in 2023 voted by Forbes.

b. Corporate's union and social responsibility activities

- Participate in the soccer tournament with strategic partners (Cholimex & Cholimex Food) to tighten relationships.
- The company successfully organized the Fun-Run jogging event with the participation of partners, customers and more than 400 employees throughout the group on February 18, 2023.
- The company is always interested in improving the quality of life for workers, protecting the environment, labor safety and business ethics.
- The company always focuses on social and community responsibility, attaching importance to contributing to society and volunteering. Specifically, the Company and the Company's Trade Union have conducted charity trips to help poor, studious children in remote areas and built charity houses for poor households in the Southwestern and Southern provinces. Participate in the blood donation program.

4. BUSINESS PLAN IN 2024

• Business plan in 2024

Unit: Million VND

No	Detail	Amount
1	Consolidated Revenue	2,911,915
2	Consolidated Earnings Before Tax (EBT)	476,310
3	EBT/ Total revenue radio	16.36%
4	Dividend 2024 (Cash and/or in stock)	15-20%

• Business implementation 2024

At the Parent Company, we continue to perfect and enhance the capacity of the Sales & Marketing department to be able to meet selling services objective to the entire group, especially to Long An Logistics after completing phase 2 (Delivery Warehouse). Automatic – ASRS) with the goal of making Transimex a leading enterprise in the Cold Chain Logistics supply chain market.

Continue to develop core Logistics services such as Contract Logistics, ICD Port services, General Warehouse services, Container Port services, shipping and delivery services.

At Vinafreight company, Vector Aviation: The aviation market is forecast to have many positive signals (increased flight frequency of all airlines) and negative signals (general decrease in air freight prices), but the board of directors is planning a challenged budget planning. In early 2024, the Company signed a Cargo Agent contract for the Russian National Airlines (Aeroflot) with increased flight frequency from Ho Chi Minh City, so it focuses on increasing this service along with other traditional service of Vinafreight & Vector Aviation.

At Mipec Port Joint Stock Company, building a very challenging plan (Revenue: 226 billion; Profit before tax: (minus 26 billion) which poses challenges for foreign container ships, domestic container ships and CFS/Warehouse services Summary. Focus on approaching foreign container shipping lines, domestic container shipping lines and potential customers.

Continue to strengthen the management and control of the parent company Transimex over its subsidiaries and member companies to improve management throughout the group.

Strengthen cooperation in many forms with foreign strategic partners to diversify the customer portfolio and maximize the use of resources in the entire group's ecosystem.

Continue to develop green Logistics activities, meeting new global requirements on environmental protection and standardization in the Logistics field such as ESG.

Sincerely,

**ON BEHALF OF
THE EXECUTIVE BOARD**



LE DUY HIEP
General Director

REPORT ON BOARD OF DIRECTORS ACTIVITIES IN 2023 AND PLAN FOR 2024

Pursuant to the duties, powers and responsibilities of the Board of Directors specified in the Charter and Operating Regulations of the Board of Directors of Transimex Corporation ("Transimex", "Company"). The Board of Directors respectfully submits to the 2024 Annual General Meeting of Shareholders ("ĐHĐCD") the 2023 operations report and the plan for 2024 as follows:

I. PERFORMANCE RESULT IN 2023

Consolidated business results fiscal year 2023 of Transimex Corporation:

Unit: Million dong

No	Content	Performance 2022	2023		% performance 2023 compared with	
			Plan 2023	Performance 2023	Performance 2022	Plan 2023
1	Consolidated revenue	3,648,088	2,521,420	2,389,818	65.51%	94.78%
2	Consolidated earnings before tax (EBT)	774,230	317,050	214,326	27.68%	67.60%
3	Proportion EBT/Total Revenue	21.22%	12.57%	8.97%	42.26%	71.32%
4	Dividends (cash and/or stock)	30%	15% - 20%	12% (5% by cash and 7% by stock)		

II. ACTIVITIES OF BOARD OF DIRECTORS 2023

1. Member and organizational structure of Board of Directors:

- (a) The 2023 Annual General Meeting of Shareholders ("GMS") elected the Board of Directors ("BOD") term VI (2023 - 2028) including 7 members, the Board of Directors elected the Chairman and Vice Chairman Board of Directors.
 (b) List of members of the Board of Directors until 31 December 2023 is as follows:

No	Full name	Title	Percentage of holding shares with voting rights on December 31, 2023
1.	Mr Bui Tuan Ngoc	Chairman	0.59%
2.	Mr Le Duy Hiep	Vice Chairman	0.44%
3.	Mr Bui Minh Tuan	Member	14.49%
4.	Mr Toshiyuki Matsuda	Member	0.02%
5.	Mr Charvanin Bundi kitsada	Member	0.00%
6.	Mr Vo Hoang Giang	Independent Member	0.00%
7.	Mr Huynh An Trung	Independent Member	0.00%

2. Activities of the Board of Director 2023

Dividend Payment 2022

- (a) Implementing the matters of the 2023 Annual General Meeting of Shareholders Resolution No. 01/2023/NQ.ĐHĐCD-TMS dated 27th April 2023, on 24th July 2023, the Board of Directors issued Resolution No. 04/NQHĐQT NK6-TMS approved the implementation of the 2022 dividend payment plan and the Company completed the stock issuance to pay dividends on 5th October 2023.
 (b) The process of paying dividends to shareholders has been implemented promptly, ensuring compliance with regulations.

Management and administration activities

- (a) To carry out the tasks assigned by the General Meeting of Shareholders, the Board of Directors has implemented activities in accordance with the provisions of the Company's Charter, in compliance with the Enterprise Law and current laws.
 (b) Meetings of the Board of Directors are organized and conducted in accordance with the Company's Charter and are attended by the Executive Board, Head of the Supervisory Board, and Chief Financial Officer.
 (c) The Board of Directors directly discussed and decided on the matters to submit to the General Meeting of Shareholders for voting at the Meeting. The Board of Directors decide on issues within authority, approve reports of the Executive Board and listen to the Executive Board periodically report on the Company's business situation and results.
 (d) The voting results on all issues reached high consensus, the Minutes and Resolutions of the Board of Directors all had the consensus of the members, were kept and information was disclosed in accordance with regulations.
 (e) Completed restructuring to streamline the Company's organizational structure while increasing efficiency in business operations and corporate governance. Specifically, the Company merged the Logistics Department into Transimex Corporation Logistics.
 (f) Issue decisions to mobilize personnel and appoint management positions promptly and appropriately.
 (g) In 2023, the Board of Directors had 17 meetings and issued 24 resolutions, specifically as follows:
- (1) Approving of the Transimex to guarantee for Transimex Logistics borrows credit from Shinhan Bank Vietnam Limited ("SHBVN").
 - (2) Approving about participating in the capital contribution of legal entity established to operate and exploit Transimex ICD Port.
 - (3) Approving about participating in the capital contribution of legal entity established to operate sea freight service business.
 - (4) Approving the contents under the authority of Transimex Corporation (The Owner) at Transimex Hi Tech Park Logistics Limited Company ("Transimex SHTP Logistics").
 - (5) Approving the contents under the authority of Transimex Corporation (The Owner) at Transimex Property Limited Company ("Transimex Property").
 - (6) Approving the matters under the authority of Transimex Corporation (The Owner) at Transimex Distribution Center Limited Company ("Transimex DC").
 - (7) Approving of the re-appointment of Deputy General Director of Transimex Corporation.
 - (8) Approving of the resignation and dismissal of the Deputy General Director of Transimex Corporation.
 - (9) Approving the termination of the nomination of the capital representative of Transimex Corporation for Mr. Nguyen Bao Trung.
 - (10) Approving of the Report on Business Results in 2022 and Report on Business Plan in 2023 of the Board of General Directors Transimex.
 - (11) Approving of the Report on financial activities and investment activities in 2022.
 - (12) Approving of the Project investment statement in 2022 and the implementation plan in 2023.
 - (13) Approving the Report on the implementation of salary fund in 2022 and the salary fund budget plan in 2023.
 - (14) Approving the Report on the implementation of setting aside the reward and welfare fund in 2022 and the plan on setting aside the reward and welfare fund in in 2023.
 - (15) Approving on appointment of Deputy General Director of Transimex Corporation.
 - (16) Approving the transfer of machinery, equipment and inland waterway vehicles from Transimex to its subsidiary - Transimex Port Corporation.
 - (17) Approving the debt-to-equity swap plan for the debt of Transimex Logistics Corporation.
 - (18) Approving the disbursement of funds to the Board of Directors, Board of Controllers in 2022.
 - (19) Approving the remunerations for the members of the Board of Directors, members of the Board of Controllers for the sixth terms (2023 - 2028) and the Company Secretary in 2023
 - (20) Approving the plan to organize the Annual General Meeting of Shareholders in 2023.

- (21) Approving the submission matters of the annual general meeting of shareholders 2023.
- (22) Approving the adjustment of the guarantee plan in line with the Bank's financing plan.
- (23) Approving of the long-term loan plan at Long An Investment Limited Company.
- (24) Approving of the guarantee for Transimex Logistics Corporation ("Transimex Logistics") to apply for a credit line at Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade – Branch No.1 (VietinBank – No.1).
- (25) Approving of investment plan to purchase M/V Container and Long-Term Financing Plan.
- (26) Approving the adjustment of the plan to use the proceeds from the private placement of shares ending on 31 December 2021.
- (27) Approving the plan for using profits after fulfilling tax obligations and other financial obligations of subsidiaries including Transimex Real Estate One Member Limited Liability Company and Transimex Distribution Center One Member Company Limited.
- (28) Approving the the transfer of shares of Mipec Port Corporation ("MPC") to Transimex Property - 100% Owned Subsidiary.
- (29) Approving approved the addition of the following contents for submission to the 2023 Annual General Meeting of Shareholders.
- (30) Approving of the election of the Chairman and Vice Chairman of the Board of Directors for the sixth term (2023 - 2028).
- (31) Approving of the reappointment of the General Director of the Company for the 6th term (2023 - 2028).
- (32) Approving of the reappointment of the Company Secretary and the person in charge of corporate governance for the sixth term (2023 - 2028).
- (33) Approving of the living expenses allowance for the Board of Directors, the Board of Supervisory, and the Company Secretary for the year 2023 of the 6th term (2023 - 2028).
- (34) Approving of updating and amending the plan of straight (non-convertible) bond issuance.
- (35) Approving the extension of the short-term loan at Woori Bank Vietnam.
- (36) Approving the implementation of the plan to issue shares to pay the 2022 dividend.
- (37) Approving the selection of Ernst & Young Vietnam Limited ("EY") as the firm to provide auditing and financial reporting review services for Transimex Corporation for the year 2023.
- (38) Approving the dissolution and termination of operations of the Project Logistics Services Department.
- (39) Approving the new organizational chart of Transimex Corporation.
- (40) Approving the adjustment to the transfer price for the shares of MPC to Transimex Property.
- (41) Approving the Report of the Executive Board on the business results for the first 6 months of 2023 and the business plan for the last 6 months of 2023
- (42) Approving the Report on the Financial and Investment activity for the first 6 months of 2023 and the plan for the last 6 months of 2023.
- (43) Approving the Report on the Progress and Status of Investment Projects for the first 6 months of 2023 and the plan for the last 6 months of 2023
- (44) Approving the Report on the business results of Transimex Sun Ship and 300 Transimex containers; business plan for the last 6 months of 2023.
- (45) Approving the Report on certain business activities of Vina Trans Da Nang - a subsidiary of Transimex Corporation.
- (46) Approving the execution of seeking, connecting, and exploring partnerships within and outside the country to collaborate with Transimex Corporation on existing and future projects (if any).
- (47) Approving the transfer of 10,000 shares of Thang Long Logistics Service Corporation to other individual investors.
- (48) Approving the dismissal of the current Deputy Head of the BOD Office and the appointment of the Acting Chief of BOD Office.
- (49) Approving the appointment of Deputy Head of the BOD Office responsible for Legal Affairs of Transimex Corporation
- (50) Approving the establishment of the Internal Control Team and the Legal Team under the Board of Directors' Office.
- (51) Approving the contracts and transactions between Transimex Corporation and relevant persons in accordance with the provisions of Clause 2, Article 164 and Clause 1, Article 167 of the 2020 Enterprise Law and the Charter of Transimex Corporation.
- (52) Approving the order to implement the above securities issuance plans, in the order from top to bottom.
- (53) Approving the registering of privately placed corporate bonds on the Stock Exchange trading system.
- (54) Approving the proposals under the jurisdiction of Transimex at Transimex Property.
- (55) Approving for Hung Yen ICD Corporation and Hung Yen Logistics Service Corporation to the dissolution of the company.
- (56) Approving for purchasing additional shares of Transimex Port Corporation, Transimex Shipping Corporation, and Long An Logistics Corporation.
- (57) Approving the Regulations on decentralization in managing and operating business activities of Transimex Corporation and subsidiaries.

- (58) Approving the Report of the Executive Board on business results for the first 09 months of 2023 and business plan for the last 3 months of 2023.
- (59) Approving the Report on financial and investment activities for the first 09 months of 2023.
- (60) Approving the Report on project investment for the first 09 months of 2023 and the implementation plan in the last 03 months of 2023.
- (61) Approving the conversion of Long An Investment Single Member Limited Liability Company (Subsidiary) into a corporation entity.
- (62) Approving the amendment and supplement of the Capital Representative Regulations (company representative) of Transimex Corporation.
- (63) Approving the adjustment of the interest rate of TMSH2126001 bond.
- (64) Approving the plan on using profit after implementing tax obligations and other financial obligations of subsidiaries including Transimex Property Company Limited, Transimex Hi-Tech Logistics Corporation and Transimex Hi Tech Park Logistics Company Limited.
- (65) Approving the adjustment of nomination, introduction, and appointment of Transimex's Capital Representatives in the subsidiaries.
- (66) Approving the adjustment of the guarantee plan in line with the bank's financing plan.

III. RESULTS OF IMPLEMENTATION OF THE 2023 ANNUAL GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS RESOLUTION 2022

Decisions of Board of Directors	Implementation Result
Authorize the Board of Directors to evaluate and select an independent auditing company for the 2023 fiscal year financial statements.	Selected Ernst & Young Vietnam Company Limited (EY).
Implement the 2023 business plan.	Performed
Fund allocation for operating funds of the Board of Directors and Supervisory Board in 2023.	Performed.
Profit distribution in 2022.	Performed.
Issuing shares to pay dividends and issuing shares to increase share capital from owner's capital.	
Abandon the plan to issue shares to pay dividends in 2021 and the plan to issue shares to pay dividends in 2022.	Abandoned.
Divestment in Nippon Express Joint Venture Company Limited (Vietnam).	Processing.
Increase charter capital	Performed.

Decisions of Board of Directors	Implementation Result
Keep implementing the TMSCB2020 convertible bond offering plan of Transimex Corporation.	The TMSCB2020 convertible bond offering plan is expected to restart in the fourth quarter of 2023, after paying stock dividends. Because the plans using expected capital is greater than VND 200 billion, the Board of Directors will propose to the 2024 Annual General Meeting of Shareholders to abandon this plan and switch to implementing the offering plan of VND 700 billion in convertible bonds was approved by the 2023 Annual General Meeting of Shareholders.
Implementing the plan to issue convertible bonds for Transimex Corporation 2023	The Board of Directors is developing an adjusted offering plan from VND 700 billion to VND 400 billion to suit capital use needs and the State Securities Commission's view on approving application.
Amending and supplementing the Company's Charter and Internal Management Regulations.	Performed.

IV. RESULTS OF SUPERVISION AND SUPPORT OF THE BOARD OF DIRECTORS TO THE EXECUTIVE BOARD

- Board of Directors authorized the Company's Executive Board to implement and report the Resolutions of the Board of Directors to Board of Directors.
- Board of Directors, through questioning the Board of Management about business results during the period at regular meetings, and at the same time, monitoring many other activities to carry out The Board of Directors' supervision towards Executive Board.
- Board of Directors always monitor the implementation of the 2023 business plan.
- Board of Directors strengthen corporate governance activities, internal control activities and risk control in the Company.
- The Chairman of the Board of Directors regularly attends weekly meetings of the Company, always supervises and promptly directs the Company's business activities.
- The Board of Directors evaluates the performance of the Executive Board in 2023 as follows:
 - Implement construction projects in accordance with procedures and regulations, according to Resolutions of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors, actively implement the Company's investment projects and put them into operation with high efficiency.
 - Financial management is well implemented, ensuring balance of capital sources for investment and business development.
 - The Board of Management has operated the Company according to their functions and mandates, following internal management regulations, in accordance with the Company's charter and the provisions of law.
 - Implement information disclosure seriously and in accordance with regulations.
 - Seriously and fully comply with periodic or extraordinary reports as required by State management agencies.
 - Focus on improving training to develop the management and professional capacity of the Company's employees.
 - Pay attention to the material and spiritual life of the Company's employees.

V. INCOME REPORT OF BOARD OF DIRECTORS' MEMBERS IN 2023

In 2023, members of the Board of Directors will be remunerated according to regulations, within the approved limit of the Annual General Meeting of Shareholders. Specifically, the remuneration of the Board of Directors in 2023 is as follows:

No	Full name	Title	Remuneration (Before personal income tax) (VND)	Note
1.	Mr Bui Tuan Ngoc	Chairman of BOD	680,000,004	
2.	Mr Le Duy Hiep	Vice Chairman of BOD	391,111,112	
3.	Mr Vu Chinh	Member of BOD	73,333,334	Relieved as of April 2023
4.	Mr Bui Minh Tuan	Member of BOD	228,888,888	
5.	Mr Nguyen Bich Lan	Member of BOD	73,333,334	Relieved as of April 2023
6.	Mr Charvanin Bunditkitsada	Member of BOD	257,500,000	
7.	Mr Toshiyuki Matsuda	Member of BOD	257,500,000	
8.	Mr Vo Hoang Giang	Independent member of BOD	177,777,776	Participate since April 2023
9.	Mr Huynh An Trung	Independent member of BOD	177,777,776	Participate since April 2023
Total			2,317,222,224	

VI. OPERATION PLAN OF THE BOARD OF DIRECTORS IN 2024

- Strive to implement the business plan for the fiscal year 2024:

Unit: Million Dong

No	Content	Amount
1	Consolidated Net Revenue	2,911,915
2	Consolidated earnings before tax (EBT)	476,310
3	Proportion EBT/Total revenue	16.36%
4	Dividens 2024 (cash and/or stock)	15% - 20%

- Successfully organize the 2024 Annual General Meeting of Shareholders, propose to submit to the General Meeting matters under the authority of the General Meeting of Shareholders.
- Continue to implement the sustainable logistics development strategy through developing green logistics and perfecting the logistics service supply chain to expand nationwide, focusing on investing in the Company's core industries.
- Continue to monitor and provide timely instructions to the Executive Board to implement phase 2 investment of Thang Long Logistics Center.
- Continue to restructure both services and human resources organization at Subsidiaries
- Continue to focus on business development and restructuring both services and human resources organization at other companies in which Transimex is the controlling shareholder and parent company in the Northern region such as Mipec Port Corporation, Foreign Trade Freight Forwarding Joint Stock Company, Transport and Trading Services Joint Stock Company.

7. Together with partners, accelerate the implementation progress of the Vinh Loc Logistics Center project, Phase 2 Cold Storage in Ben Luc, Long An as well as prepare for service exploitation after completing the entire facility submitted for use.
8. Coordinate with major shareholders of the Company in the same service industry to develop and add new services to the Company.
9. Continue to invest in companies in the same industry having potential development and complementary services for the Company, cooperate with these companies to invest in building warehouses, and effectively exploit existing land fund owned by partners.
10. Effectively manage investment in joint ventures and affiliated companies through forms of service connection, business cooperation and participation in governance... to improve investment efficiency.
11. Continue to direct and support the Board of Directors to find new projects, research and invest in logistics centers and warehouses in potential locations and improve the Company's ability to provide logistics services to complete the logistics services nationwide chain, especially in key provinces and cities.
12. Carry out activities to enhance risk management effectiveness in the Company's business activities.
13. Continue to promote the application of modern information technology systems in business operations, warehouse management, cost management, etc.
14. Continue to negotiate and carry out work to divest the investment from Nippon Express (Vietnam) Joint Venture Company Limited.
15. Determine human resources as an important factor, ensure the Company's sustainable development next year as well as in the future, the Board of Directors will focus on human resource development policies by promoting training, developing, and planning human resources for the Company.

The Board of Directors highly appreciates and thanks the Executive Board and all employees of the Company for their contributions to the Company's successful completion of the 2023 business plan. The Board of Directors of the Company will continue to work with the Executive Board to propose measures, plans and strategies to implement the 2024 business plan.

Best regards./.

**ON BEHALF OF BOARD
OF DIRECTORS**



BUI TUAN NGOC
Chairman Of The Board

REPORT ON THE ACTIVITIES OF INDEPENDENT BOARD MEMBERS IN 2023 AND PLAN FOR 2024

Pursuant to the duties, powers and responsibilities of the independent members of the Board of Directors as stipulated in the Charter and Operating Regulations of the Board of Directors of Transimex Corporation ("Transimex", "Company"). Independent members of the Board of Directors respectfully submit to the 2024 Annual General Meeting of Shareholders ("AGM") the 2023 operations report and 2024 plan as follows:

I. ACTIVITIES OF INDEPENDENT BOARD MEMBERS ("INDEPENDENT BOARD MEMBERS")

1. Preliminary assessment of the activities of independent members of the Board of Directors

- The General Meeting of Shareholders on 27th April 2023 elected the Board of Directors for term VI (2023 - 2028) including 07 members, including 02 (two) independent members of the Board of Directors - ensuring a sufficient ratio in number of Members of the Board of Directors must be independent members according to the law.
- All independent members of the Board of Directors attended meetings and participated in content appropriate to his/her responsibilities duties of independent members of the Board of Directors.

2. Activities of members of the Board of Directors

The activities of independent Member of Board of Directors in 2023 including:

- Supervise the implementation of management and administration of the Board of Directors and Executive Board.
- Check the reasonableness, legality, honesty and level of caution in managing and operating business activities; Systematic, consistent and appropriate of accounting affairs, statistics and financial reporting.
- Appraise the comprehensiveness, legality and truthfulness of business reports, annual and quarterly financial statements, and management evaluation reports of Board of Directors.
- Review and evaluate the effectiveness and efficiency of the internal control system, risk management and promptly warning for the company through monitoring the amendment and completion of Transimex's internal regulations and the promulgation of documents governing business activities.

II. RESULTS OF SUPERVISION

1. Regarding implementation of operation, management of the Board of Directors and Executive Board

The Board of Directors and Executive Board have properly implemented the Charter of Transimex, the Resolutions of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors of Transimex, specifically:

- In 2023, the Board of Directors of Transimex held the Annual General Meeting of Shareholders on 27th April 2023; Organized 17 Board of Directors meetings and issued 24 Resolutions to direct Transimex's activities within its authority. Meetings of the Board of Directors are held in accordance with regulations, with the participation of members of the Executive Board and related units to grasp the situation as well as give opinions for the Board of Directors consideration before making Resolutions and Decisions.

- For human resource management activities:
 - + The Board of Directors approved and issued a Resolution on the appointment of 01 Deputy General Director position; reappointment of 01 Deputy General Director position; Appoint 01 position of Acting Chief of the Office of the Board of Directors and 01 position of Deputy Chief of Office of the Board of Directors to assist the Board of Directors.
 - + At the same time, The Board of Directors approved the Regulations on Capital Representatives and the Company's new organizational chart.
- Members of the Board of Directors realized that The Board of Directors has directed and supervised the activities of the Executive Board in perfecting the corporate governance model, and building and perfecting Internal Regulations and Regulations. During the implementation process, the Executive Board fully complied with the provisions of the Company's Charter and the Resolutions of the Board of Directors.

2. Results of monitoring Transimex's business activities and financial situation

- Regarding business administration activities, the Board of Directors reviewed and issued a Resolution approving issues on business results, business plans, investment situation, and progress of implementation of investment projects, bond issuance and registration plans and other investment-related activities of the Company and its affiliated companies.
- Consolidated revenue in 2023 will reach 2,390 billion VND, consolidated profit after tax in 2023 will reach 173 billion VND.
- The Company's total assets till 31st December 2023 are 7,513 billion VND, an increase of 1,943 billion VND compared to 31st December 2022.

Results of appraisal of financial statements, financial situation of Transimex.:

- Independent members of the Board of Directors of Transimex have performed the responsibility of appraising financial reports and financial situation in accordance with regulations. Accounting books are recorded in a timely manner, honestly reflecting economic transactions arising during business operations.
- Independent members of the Board of Directors confirm that Transimex's 2023 financial statements prepared on 29th March 2024 honestly and reasonably reflect the Company's financial situation and financial situation in all key aspects. Business results and cash flow activities are in accordance with Accounting Standards, Corporate Accounting Regime and relevant accounting regulations in Vietnam. Transimex's 2023 financial statements were also audited by Ernst & Young Vietnam Co., Ltd. Without any rejection.

Comments and assessments of Transimex's financial situation:

- The above figures show that Transimex's consolidated revenue and after-tax profit did not complete the plan.
- Although the business results did not achieve as expected, in the context of the market situation in 2023 with many difficulties and challenges, the consolidated business results of the whole Group are positive numbers and also worth rewarding.

3. Evaluate the coordination between independent members of the Board of Directors with the Board of Directors, Executive Board and manager employees.

- Independent members of the Board of Directors have received the cooperation of the Board of Directors and the Executive Board and managers in functional departments in providing necessary information and documents to serve audit and inspection works.
- The Board of Directors has prepared a Report on activities of the Board of Directors 2023 that fully and honestly reflects the business situation 2023 and mission direction 2024. The Executive Board has prepared the 2023 Business Performance Report and the 2024 Business Plan. These reports along with audited financial statements 2023 Board of Directors have been sent fully and promptly to independent members of the Board of Directors to synthesize, evaluate, and report appraisal results at the Annual General Meeting of Shareholders 2024.

III. OPERATION PLAN FOR 2024

1. Continue to perform monitoring functions as prescribed in the operating regulations of Transimex's activities.
2. Carry out the function of managing and supervising the operations of the Enterprise Executive Board, closely coordinating with the Executive Board to find solutions to overcome difficulties in 2023 and effective management solutions in business operations in 2024.
3. Support the Board of Directors in ensuring corporate governance in accordance with the provisions of law and the Company's Charter;
4. Contribute to perfecting the enterprise risk management system in accordance with the Company's operating situation and current legal regulations.
5. Perform other assignments according to regulations Operating regulations of the Company's Board of Directors.

IV. RECOMMENDATIONS OF INDEPENDENT BOARD MEMBERS

1. There needs to be better coordination between departments to utilize radically the Company's available human resources and have a specific strategy to attract and retain long-term talent for the Company.
2. Strengthen debt management, avoid letting customers take up capital for a long time and learn about customer skills before transactions to limit the risk of bad debt.
3. Continue to strengthen management and evaluation of operations of companies under management and departments to improve overall efficiency throughout the Company.
4. In addition, Vietnam's warehousing and logistics market developed rapidly after the Covid pandemic due to increased demand for online trading. In recent years, many companies have invested in warehouse real estate, leading increase of competition in the market. Faced with the above situation, the Company should focus on the following issues:
 - (i) Develop e-commerce logistics, invest in technology and online service sales strategy.
 - (ii) Focus on developing human resources with good professional qualifications in management, security, operations, import and export, ... to increase competitiveness between eminent domestic enterprises and foreign ones.
 - (iii) Advertise and reach potential customers through many channels such as organizing events, investing in company websites, advertising through social network channels,...

Best regards./.

INDEPENDENT BOD MEMBER



VO HOANG GIANG

INDEPENDENT BOD MEMBER



HUYNH AN TRUNG

REPORT ON THE ACTIVITIES OF THE SUPERVISORY BOARD IN 2023

Pursuant to the duties, powers and responsibilities of the Supervisory Board are specified in the Charter and Operating Regulations of the Supervisory Board of Transimex Corporation ("Transimex", "Company"). The Supervisory Board respectfully submits to the 2024 Annual General Meeting of Shareholders ("AGM") a report assessing the Supervisory Board's 2023 operations as follows:

I. ACTIVITIES OF THE SUPERVISORY BOARD

1. Preliminary assessment of the activities of members of the Supervisory Board ("SB")

- The General Meeting of Shareholders on 27th April 2023 elected the Supervisory Board for the term VI (2023 - 2028) including 03 members. The Supervisory Board also met to elect the Head of the Supervisory Board immediately after the General Meeting of Shareholders.
- The list of members of the Supervisory Board until 31st December 2023 is as follows:

No	Full name	Title	Percentage of holding shares with voting rights on 31st December 2023
1.	Ms. Le Thi Ngoc Anh	Head of the Supervisory Board	0.00%
2.	Mr. Vu Chinh	Member of the Supervisory Board	0.47%
3.	Ms. Le Thi Tuong Vy	Member of the Supervisory Board	0.00%

2. Activities of members of the Supervisory Board

- During the year, the Supervisory Board met and worked with the Board of Directors and the Company's Executive Board periodically every 6 months. All members of the Supervisory Board attended all meetings and participate in opining matters consistent with the functions and duties of the Supervisory Board.
- The Supervisory Board fully participates in meetings of the Board of Directors ("BOD");
- Check the reasonableness, truthfulness and compliance with internal regulations as well as regulations of accounting, auditing, statistics and financial reporting. Review semi-annual financial statements and 2023 financial statements audited by Ernst & Young Vietnam Company Limited.
- Check the implementation of Resolutions of the General Meeting of Shareholders and Resolutions of the Board of Directors.
- Check investment activities, capital use and management.
- Check semi-annual financial reports and annual financial statement.
- In the process of performing duties, the Supervisory Board was given favorable conditions by the Board of Directors and the Executive Board to complete its tasks.

II. SUPERVISION RESULTS OF THE SUPERVISORY BOARD

1. Evaluate the activities of the Board of Directors

- Meetings of the Board of Directors are convened and held in accordance with corporate law and the Company's Charter.
- The Board of Directors and the Executive have provided full information to the Supervisory Board about the Company's business operations, investment plans and financial situation in 2023 through direct meetings and email;
- The Board of Directors supervises the activities of the Executive Board through periodic business results reports, reports on personnel fluctuations, reports on investment fluctuations, business development orientation, medium and long-term investment. long-term. The Board of Directors has coordinated well with the Executive Board to comprehensively direct all activities of the Company.

2. Evaluate the activities of the Executive Board

- The Executive Board has deployed and implemented the resolutions of the 2023 Annual General Meeting of Shareholders and the resolutions of the Board of Directors.
- The Executive Board regularly gather with other departments to promptly grasp and handle arising problems to bring high efficiency in production and business activities.
- The Executive Board reports fully, promptly and honestly on business results and investment situation as well as seeks direction from the Board of Directors.
- The Supervisory Board found that the Board of General Directors has made many efforts and always complied with the requirements of the Company's internal management system.

3. Appraisal of 2023 financial statements

- The Company's 2023 financial statements were audited by Ernst & Young Vietnam Co., Ltd. and issued an audit report, without any reject.
- The Company's consolidated business results achieved the following targets:

Unit: million VND

No	Items	Performance 2022	Năm 2023		% implementation 2023 compared with	
			Plan 2023	Performance 2023	Implementation 2022	Plan 2023
1	Consolidated revenue	3,648,088	2,521,420	2,389,818	65.51%	94.78%
2	Consolidated earning before tax (EBT)	774,230	317,050	214,326	27.68%	67.60%
3	Proportion of earning before tax/total revenue	21.22%	12.57%	8.97%	42.26%	71.32%
4	Dividends (cash and/or stock)	30%	15% - 20%	12% (5% in cash and 7% in shares)		

- Consolidated revenue in 2023 reaches VND 2,390 billion, completing 94.78% of the 2023 plan, and equal to 65.51% compared to 2022.
- Consolidated pre-tax profit in 2023 will reach VND 2,14 billion VND, completing 67.60% of the 2023 plan and equal to 27.68% compared to 2022.
- Through the above data, it shows that the Company's consolidated revenue and pre-tax profit did not meet the set plan.

4. Regarding investment in projects

The key project is Long An Cold Storage - Total investment: 1,000 billion VND, completed stage 1 and put into operation from the end of September 2023. Currently, the entire stage 2 is being urgently completed operation in 2nd quarter 2024.

5. Regarding investment in subsidiaries, associated companies, and stock investments

- The total amount of investment in subsidiaries, affiliated companies, and stock investments in the year is 265 billion VND.
- The total transfer amount in the year is 70 billion VND.
- After investing, on 31 December 2023 direct ownership ratio of Transimex in some companies is as follows:
 - (i) Transimex Port Corporation reached ownership ratio of 99.99%.
 - (ii) Long An Logistics Corporation reached ownership ratio of 99.00%.
 - (iii) Transimex Shipping Corporation reached an ownership ratio of 99.93%.
 - (iv) Transimex Hi-Tech Logistics Corporation reached ownership ratio of 99.44%.
 - (v) Mipec Port Corporation achieved an ownership ratio of 44.16 %.
 - (vi) Foreign Trade Freight Forwarding Joint Stock Company Stock Company reached ownership ratio of 21.77%.
 - (vii) Transport and Trading Services Joint Stock Company reached ownership ratio of 54.04%.
 - (viii) Da Nang Port Joint Stock Company reached ownership ratio of 0.89%.
 - (ix) Dong Nai Port Joint Stock Company reached ownership ratio of 9.1%.
 - (x) Vinafco Joint Stock Company achieved an ownership ratio of 1.46%.
 - (xi) Refrigeration Technology Joint Stock Company achieved an ownership ratio of 1.2%.

III. REPORT OF SUPERVISORY BOARD MEMBERS IN 2023

In 2023, members of the Supervisory Board will be remunerated according to regulations, within the limit approved by the Annual General Meeting of Shareholders. Specifically, the remuneration of the Supervisory Board in 2023 is as follows:

No	Full name	Title	Remuneration (before personal income tax) (VND)	Note
1.	Ms. Le Thi Ngoc Anh	Head of Supervisory Board	228,888,888	
2.	Mr. Vu Chinh	Member of Supervisory Board	133,333,336	Participate from April 2023
3.	Ms. Le Thi Tuong Vy	Member of Supervisory Board	133,333,336	Participate from April 2023
4.	Ms. Nguyen Kim Hau	Member of Supervisory Board	65,555,556	Relieved since April 2023
5.	Ms. Phan Phuong Tuyen	Member of Supervisory Board	65,555,556	Relieved since April 2023
Total			626,666,672	

IV. CONCLUSIONS AND RECOMMENDATIONS

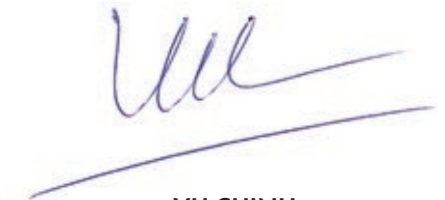
- The Company's activities in 2023 have complied with the Law on Enterprise, Law on Securities, Company Charter, related regulations and the resolutions of the General Meeting of Shareholders and the resolutions of the Board of Directors. The Company's information disclosure activities also comply with relevant regulations applicable to listed enterprises.
- Other recommendations: With the growing scale of the Company, promoting results in 2023 and achieving the target plan for 2024, the Supervisory Board has the following suggestions:
 - (1) There needs to be a better combination between the Parent Company and its subsidiaries, affiliated units, and departments to be able to effectively use capital, human resources, and existing advantages of the Company and have a strategic plan. Specific strategies to retain long-term talent for the Company.

- (2) Strengthen debt management, avoid letting customers misappropriate capital for a long time and learn about customer capacity before making transactions to limit the risk of bad debt.
- (3) Strengthen management and evaluation of operations of subsidiaries and departments to improve overall efficiency throughout the Company.
- (4) Transfer promptly, reasonably and effectively cash flow between the Parent Company and its subsidiaries.
- (5) Strengthen and deploy the application of information technology in corporate governance, logistics management, and digital economic development.
- (6) Complete salary, bonus and welfare policies throughout the Company to ensure fairness and reasonableness between the parent company and member companies.
- (7) Advertising and reaching potential customers through many channels such as organizing events, investing in company websites, advertising through social network channels...

Above is the report of the Supervisory Board in 2023 submitted to the 2023 Annual General Meeting of Shareholders. On behalf of the Supervisory Board, I would like to sincerely thank the Board of Directors, Executive Board and Departments of Transimex Corporation for favorable conditions for The Supervisory Board has completed their duties in recent times.

Best regards./.

**ON BEHALF OF
SUPERVISORY BOARD**



VU CHINH
Member Of
The Supervisory Board

**CONSOLIDATED
FINANCIAL
STATEMENTS**



INDEPENDENT AUDITORS' REPORT



Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam
Số 02 Đường Hải Triều, Phường Bến Nghé, Quận 1,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: (028) 38525252 Fax: (028) 38315090
Email: eyhcmc@vn.ey.com Website: www.ey.com/vn

Reference: 12628598/66917476/FN-HN

To: The Shareholders of Transimex Corporation

We have audited the accompanying consolidated financial statements of Transimex Corporation and its subsidiaries (collectively referred to as "the Group"), as prepared on 29 March 2024 and set out on pages 158 to 218, which comprise the consolidated balance sheet as at 31 December 2023, the consolidated income statement and the consolidated cash flow statement for the year then ended and the notes thereto.

Management's responsibility

The Company's management is responsible for the preparation and fair presentation of the consolidated financial statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Enterprise Accounting System and the statutory requirements relevant to the preparation and presentation of the consolidated financial statements, and for such internal control as management determines is necessary to enable the preparation and presentation of the consolidated financial statements that are free from material misstatement, whether due to fraud or error.

Auditors' responsibility

Our responsibility is to express an opinion on these consolidated financial statements based on our audit. We conducted our audit in accordance with Vietnamese Standards on Auditing. Those standards require that we comply with ethical requirements and plan and perform the audit to obtain reasonable assurance about whether the consolidated financial statements are free from material misstatement.

An audit involves performing procedures to obtain audit evidence about the amounts and disclosures in the consolidated financial statements. The procedures selected depend on the auditors' judgment, including the assessment of the risks of material misstatement of the consolidated financial statements, whether due to fraud or error. In making those risk assessments, the auditors consider internal control relevant to the Group's preparation and fair presentation of the consolidated financial statements in order to design audit procedures that are appropriate in the circumstances, but not for the purpose of expressing an opinion on the effectiveness of the Group's internal control. An audit also includes evaluating the appropriateness of accounting policies used and the reasonableness of accounting estimates made by management, as well as evaluating the overall presentation of the consolidated financial statements.

We believe that the audit evidence we have obtained is sufficient and appropriate to provide a basis for our audit opinion.

Opinion

In our opinion, the consolidated financial statements give a true and fair view, in all material respects, of the consolidated financial position of the Group as at 31 December 2023 and of the consolidated results of its operations and its consolidated cash flows for the year then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Enterprise Accounting System and the statutory requirements relevant to the preparation and presentation of the consolidated financial statements.

Ernst & Young Vietnam Limited



Hang Nhat Quang
Deputy General Director
Audit Practicing Registration Certificate
No. 1772-2023-004-1

Pham Xuan Tuan
Auditor
Audit Practicing Registration Certificate
No. 4639-2023-004-1

Ho Chi Minh City, Vietnam

29 March 2024

CONSOLIDATED BALANCE SHEET

as at 31 December 2023

VND				
Code	ASSETS	Notes	Ending balance	Beginning balance
100	A. CURRENT ASSETS		1,816,920,221,683	1,744,350,322,596
110	I. Cash and cash equivalents	5	447,183,890,000	556,774,624,464
111	1. Cash		369,176,081,781	377,274,624,464
112	2. Cash equivalents		78,007,808,219	179,500,000,000
120	II. Short-term investments		536,883,070,348	551,148,209,885
121	1. Held-for-trading securities	6.1	212,831,881,385	215,391,919,946
122	2. Provision for held-for-trading securities	6.1	(1,526,122,439)	(975,910,061)
123	3. Held-to-maturity investments	6.2	325,577,311,402	336,732,200,000
130	III. Current accounts receivable		664,613,582,651	571,935,142,410
131	1. Short-term trade receivables	7	375,893,277,904	277,995,368,655
132	2. Short-term advances to suppliers	8	41,571,641,502	91,621,708,717
135	3. Short-term loan receivables	9	45,200,000,000	-
136	4. Other short-term receivables	10	214,064,897,013	210,083,011,832
137	5. Provision for doubtful short-term receivables	7, 8, 10	(12,116,233,768)	(7,764,946,794)
140	IV. Inventories	11	13,011,984,414	15,394,505,094
141	1. Inventories		13,011,984,414	15,394,505,094
150	V. Other current assets		155,227,694,270	49,097,840,743
151	1. Short-term prepaid expenses	12	18,656,073,032	12,498,158,445
152	2. Value-added tax deductible	21	132,248,823,307	35,447,369,600
153	3. Tax and other receivables from the State	21	4,322,797,931	1,142,337,698
155	4. Other current assets		-	9,975,000
200	B. NON-CURRENT ASSETS		5,696,321,577,872	3,826,253,041,059
210	I. Long-term receivables		21,804,878,209	25,488,810,290
216	1. Other long-term receivables	10	21,804,878,209	25,488,810,290
220	II. Fixed assets		2,870,057,530,273	1,116,555,569,241
221	1. Tangible fixed assets	13	2,842,649,350,333	1,092,515,210,172
222	- Cost		3,813,275,036,491	1,726,970,228,840

VND				
Code	ASSETS	Notes	Ending balance	Beginning balance
223	- Accumulated depreciation		(970,625,686,158)	(634,455,018,668)
224	2. Finance lease	15	-	6,204,414,413
225	- Cost		-	8,557,812,978
226	- Accumulated amortisation		-	(2,353,398,565)
227	3. Intangible fixed assets	14	27,408,179,940	17,835,944,656
228	- Cost		38,246,202,603	26,745,066,603
229	- Accumulated amortisation		(10,838,022,663)	(8,909,121,947)
230	III. Investment property	16	40,868,817,636	43,609,887,430
231	1. Cost		90,106,164,459	88,395,738,648
232	2. Accumulated depreciation		(49,237,346,823)	(44,785,851,218)
240	IV. Long-term asset in progress		359,638,076,451	102,996,085,240
242	1. Construction in progress	17	359,638,076,451	102,996,085,240
250	V. Long-term investments	18	1,734,712,170,501	2,357,605,205,601
252	1. Investment in a jointly controlled entity and associates		1,720,171,684,014	2,345,064,719,114
253	2. Investment in other entities		11,540,486,487	11,540,486,487
255	3. Held-to-maturity investments		3,000,000,000	1,000,000,000
260	VI. Other long-term assets		669,240,104,802	179,997,483,257
261	1. Long-term prepaid expenses	12	227,462,556,733	135,706,339,552
262	2. Deferred tax assets	33.3	21,841,172,345	9,906,409,331
269	3. Goodwill	19	419,936,375,724	34,384,734,374
270	TOTAL ASSETS		7,513,241,799,555	5,570,603,363,655

VND				
Code	RESOURCES	Notes	Ending balance	Beginning balance
300	C. LIABILITIES		2,744,590,302,917	1,423,017,571,102
310	I. Current liabilities		948,724,617,936	858,786,213,245
311	1. Short-term trade payables	20	201,770,995,004	127,174,081,298
312	2. Short-term advances from customers		6,798,238,056	7,050,748,218
313	3. Statutory obligations	21	66,367,479,222	93,411,789,136
314	4. Payables to employees		16,702,534,491	39,052,702,027
315	5. Short-term accrued expenses	22	25,290,614,863	36,588,646,955
318	6. Short-term unearned revenue		2,677,509,778	1,191,501,299
319	7. Other short-term payables	23	162,359,972,989	220,741,416,933

VND

Code	RESOURCES	Notes	Ending balance	Beginning balance
320	8. Short-term loans	24	420,596,804,664	278,622,398,176
322	9. Bonus and welfare fund	25	46,160,468,869	54,952,929,203
330	II. INon-current liabilities		1,795,865,684,981	564,231,357,857
337	1. Other long-term liabilities	23	17,639,907,095	18,695,607,789
338	2. Long-term loans	24	1,778,225,777,886	545,535,750,068
400	D. OWNERS' EQUITY		4,768,651,496,638	4,147,585,792,553
410	I. Capital	26	4,768,651,496,638	4,147,585,792,553
411	1. Share capital		1,582,705,280,000	1,058,715,480,000
411a	- Shares with voting rights		1,582,705,280,000	1,058,715,480,000
412	2. Share premium		557,922,786,123	716,705,756,123
414	3. Other owners' capital		51,909,459,556	47,701,198,595
415	4. Treasury shares		(189,990,900)	(189,990,900)
418	5. Investment and development fund		158,721,919,506	156,721,919,506
421	6. Undistributed earnings		1,534,203,017,252	1,773,271,320,172
421a	- Undistributed earnings at the end of prior year		1,408,064,490,172	1,115,476,908,135
421b	- Profit of current year		126,138,527,080	657,794,412,037
429	7. Non-controlling interests	26.4	883,379,025,101	394,660,109,057
440	TOTAL LIABILITIES AND OWNERS' EQUITY		7,513,241,799,555	5,570,603,363,655

Phan Thi Mai Tram
Preparer

Pham Xuan Quang
Chief Accountant



Bui Tuan Ngoc
Chairman

Ho Chi Minh City, Vietnam

29 March 2024

CONSOLIDATED INCOME STATEMENT

for the year ended 31 December 2023

VND

Code	ITEMS	Notes	Current year	Previous year
01	1. Revenue from sale of goods and rendering of services	27.1	2,403,225,044,262	3,656,259,677,895
02	2. Deductions	27.1	(13,406,743,467)	(8,171,830,186)
10	3. Net revenue from sale of goods and rendering of services		2,389,818,300,795	3,648,087,847,709
11	4. Cost of services rendered	28	(1,979,159,191,392)	(3,098,145,979,664)
20	5. Gross profits from rendering of services		410,659,109,403	549,941,868,045
21	6. Finance income	27.2	72,500,536,531	160,207,863,911
22	7. Finance expenses	29	(91,887,900,636)	(88,695,338,812)
23	<i>In which: Interest expense</i>		(78,147,822,175)	(58,088,693,621)
24	8. Share of profits of associates, joint-venture	18.1	40,382,387,129	353,783,843,815
25	9. Selling expenses	30	(33,607,873,201)	(29,783,011,326)
26	10. General and administrative expenses	30	(187,277,133,658)	(173,874,207,197)
30	11. Operating profit		210,769,125,568	771,581,018,436
31	12. Other income	31	10,718,740,227	11,263,499,641
32	13. Other expenses	31	(7,162,056,606)	(8,614,805,388)
40	14. Other profit	31	3,556,683,621	2,648,694,253
50	15. Accounting profit before tax		214,325,809,189	774,229,712,689
51	16. Current corporate income tax expense	33.1	(63,876,165,778)	(101,821,490,210)
52	17. Deferred tax income	33.3	22,600,816,586	9,906,409,331
60	18. Net profit after tax		173,050,459,997	682,314,631,810
61	19. Net profit after tax attributable to shareholders of the parent		136,960,891,497	660,744,996,699

VND

Code	ITEMS	Notes	Current year	Previous year
62	20. Net profit after tax attributable to non-controlling interests		36,089,568,500	21,569,635,111
70	21. Basic earnings per share	26.5	865	4,175
71	22. Diluted earnings per share	26.5	865	4,175



Phan Thi Mai Tram
Preparer



Pham Xuan Quang
Chief Accountant



Bui Tuan Ngoc
Chairman

Ho Chi Minh City, Vietnam

29 March 2024

CONSOLIDATED CASH FLOW STATEMENT

for the year ended 31 December 2023

VND

Code	ITEMS	Notes	Current year	Previous year
I. CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES				
01	Accounting profit before tax		214,325,809,189	774,229,712,689
<i>Adjustments for:</i>				
02	Depreciation of tangible fixed assets and investment properties and amortisation of intangible fixed assets (including amortisation of goodwill)	13, 14, 15, 16 & 19	144,918,366,315	124,576,484,435
03	(Reversal of provisions) provisions		(1,805,918,631)	4,280,443,508
04	Foreign exchange gains arisen from revaluation of monetary accounts denominated in foreign currency		(2,298,320,918)	(14,562,740,596)
05	Profits from investing activities		(98,702,923,436)	(470,697,735,032)
06	Interest expenses and bond issuance costs	29	81,068,276,720	63,544,647,746
08	Operating profit before changes in working capital		337,505,289,239	481,370,812,750
09	(Increase) decrease in receivables		(15,374,427,079)	466,978,671,642
10	Decrease (increase) in inventories		8,553,968,961	(5,163,628,791)
11	Decrease in payables		(372,776,378,166)	(321,058,014,409)
12	Increase in prepaid expenses		(712,462,318)	(61,255,054,488)
13	Decrease (increase) in held-for-trading securities		2,560,038,561	(129,071,442,283)
14	Interest paid		(76,662,098,292)	(59,888,467,095)
15	Corporate income tax paid	21	(101,268,784,624)	(43,868,792,342)
17	Other cash outflows for operating activities	25	(24,998,056,113)	(37,156,943,324)
20	Net cash flows (used in) from operating activities		(243,172,909,831)	290,887,141,660

VND				
Code	ITEMS	Notes	Current year	Previous year
II. CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES				
21	Purchase and construction of fixed assets		(422,562,450,840)	(266,875,743,792)
22	Proceeds from disposal of fixed assets		12,572,957,228	171,207,497,815
23	Loans to other entities and placements in term deposits		(685,809,659,347)	(820,342,000,000)
24	Collections from term deposits and borrowers		685,164,347,945	627,962,000,000
25	Payments for investment in other entities (net of cash hold by entity being acquired)		(170,681,981,031)	(279,439,981,466)
26	Proceeds from sale of investments in other entities (net of cash hold by entity being disposed)		-	171,462,490,000
27	Interest and dividend received		173,114,201,979	48,615,104,990
30	Net cash flows used in investing activities		(408,202,584,066)	(347,410,632,453)
III. CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES				
31	Capital contribution from non-controlling interests	26.4	26,149,552,100	22,716,400,000
33	Drawdown of borrowings	24	1,105,098,706,015	1,105,558,355,908
34	Repayment of borrowings	24	(571,060,169,816)	(1,563,899,797,383)
35	Repayment of principal of finance lease liabilities	24	(923,351,984)	(7,147,566,236)
36	Dividends paid		(16,407,097,800)	(17,541,362,576)
40	Net cash flows from (used in) financing activities		542,857,638,515	(460,313,970,287)
50	Net decrease in cash and cash equivalents for the year		(108,517,855,382)	(516,837,461,080)
60	Cash and cash equivalents at beginning of the year		556,774,624,464	1,073,681,032,249

VND				
Code	ITEMS	Notes	Current year	Previous year
61	Impact of exchange rate fluctuation		(1,072,879,082)	(68,946,705)
70	Cash and cash equivalents at end of the year	5	447,183,890,000	556,774,624,464

Phan Thi Mai Tram
Preparer

Pham Xuan Quang
Chief Accountant



Bui Tuan Ngoc
Chairman

Ho Chi Minh City, Vietnam

22 March 2024

NOTES TO THE CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS

as at 31 December 2023 and for the year then ended

1. CORPORATE INFORMATION

Transimex Corporation ("the Company") is a shareholding company incorporated under the Law on Enterprise of Vietnam pursuant to Enterprise Registration Certificate ("ERC") No. 0301874259 issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City ("DPI") on 3 December 1999, and as subsequently amended.

The Company's shares are listed on the Ho Chi Minh City Stock Exchange ("HOSE") on 4 August 2000.

The current activities of the Company and its subsidiaries ("the Group") are as to act as a forwarding agent and transport imported and exported goods; to provide bonded warehouse services, CFS warehouses, ICD warehouses; to engage in warehouse business, loading, and unloading, storing of goods for transshipment, including custom procedures; and to act as shipping agent and marine broker for domestic and foreign ships.

The Group's normal course of business cycle is 12 months.

The Company's registered head office is located at No. 172 (Floor 9-10) Hai Ba Trung Street, Da Kao Ward, District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam.

The number of the Group's employees as at 31 December 2023 was 1,435 persons (31 December 2022: 1,295).

Corporate structure

As at 31 December 2023, the Group's corporate structure includes 20 subsidiaries (31 December 2022: 14), in which:

Name of subsidiaries	Location	Business activities	Ownership interest		Voting right	
			Ending balance (%)	Beginning balance (%)	Ending balance (%)	Beginning balance (%)
1. Transimex Logistics Corporation ("TOT")	Ho Chi Minh City	Transporting service	75.48	75.48	75.48	75.48
2. Transimex Property Company Limited ("BDS")	Ho Chi Minh City	Office leasing	100	100	100	100
3. Transimex Distribution Center Company Limited ("DC")	Binh Duong Province	Warehouse leasing	100	100	100	100
4. Transimex Hi Tech Park Logistics Co., Ltd. ("SHTP")	Ho Chi Minh City	Warehouse leasing	99.44	99.39	99.44	99.39

Name of subsidiaries	Location	Business activities	Ownership interest		Voting right	
			Ending balance (%)	Beginning balance (%)	Ending balance (%)	Beginning balance (%)
5. Thang Long Logistics Services Corporation ("TLL")	Hung Yen Province	Logistics service	61.57	67.04	71.43	77.78
6. Vinh Loc Logistics Corporation ("VLL")	Ho Chi Minh City	Logistics service	55.91	59.51	64.50	67.40
7. Vinafreight Joint Stock Company ("VNF")	Ho Chi Minh City	International forwarding	57.05	57.05	57.05	57.05
8. Vector International Aviation Service Co., Ltd	Ho Chi Minh City	Freight service	51.34	51.34	90.00	90.00
9. Viet Way Investment Development Trading Company Limited (Note 4.2)	Ho Chi Minh City	Freight service; air tickets agent	26.18	26.18	94.90	94.90
10. SFS Vietnam Global Logistics Company Limited	Ho Chi Minh City	Forwarding service	57.05	57.05	100	100
11. Vietnam Xue Hang Logistics Company Limited	Ho Chi Minh City	Forwarding service	29.01	29.01	51.00	51.00
12. Long An Investment Single-Member Limited Liability Company ("LAI")	Long An Province	Warehouse leasing	99.44	99.39	99.44	99.39
13. Vinatrans Danang Joint Stock Company ("Vinatrans Da Nang")	Da Nang City	International forwarding	38.40	38.40	50.38	50.38
14. Transimex Hi-Tech Logistics Corporation ("SHTL")	Ho Chi Minh City	Warehouse leasing	99.44	99.39	99.44	99.39
15. Transimex Shipping Corporation ("TSP") (Note 4.1)	Hai Phong City	Logistics service	99.93	-	99.93	-
16. Transimex Port Corporation ("TICD") (Note 4.1)	Ho Chi Minh City	Port logistics	99.99	-	99.96	-
17. Hung Yen Logistics Services Corporation ("HYL") (Notes 4.1 and 4.2)	Hung Yen Province	Logistics service	99.00	-	99.00	-
18. Long An Logistics Corporation ("LAL") (Note 4.1)	Long An Province	Logistics service	99.00	-	99.00	-
19. Transportation and Trading Services Joint Stock Company ("TJC") (Note 4.3)	Hai Phong City	Transportation and Warehousing	54.04	-	54.04	-
20. Mipex Port Joint Stock Company ("MIPEC") (Note 4.4)	Hai Phong City	Port logistics	44.16	-	53.32	-

In addition, as at 31 December 2023, the Group has 6 joint ventures and associates as disclosed in Note 18.1.

2. BASIS OF PREPARATION

2.1 Accounting standards and system

The consolidated financial statements of the Group, expressed in Vietnam dong ("VND"), are prepared in accordance with the Vietnamese Enterprise Accounting System and Vietnamese Accounting Standards issued by the Ministry of Finance as per:

- Decision No. 149/2001/QĐ-BTC dated 31 December 2001 on the Issuance and Promulgation of Four Vietnamese Accounting Standards (Series 1);
- Decision No. 165/2002/QĐ-BTC dated 31 December 2002 on the Issuance and Promulgation of Six Vietnamese Accounting Standards (Series 2);
- Decision No. 234/2003/QĐ-BTC dated 30 December 2003 on the Issuance and Promulgation of Six Vietnamese Accounting Standards (Series 3);
- Decision No. 12/2005/QĐ-BTC dated 15 February 2005 on the Issuance and Promulgation of Six Vietnamese Accounting Standards (Series 4); and
- Decision No. 100/2005/QĐ-BTC dated 28 December 2005 on the Issuance and Promulgation of Four Vietnamese Accounting Standards (Series 5).

Accordingly, the accompanying consolidated financial statements, including their utilisation are not designed for those who are not informed about Vietnam's accounting principles, procedures and practices and furthermore are not intended to present the consolidated financial position and consolidated results of operations and consolidated cash flows in accordance with accounting principles and practices generally accepted in countries other than Vietnam.

2.2 Applied accounting documentation system

The Group's applied accounting documentation system is the General Journal system.

2.3 Fiscal year

The Group's fiscal year applicable for the preparation of its consolidated financial statements starts on 1 January and ends on 31 December.

2.4 Accounting currency

The consolidated financial statements are prepared in VND which is also the Group's accounting currency.

2.5 Basis of consolidation

The consolidated financial statements comprise the financial statements of the Company and its subsidiaries for the year ended 31 December 2023.

Subsidiaries are fully consolidated from the date of acquisition, being the date on which the Group obtains control, and continued to be consolidated until the date that such control ceases.

The financial statements of the subsidiaries are prepared for the same reporting year as the Company, using consistent accounting policies.

All intra-company balances, income and expenses and unrealised gains or losses result from intra-company transactions are eliminated in full.

Non-controlling interests represent the portion of profit or loss and net assets not held by the Group and are presented separately in the consolidated income statement and within equity in the consolidated balance sheet, separately from parent shareholders' equity.

Impact of change in the ownership interest of a subsidiary, without a loss of control, is recorded in undistributed earnings.

3. SUMMARY OF SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES

3.1 Cash and cash equivalents

Cash and cash equivalents comprise cash on hand, cash in banks, cash in transit and short-term highly liquid investments with an original maturity of less than three months that are readily convertible into known amounts of cash and that are subject to an insignificant risk of change in value.

3.2 Inventories

Inventories are measured at their historical costs. The cost of inventories comprises costs of purchase, costs of conversion (including raw materials, direct labor cost, other directly related cost, manufacturing general overheads allocated based on the normal operating capacity) incurred in bringing the inventories to their present location and condition.

In case the net realizable value is lower than the original price, it must be calculated according to the net realizable value.

Net realisable value ("NRV") represents the estimated selling price in the ordinary course of business less the estimated costs to complete and the estimated costs necessary to make the sale. The perpetual method is used to record inventories, which are valued as follows:

Tools and supplies, fuel	- cost of purchase on a weighted average basis
Work-in-process	- external services and labor plus attributable overheads based on the normal operating capacity.

Provision for obsolete inventories

An inventory provision is created for the estimated loss arising due to the impairment of value (through diminution, damage, obsolescence, etc.) of raw materials, finished goods, and other inventories owned by the Group, based on appropriate evidence of impairment available at the consolidated balance sheet date.

Increases or decreases to the provision balance are recorded into the cost of goods sold account in the consolidated income statement. When inventories are expired, obsolescence, damage or become useless, the difference between the provision previously made and the historical cost of inventories are included in the consolidated income statement.

3.3 Receivables

Receivables are presented in the consolidated financial statements at the carrying amounts due from customers and other debtors, after the provision for doubtful debts.

The provision for doubtful debts represents amounts of outstanding receivables at the consolidated balance sheet date which are doubtful of being recovered. Increases or decreases to the provision balance are recorded as general and administrative expenses in the consolidated income statement.

When bad debts are determined as unrecoverable and accountant writes off those bad debts, the differences between the provision for doubtful receivables previously made and historical cost of receivables are included in the consolidated income statement.

3.4 Tangible fixed assets

Tangible fixed assets are stated at cost less accumulated depreciation.

The cost of a tangible fixed asset comprises its purchase price and any directly attributable costs of bringing the fixed asset to working condition for its intended use.

Expenditures for additions, improvements and renewals are added to the carrying amount of the assets and expenditures for maintenance and repairs are charged to the consolidated income statement as incurred.

When tangible fixed assets are sold or retired, any gain or loss resulting from their disposal (the difference between the net disposal proceeds and the carrying amount) is included in the consolidated income statement.

3.5 Leased assets

The determination of whether an arrangement is, or contains a lease is based on the substance of the arrangement at inception date and requires an assessment of whether the fulfilment of the arrangement is dependent on the use of a specific asset and the arrangement conveys a right to use the asset.

A lease is classified as a finance lease whenever the terms of the lease transfer substantially all the risks and rewards of ownership of the asset to the lessee. All other leases are classified as operating leases.

Where the Group is the lessee

Assets held under finance leases are capitalised in the consolidated balance sheet at the inception of the lease at the fair value of the leased assets or, if lower, at the net present value of the minimum lease payments. The principal amount included in future lease payments under finance leases are recorded as a liability. The interest amounts included in lease payments are charged to the consolidated income statement over the lease term to achieve a constant rate on interest on the remaining balance of the finance lease liability.

Capitalised financial leased assets are depreciated using straight-line basis over the shorter of the estimated useful lives of the asset and the lease term, if there is no reasonable certainty that the Group will obtain ownership by the end of the lease term.

Rentals under operating leases are charged to the consolidated income statement on a straight-line basis over the lease term.

Where the Group is the lessor

Assets subject to operating leases are included as the Group's fixed assets in the consolidated balance sheet. Lease income is recognized in the consolidated income statement on a straight-line basis over the lease term.

3.6 Intangible fixed assets

Intangible fixed assets are stated at cost less accumulated amortisation.

The cost of an intangible fixed asset comprises its purchase price and any directly attributable costs of preparing the intangible asset for its intended use.

Expenditures for additions, improvements are added to the carrying amount of the assets and other expenditures are charged to the consolidated income statement as incurred.

When intangible fixed assets are sold or retired, any gain or loss resulting from their disposal (the difference between the net disposal proceeds and the carrying amount) is included in the consolidated income statement.

Land use rights

Land use rights are recorded as intangible fixed assets representing the value of the right to use the land acquired by the Group.

3.7 Depreciation and amortisation

Depreciation of tangible fixed assets and amortisation of intangible fixed assets are calculated on a straight-line basis over the estimated useful life of each asset as follows:

Buildings and structures	5 – 50 years
Machinery and equipment	3 – 20 years
Means of transportation	3 – 15 years
Office equipment	3 – 15 years
Computer software	3 – 7 years

Land use rights with indefinite useful life are not amortised.

3.8 Investment property

Investment property is stated at cost including transaction costs less accumulated depreciation. Investment property held for capital appreciation is not depreciated but subject to impairment review.

Subsequent expenditure relating to an investment property that has already been recognised is added to the net book value of the investment property when it is probable that future economic benefits, in excess of the originally assessed standard of performance of the existing investment property, will flow to the Group.

Depreciation and amortization of investment properties are calculated on a straight-line basis over the estimated useful life of each asset as follows:

Building and structures	20 – 30 years
-------------------------	---------------

Investment properties are derecognized when either they have been disposed of or when the investment properties are permanently withdrawn from use and no future economic benefit is expected from its disposal. The difference between the net disposal proceeds and the carrying amount of the assets is recognised in the consolidated income statement in the period of retirement or disposal.

Transfers are made to investment properties when, and only when, there is a change in use, evidenced by ending of owner-occupation, commencement of an operating lease to another party or ending of construction or development. Transfers are made from investment properties when, and only when, there is change in use, evidenced by commencement of owner-occupation or commencement of development with a view to sale. The transfer from investment property to owner-occupied property or inventories does not change the cost or the carrying value of the property for subsequent accounting at the date of change in use.

3.9 Borrowing costs

Borrowing costs consist of interest and other costs that the Group incurs in connection with the borrowing of funds.

Borrowing costs are recorded as expense during the year in which they are incurred, except to the extent that they are capitalised as explained in the following paragraph.

Borrowing costs that are directly attributable to the acquisition, construction or production of an asset that necessarily take a substantial period of time to get ready for its intended use or sale are capitalised as part of the cost of the respective asset.

3.10 Prepaid expenses

Prepaid expenses are reported as short-term or long-term prepaid expenses in the consolidated balance sheet and amortised over the period for which the amounts are paid or the period in which economic benefits are generated in relation to these expenses. Typical expenses are as follows:

- Tools and consumables with large value issued into construction and can be used for more than one year;
- Prepaid land rental;
- Prepaid insurance premium; and
- Land clearance,

Prepaid land rental

The prepaid land rental represents the unamortised balance of advance payment made in accordance with the lease contract. According to Circular No.45/2013/TT-BTC issued by Ministry of Finance dated on 25 April 2013 guiding the management, use and depreciation of fixed assets ("Circular 45"), such prepaid rental is recognized as a long-term prepaid expense for allocation to the consolidated income statement over the remaining lease period.

3.11 Business combinations and goodwill

Business combinations are accounted for using the purchase method. The cost of a business combination is measured as the fair value of assets given, equity instruments issued and liabilities incurred or assumed at the date of exchange plus any costs directly attributable to the business combination. Identifiable assets and liabilities and contingent liabilities assumed in a business combination are measured initially at fair values at the date of business combination.

Goodwill acquired in a business combination is initially measured at cost being the excess of the cost the business combination over the Group's interest in the net fair value of the acquiree's identifiable assets, liabilities and contingent liabilities. If the cost of a business combination is less than the fair value of the net assets of the subsidiary acquired, the difference is recognized directly in the consolidated income statement. After initial recognition, goodwill is measured at cost less any accumulated amortisation.

Goodwill is amortised over a 10-year period on a straight-line basis. The parent company conducts the periodical review for impairment of goodwill of investment in subsidiaries. If there are indicators of impairment loss incurred is higher than the yearly allocated amount of goodwill on the straight-line basis, the higher amount will be recorded in the consolidated income statement.

3.12 Investments

Investment in associates

The Group's investment in associates is accounted for using the equity method of accounting. An associate is an entity in which the Group has significant influence that is neither subsidiary nor joint venture. The Group generally deems they have significant influence if they have over 20% of the voting rights.

Under the equity method, the investment is carried in the consolidated balance sheet at cost plus post acquisition changes in the Group's share of net assets in the associates. Goodwill arising on acquisition of the associate is included in the carrying amount of the investment. Goodwill is not amortised and subject to annual review for impairment.

The share of post-acquisition profit (loss) in the associates is presented the face of the consolidated income statement and its share of post-acquisition movements in reserves is recognised in reserves. The cumulative post-acquisition movements are adjusted against the carrying amount of the investment. Dividend receivable from associates reduces the carrying amount of the investment. The financial statements of the associates are prepared for the same reporting period and accounting policies as the Group. Where necessary, adjustments are made to bring the accounting policies in line with those of the Group.

Investment in joint ventures

The Group's investment in a jointly controlled entity is accounted for using the equity method of accounting. Under the equity method, the investment is carried in the consolidated balance sheet at cost plus post joint venture changes in the Group's share of net assets of the jointly controlled entity.

The share of profit (loss) in the post-acquisition results of operation of the jointly controlled entity is presented on face of the consolidated income statement and its share of post-acquisition movements in reserves is recognised in reserves. The cumulative post-acquisition movements are adjusted against the carrying amount of the investment. Dividend and profit sharing receivable from jointly controlled entities reduces the carrying amount of the investment.

The financial statements of the jointly controlled entities are prepared for the same reporting period and use the same accounting policies as the Group. Where necessary, adjustments are made to bring the accounting policies in line with those of the Group.

Held-for-trading securities and investment in other entities.

Held-for-trading securities and investment in other entities is stated at their acquisition costs.

Held-to-maturity investment

Held-to-maturity investment is stated at acquisition cost. After initial recognition, held-to-maturity investment is measured at recoverable amount. Any impairment loss incurred is recognised as expense in the consolidated financial statements and deducted against the value of such investment.

Provision for diminution in value of investments

Provision of the investment is made when there are reliable evidences of the diminution in value of those investments at the balance sheet date.

Increases or decreases to the provision balance are recorded as finance expenses in the consolidated income statement.

3.13 Payables and accruals

Payables and accruals are recognised for amounts to be paid in the future for goods and services received, whether or not billed to the Group.

3.14 Foreign currency transactions

Transactions in currencies other than the Group's reporting currency of VND are recorded at the actual exchange rates at transaction dates which are determined as follows:

- Transactions resulting in receivables are recorded at the buying exchange rate of the commercial bank designated for collection;
- Transactions resulting in liabilities are recorded at the selling exchange rate of the commercial bank designated for payment; and
- Payments for assets or expenses without liabilities initially being recognized are recorded at the buying exchange rate of the commercial bank that processed these payments.

At the end of the year, monetary balances denominated in foreign currencies are translated at the actual exchange rates at the consolidated balance sheet date which are determined as follows:

- Monetary assets are translated at buying exchange rate of the commercial bank where the Group conducts transactions regularly; and
- Monetary liabilities are translated at selling exchange rate of the commercial bank where the Group conducts transactions regularly.

All foreign exchange differences incurred are taken to the consolidated income statement.

3.15 Treasury shares

Own equity instruments which are reacquired (treasury shares) are recognized at cost and deducted from equity. No gain or loss is continued in profit or loss upon purchase, sale, issue or cancellation of the Group's own equity instruments.

3.16 Appropriation of net profit

Net profit after tax (excluding negative goodwill arising from a bargain purchase) is available for appropriation to shareholders after approval in the annual general meeting, and after making appropriation to reserve funds in accordance with the Company's Charter and Vietnam's regulatory requirements.

The Group maintains the following reserve funds which are appropriated from the Group's net profit as proposed by the Board of Directors and subject to approval by shareholders at the annual general meeting:

- *Investment and development fund*
This fund is set aside for use in the Group's expansion of its operation or of in-depth investments.

- *Bonus and welfare fund*
This fund is set aside for the purpose of pecuniary rewarding and encouragement, common benefits and improvement of the employees' benefits, and presented as a liability in the consolidated balance sheet.

3.17 Earnings per share

Basic earnings per share is calculated by dividing net profit after tax attributable to ordinary shareholders of the Company (after adjusting for the bonus and welfare fund) by the weighted average number of ordinary shares outstanding during the year.

Diluted earnings per share amounts are calculated by dividing the net profit after tax attributable to ordinary equity holders of the Group (after adjusting for interest on the convertible preference shares) by the weighted average number of ordinary shares outstanding during the year plus the weighted average number of ordinary shares that would be issued on conversion of all the dilutive potential ordinary shares into ordinary shares.

3.18 Revenue recognition

Revenue is continued to the extent that it is probable that the economic benefits will flow to the Group and the revenue can be reliably measured. Revenue is measured at the fair value of the consideration received or receivable, excluding trade discount, rebate and sales return. The following specific recognition criteria must also be met before revenue is continued:

Sale of goods

Revenue is recognised when the significant risks and rewards of ownership of the goods have passed to the buyer, usually upon the delivery of the goods.

Rendering of services

Revenue is recognized when the services had been performed and completed.

Interest

Revenue is recognised as the interest accrues (taking into account the effective yield on the asset) unless collectability is in doubt.

Rental income

Rental income arising from operating leases is accounted for on a straight-line basis over the lease term.

Dividend

Income is recognised when the Group's entitlement as an investor to receive the dividend is established.

3.19 Taxation

Current income tax

Current income tax assets and liabilities for the current and prior year are measured at the amount expected to be recovered from or paid to the taxation authorities. The tax rates and tax laws used to compute the amount are those that are enacted as at the balance sheet date.

Current income tax is charged or credited to the consolidated income statement, except when it relates to items continued directly to equity, in which case the current income tax is also dealt with in equity.

Current income tax assets and liabilities are offset when there is a legally enforceable right for the Group to offset current tax assets against current tax liabilities and when the Group intends to settle its current tax assets and liabilities on a net basis.

Deferred tax

Deferred tax is provided using the liability method on temporary differences at the balance sheet date between the tax base of assets and liabilities and their carrying amount for financial reporting purposes.

Deferred tax liabilities are continued for all taxable temporary differences.

Deferred tax assets are continued for all deductible temporary differences, carried forward unused tax credit and unused tax losses, to the extent that it is probable that taxable profit will be available against which deductible temporary differences, carried forward unused tax credit and unused tax losses can be continue.

The carrying amount of deferred tax assets is reviewed at each balance sheet date and reduced to the extent that it is no longer probable that sufficient taxable profit will be available to allow all or part of the deferred tax asset to be continue. Previously continued and deferred tax assets are re-assessed at each balance sheet date and are continued to the extent that it has become probable that future taxable profit will allow the deferred tax assets to be recovered.

Deferred tax assets and liabilities are measured at the tax rates that are expected to apply in the period when the asset is continue or the liability is settled based on tax rates and tax laws that have been enacted at the balance sheet date.

Deferred tax is charged or credited to the consolidated income statement, except when it relates to items continued directly to equity, in which case the deferred tax is also dealt with in the equity account.

Deferred tax assets and liabilities are offset when there is a legally enforceable right for the Group to offset current tax assets against current tax liabilities and when they relate to income taxes levied by the same taxation authority on the same taxable entity or when the Group intends either to settle current tax liabilities and assets on a net basis or to realise the assets and settle the liabilities simultaneously, in each future period in which significant amounts of deferred tax liabilities or assets are expected to be settled or recovered.

3.20 Related parties

Parties are considered to be related parties of the Group if one party has the ability to, directly or indirectly, control the other party or exercise significant influence over the other party in making financial and operating decisions, or when the Group and other party are under common control or under common significant influence. Related parties can be enterprises or individuals, including close members of their families.

3.21 Segment information

A segment is a component determined separately by the Group which is engaged in providing products or related services (business segment) or providing products or services in a particular economic environment (geographical segment), that is subject to risks and returns that are different from those of other segments.

The Group's current principal activities are to provide international and domestic freight services, forwarding and transporting goods, warehouse, and office leasing. However, the financial position of office leasing and results of its operation were immaterial to the consolidated financial position of the Group and the consolidated results of its operations. As a result, management is of the view that there is only one segment for business logistic and transportation therefore presentation of segmental information is not required.

4. SIGNIFICANT EVENTS

4.1 Establishment of subsidiaries

In 2023, the Group and the founding shareholders of its subsidiaries have contributed capital to establish new subsidiaries, including Transimex Shipping Corporation ("TSP"), Transimex Port Corporation ("TICD"), Long An Logistics Corporation ("LAL"), ICD Hung Yen Corporation ("IHY") and Hung Yen Logistics Services Corporation ("HYL").

4.2 Dissolution of subsidiaries

In 2023, the Group has been in the process of completing procedures to dissolve a number of subsidiaries, including IHY, HYL and Viet Way Investment Development Trading Company Limited ("Vietway").

4.3 Acquisition of shares of Transportation and Trading Services Joint Stock Company ("TJC")

On 3 November 2023, the Group acquired 389,580 shares of TJC, equivalent to 4.53% equity interest in TJC. Accordingly, the Group's voting in TJC increased from 49.51% to 54.05% and TJC became a subsidiary of the Group since that date.

As at 31 December 2023, the Group is still in process to determine the fair values of the identifiable assets, liabilities, and contingent liabilities of TJC at the acquisition date. Accordingly, the Group applied provisional fair values for consolidation purpose of this subsidiary. The provisional fair values of identifiable assets and liabilities of TJC at the acquisition date were as follows:

	VND
	Provisional fair value recognized on acquisition
Assets	206,810,291,141
Cash	10,533,339,796
Held-to-maturity investments	60,600,000,000
Trade receivables	11,085,778,020
Inventories	5,982,694,581
Other current assets	10,818,799,614
Fixed assets	79,358,637,175
Long term construction in progress	27,732,583,089
Other long-term assets	698,458,866
Liabilities	24,518,986,841
Trade payables	7,509,926,021
Other payables	5,844,931,450
Deferred tax liabilities	11,164,129,370
Total identifiable net assets at fair value	182,291,304,300
Non-controlling interests	83,781,083,456
Gains from a bargain purchase (Note 31)	(5,085,546,509)
Purchase consideration transferred	93,424,674,335
<i>In which:</i>	
<i>Fair value before the date of taking control is re-evaluated at the acquisition date (*)</i>	85,589,418,000
<i>Additional consideration to take control</i>	7,835,256,335

(*) The difference between the fair value of the investment in TJC before the date of taking control at the acquisition date and the carrying amount at the pre-acquisition date has been recognized as finance income in the consolidated income statement (Note 27.2).

4.4 Acquisition of shares of Mipec Port Joint Stock Company ("MIPEC")

On 26 December 2023, the Group acquired 5,965,200 shares of MIPEC, equivalent to 5.33% equity interest in MIPEC. Accordingly, the Group's voting in MIPEC increased from 47.99% to 53.32% and MIPEC became a subsidiary of the Group since that date.

As at 31 December 2023, the Group is still in process to determine the fair values of the identifiable assets, liabilities, and contingent liabilities of MIPEC at the acquisition date. Accordingly, the Group applied provisional fair values for consolidation purpose of this subsidiary. The provisional fair values of identifiable assets and liabilities of MIPEC at the acquisition date were as follows:

	VND
	Provisional fair value recognized on acquisition
Assets	1,504,813,619,112
Cash	28,955,316,696
Trade receivables	22,302,134,624
Other current assets	22,920,560,062
Fixed assets	1,321,174,526,142
Long term construction in progress	18,835,486,395
Other long-term assets	90,625,595,193
Liabilities	854,773,141,463
Loans	841,999,995,546
Trade and other payables	9,495,634,051
Other payables	3,277,511,866
Total identifiable net assets at fair value	650,040,477,649
Non-controlling interests	362,982,602,719
Goodwill arising on acquisition	391,854,222,734
Purchase consideration transferred	678,912,097,664
<i>In which:</i>	
<i>Fair value before the date of taking control is re-evaluated at the acquisition date</i>	573,924,577,664
<i>Additional consideration to take control</i>	104,987,520,000

5. CASH AND CASH EQUIVALENTS

	VND	
	Ending balance	Beginning balance
Cash on hand	5,313,714,630	5,344,243,263
Cash in banks	363,831,417,151	368,745,381,201
Cash equivalents (*)	78,007,808,219	179,500,000,000
Cash in transit	30,950,000	3,185,000,000
TOTAL	447,183,890,000	556,774,624,464

(*) Cash equivalents represent bank term deposits at commercial banks with original maturity of less than three (3) months and earn interest at the applicable interest rate.

6. SHORT-TERM INVESTMENTS

6.1 Held-for-trading securities

VND

	Ending balance			Beginning balance		
	Cost of investment	Fair value	Provision	Cost of investment	Fair value	Provision
Dong Nai Port Joint Stock Company ("PDN") (*)	146,278,219,460	222,928,520,000	-	136,705,160,694	153,515,778,000	-
Da Nang Port Joint Stock Corporation ("CDN")	25,645,696,398	24,536,775,715	(1,108,920,683)	19,270,679,211	18,904,690,000	(365,989,211)
Vinafco Joint Stock Corporation ("VFC")	19,239,954,702	36,949,380,000	-	9,403,585,990	13,157,760,000	-
Noi Bai Cargo Terminal Services Joint Stock Company ("NCT")	17,412,493,687	17,762,598,000	-	40,256,385,685	40,579,908,000	-
Searefico Corporation ("SFR")	3,964,752,644	3,558,215,388	(406,537,256)	1,670,673,261	1,677,520,000	-
Vinalink Logistics Corporation ("VNL")	247,699,994	315,000,000	-	247,699,994	312,000,000	-
Hiep Phuoc Industrial Park Joint Stock Company ("HPI")	43,064,500	32,400,000	(10,664,500)	43,064,500	46,600,000	-
Long Hau Joint Stock Company ("LHG")	-	-	-	5,403,189,731	6,868,295,000	-
Investment and Trading of Real Estate Joint Stock Company ("ITC")	-	-	-	2,325,451,130	1,715,530,280	(609,920,850)
Song Ba Corporation ("SBA")	-	-	-	66,029,750	66,029,750	-
TOTAL	212,831,881,385	306,082,889,103	(1,526,122,439)	215,391,919,946	236,844,111,030	(975,910,061)

(*) The Group pledged number of PDN shares as collaterals to the bank to secure the bonds (Note 24).

6.2 Held-to-maturity investments

	VND	
	Ending balance	Beginning balance
Bank deposits (*)	325,577,311,402	311,532,000,000
Bond (Note 34)	-	25,200,200,000
TOTAL	325,577,311,402	336,732,200,000

(*) The ending balance represented bank deposits in commercial banks maturing from three (3) months to twelve (12) months and earned interest at the applicable interest rate.

7. SHORT-TERM TRADE RECEIVABLES

	VND	
	Ending balance	Beginning balance
Due from other parties	372,449,301,087	275,115,620,946
- IMA International Shipping S.A.	57,117,134,404	-
- North Kinh Do One Member Company Limited	17,632,643,430	10,935,292,981
- Shibushawa Logistics Co., Ltd.	16,750,647,380	21,502,530,318
- Maersk Line A/S	15,424,350,451	12,611,298,067
- Henkel Adhesive Technologies Vietnam Co., Ltd.	14,218,367,901	18,651,324,009
- Other customers	251,306,157,521	211,415,175,571
- Due from related parties (Note 34)	3,443,976,817	2,879,747,709
TOTAL	375,893,277,904	277,995,368,655
Provision for short-term trade receivables	(7,951,956,167)	(7,764,946,794)
NET	367,941,321,737	270,230,421,861

Details of movements of provision for doubtful short-term trade receivables are as follows:

	VND	
	Ending balance	Beginning balance
Beginning balance	8,782,255,439	4,460,413,347
Provision created during the year	1,255,521,418	3,507,036,736
Reversal of provision during the year	(2,085,820,690)	(202,503,289)
Ending balance	7,951,956,167	7,764,946,794

8. SHORT-TERM ADVANCES TO SUPPLIERS

	VND	
	Ending balance	Beginning balance
Searefico Corporation	11,956,511,939	42,000,000,000
Viettravel Airlines Joint Stock Company	9,685,372,637	19,897,868,642
Other suppliers	19,929,756,926	29,723,840,075
TOTAL	41,571,641,502	91,621,708,717
Provision for short-term advance to suppliers	(474,168,263)	-
NET	41,097,473,239	91,621,708,717

Details of movements of provision for doubtful short-term advances to suppliers are as follows:

	VND	
	Current year	Previous year
Beginning balance	-	-
Provision created during the year	474,168,263	-
Ending balance	474,168,263	-

9. SHORT-TERM LOAN RECEIVABLES

The ending balance represented the unsecured loan to AP Supply Chain Joint Stock Company, a related party, with maturity date from 30 June 2024 to 19 December 2024 and earns the interest at 6.5% - 7% p.a. (Note 34).

10. OTHER RECEIVABLES

	VND	
	Ending balance	Beginning balance
Short-term	214,064,897,013	210,083,011,832
Advances to employees	96,133,206,075	77,498,174,067
Deposits (*)	62,257,617,594	55,047,396,689
Commission	24,672,154,128	20,660,393,620
Payments on behalf	19,160,067,264	30,403,225,889
Interest income	5,873,476,955	7,348,897,766
Others	5,968,374,997	19,124,923,801
Long-term	21,804,878,209	25,488,810,290
Deposits	21,802,139,809	14,384,571,890
Others	2,738,400	11,104,238,400
TOTAL	235,869,775,222	235,571,822,122

	VND	
	Ending balance	Beginning balance
Provision for short-term other receivables	(3,690,109,338)	-
NET	232,179,665,884	235,571,822,122
In which		
<i>Due from related parties (Note 34)</i>	69,153,914,057	49,849,300,323
<i>Due from third parties</i>	166,715,861,165	185,722,521,799

Details of movements of provision for doubtful short-term other receivables are as follows:

	VND	
	Current year	Previous year
Beginning balance	-	-
Provision created during the year	3,690,109,338	-
Ending balance	3,690,109,338	-

(*) The ending balance represented bank deposits as payment guarantees as required by the airlines for international freights and was used as collaterals of the Group's short-term loans from a commercial bank (Note 24).

11. INVENTORIES

	VND	
	Ending balance	Beginning balance
Work in process	7,818,153,990	10,466,520,826
Raw materials	3,738,000,184	4,260,009,424
Tools and supplies	1,455,830,240	667,974,844
TOTAL	13,011,984,414	15,394,505,094

12. PREPAID EXPENSES

	VND	
	Ending balance	Beginning balance
Short-term	18,656,073,032	12,498,158,445
Repair expenses	6,406,701,104	4,307,035,862
Tools and supplies	5,757,947,463	3,296,719,217
Insurance premium	2,066,309,002	1,577,246,055
Others	4,425,115,463	3,317,157,311
Long-term	227,462,556,733	135,706,339,552
Land rental (*)	187,347,281,738	101,672,399,413
Tools and supplies	16,872,787,044	3,783,541,865
Repair expenses	11,128,910,569	13,406,619,719
Land compensation and clearance	7,862,349,880	8,037,392,920
Others	4,251,227,502	8,806,385,635
TOTAL	246,118,629,765	148,204,497,997

(*) The ending balance represents the remaining unamortised prepaid land rental fees, comprising:

- Land lease contract No. 07/HDQSDD-VL2-2022 with Vinh Loc Industrial Park Construction and Investment Joint Stock Company as at the date of 30 June 2022 to lease two land lots E2 and E3 in Zone E, Vinh Loc Industrial Park 2, National Highway 1, Voi La Hamlet, Long Hiep Commune, Ben Luc District, Long An Province with an area of 29,113 m² in for 39 years; and
- The prepaid rental fees for the right to use for the land of 221,761.9 m², under the project of investment in construction and operation of the port receiving ships from 30,000 DWT to 40,000 DWT with reduced load.

The Group has pledged its right of use to secure its bank loan (Note 24).

13. TANGIBLE FIXED ASSETS

	VND					
	Buildings and structures	Machinery and equipment	Means of transportation	Office equipment	Other fixed assets	Total
Cost:						
Beginning balance	838,927,963,385	110,377,213,143	662,767,191,873	8,143,892,812	106,753,967,627	1,726,970,228,840
Acquisition of subsidiaries	1,013,393,807,930	505,302,578,943	80,937,254,174	9,990,169,418	-	1,609,623,810,465
New purchases	8,082,013,484	3,426,490,061	307,928,771,588	914,830,400	920,652,767	321,272,758,300
Transferred from construction in progress	209,388,984,546	7,033,406,436	38,683,603,055	-	-	255,105,994,037
Transferred from financial lease	-	-	8,557,812,978	-	-	8,557,812,978
Reclassification	(1,710,425,811)	-	-	-	1,531,198,933	(179,226,878)
Disposals	(106,164,998)	(5,595,484,419)	(105,097,892,950)	(499,923,409)	-	(111,299,465,776)
Others	3,223,124,525	-	-	-	-	3,223,124,525
Ending balance	2,071,199,303,061	620,544,204,164	993,776,740,718	18,548,969,221	109,205,819,327	3,813,275,036,491
<i>In which:</i>						
Fully depreciated	41,308,200,930	698,577,875	36,162,961,968	3,381,220,390	23,599,056,536	105,150,017,699
Accumulated depreciation:						
Beginning balance	(222,397,453,399)	(24,724,649,447)	(328,220,942,935)	(7,936,809,763)	(51,175,163,124)	(634,455,018,668)
Acquisition of subsidiaries	(106,592,176,787)	(102,739,309,241)	(57,746,416,473)	(6,627,734,751)	-	(273,705,637,252)
Depreciation for the year	(33,983,479,588)	(9,731,279,959)	(81,907,630,500)	(602,422,958)	(7,951,087,960)	(134,175,900,965)
Transferred from financial lease	-	-	(2,709,974,105)	-	-	(2,709,974,105)
Reclassification	1,475,739,769	-	-	-	6,880,391,872	8,356,131,641
Disposals	106,164,998	2,537,810,558	66,143,938,751	499,923,409	-	69,287,837,716
Others	(3,223,124,525)	-	-	-	-	(3,223,124,525)
Ending balance	(364,614,329,532)	(134,657,428,089)	(404,441,025,262)	(14,667,044,063)	(52,245,859,212)	(970,625,686,158)
Net carrying amount:						
Beginning balance	616,530,509,986	85,652,563,696	334,546,248,938	207,083,049	55,578,804,503	1,092,515,210,172
Ending balance	1,706,584,973,529	485,886,776,075	589,335,715,456	3,881,925,158	56,959,960,115	2,842,649,350,333

As disclosed in Note 24, certain tangible fixed assets have been mortgaged to secure the Group's bank loans.

14. INTANGIBLE ASSETS

	VND			
	Land use rights	Computer software	Website	Total
Cost:				
Beginning balance	15,524,615,014	11,187,951,589	32,500,000	26,745,066,603
Acquisition of subsidiaries	7,255,296,000	3,502,915,000	-	10,758,211,000
New purchases	-	588,000,000	-	588,000,000
Transferred from construction in progress	-	629,000,000	-	629,000,000
Disposal	-	(511,200,000)	-	(511,200,000)
Others	-	37,125,000	-	37,125,000
Ending balance	22,779,911,014	15,433,791,589	32,500,000	38,246,202,603
<i>In which:</i>				
Fully amortised	-	4,283,534,679	32,500,000	4,316,034,679
Accumulated amortisation:				
Beginning balance	-	(8,876,621,947)	(32,500,000)	(8,909,121,947)
Acquisition of subsidiaries	-	(1,331,437,748)	-	(1,331,437,748)
Amortisation for the year	-	(1,107,552,590)	-	(1,107,552,590)
Disposal	-	511,214,622	-	511,214,622
Others	-	(1,125,000)	-	(1,125,000)
Ending balance	-	(10,805,522,663)	(32,500,000)	(10,838,022,663)
Net carrying amount:				
Beginning balance	15,524,615,014	2,311,329,642	-	17,835,944,656
Ending balance	22,779,911,014	4,628,268,926	-	27,408,179,940

As disclosed in Note 24, the Group had pledged certain land use rights to secure its bank loans.

15. FINANCE LEASES

	VND
	Forklift trucks
Cost:	
Beginning balance	8,557,812,978
Transferred to tangible fixed assets	(8,557,812,978)
Ending balance	-

Accumulated depreciation:

Beginning balance	(2,353,398,565)
Depreciation for the year	(356,575,540)
Transferred to tangible fixed assets	2,709,974,105
Ending balance	-

Net carrying amount:

Beginning balance	6,204,414,413
Ending balance	-

16. INVESTMENT PROPERTY

	VND
	Buildings and structures
Cost:	
Beginning balance	88,395,738,648
Transferred from fixed assets	1,710,425,811
Ending balance	90,106,164,459
Accumulated depreciation:	
Beginning balance	(44,785,851,218)
Depreciation for the year	(2,975,755,836)
Transferred from fixed assets	(1,475,739,769)
Ending balance	(49,237,346,823)
Net carrying amount:	
Beginning balance	43,609,887,430
Ending balance	40,868,817,636

The Group's investment properties included:

- Transimex Building located at 172 Hai Ba Trung Street, Da Kao Ward, District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam;
- Part of a building located at 184 Tran Phu, Phuoc Ninh Ward, Hai Chau District, Da Nang City, Viet Nam;
- A house located at 49 Phan Dang Luu, Hoa Cuong Bac Ward, Hai Chau District, Da Nang City, Viet Nam and;
- Part of a building located at 109-111 Le Duc Tho, Hai Cang Ward, Quy Nhon City, Viet Nam.

The rental income and operating expenses information relating to the investment property is presented at Note 27.1 and Note 28.

The fair value of the investment property was not formally assessed and determined as at 31 December 2023. However, based on the current occupancy rate and the market value of the property, management believes that its fair value is higher than the carrying value at the balance sheet date.

17. CONSTRUCTION IN PROGRESS

	VND	
	Ending balance	Beginning balance
Cool stores	273,226,438,731	75,680,646,811
Investment project at VLL	32,324,847,400	25,560,561,326
Office Building	30,122,311,313	-
Means of transportation	21,008,834,545	-
Others	2,955,644,462	1,754,877,103
TOTAL	359,638,076,451	102,996,085,240

18. LONG-TERM INVESTMENTS

	VND	
	Ending balance	Beginning balance
Investments in associates and joint-venture (Note 18.1)	1,720,171,684,014	2,345,064,719,114
Investment in other entities (Note 18.2)	11,540,486,487	11,540,486,487
Held-to-maturity investments (Note 18.3)	3,000,000,000	1,000,000,000
TOTAL	1,734,712,170,501	2,357,605,205,601

18.1 Investments in a joint venture and associates

Name	Relationship	Business activities	Status	Ending balance		Beginning balance	
				Investment value VND	% interest %	Investment value VND	% interest %
Nippon Express (Vietnam) Co., Ltd ("Nippon")	Joint venture	Logistics services	Operating	775,344,091,666	50.00	841,873,722,908	50.00
Cho Lon Investment and Import Export Corporation ("CLX")	Associate	Trading and services	Operating	510,654,564,729	30.11	465,636,188,291	30.11
The Van Cargoes and Foreign Trade Logistics Joint Stock Company ("VNT")	Associate	Freight services	Operating	217,807,174,885	35.96	162,574,867,039	33.87
Hai An Container Transport Company Limited ("HATC")	Associate	Onshore and offshore transporting services	Operating	160,719,119,371	20.00	169,004,660,875	20.00
Special Aquatic Products Joint Stock Company ("SPV")	Associate	Manufacturing and trading	Operating	51,862,012,517	20.04	48,254,099,570	20.00
Vinh Loc Industrial Parks Power Joint Stock Company	Associate	Manufacturing and trading	Operating	3,784,720,846	20.00	3,530,092,755	20.00
Mipec Port Joint Stock Company ("MIPEC")	Associate	Warehousing and storage of goods	Operating	-	-	570,866,799,923	38.34
Transportation and Trading Services Joint Stock Company ("TJC")	Associate	Trading and services	Operating	-	-	83,324,287,753	49.51
TOTAL				1,720,171,684,014		2,345,064,719,114	

(*) The Group pledged certain CLX and VNT shares as collaterals to the bank to secure its bonds issued and related party loan (Note 24)

Movements of the investment in a joint venture and associates are as follows:

	VND
Cost of investment:	
Beginning balance	1,245,298,292,764
Additions	122,548,061,188
Acquisition of subsidiaries	(793,585,649,977)
Others	6,042,688,514
Ending balance	580,303,392,489
Accumulated share in post-acquisition profit of the joint venture and associates:	
Beginning balance	1,099,766,426,350
Share in the profit for the year	40,382,387,129
Dividends	(137,931,956,000)
Acquisition of subsidiaries	143,694,122,560
Others	(6,042,688,514)
Ending balance	1,139,868,291,525
Net carrying amount:	
Beginning balance	2,345,064,719,114
Ending balance	1,720,171,684,014

18.2 Investment in other entities

	VND	
Investee	Ending balance	Beginning balance
Konoike Vinatrans Logistics Company Limited	4,917,335,327	4,917,335,327
Kintetsu World Express Vietnam Company Limited	4,246,950,000	4,246,950,000
Logistics Vinalink Joint Stock Company	1,650,000,000	1,650,000,000
Vina Vinatrans Trucking Company Limited	726,150,000	726,150,000
Hai An Transport and Stevedoring Joint Stock Company	51,160	51,160
TOTAL	11,540,486,487	11,540,486,487

18.3 Held-to-maturity investments

	VND	
	Ending balance	Beginning balance
Bank deposits (*)	2,000,000,000	-
Bond (**)	1,000,000,000	1,000,000,000
TOTAL	3,000,000,000	1,000,000,000

(*) The ending balance represented term deposits at commercial bank with maturity over twelve (12) months and earn interest rates ranging from 4.1% to 8.5% per annum.

(**) The ending balance represented the value of 10,000 non-convertible bonds issued by Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam - Ho Chi Minh City Branch at the nominal price VND 100,000/bond and earning interest at reference interest rate plus 0.7% per annum. These bonds will mature on 25 November 2025.

19. GOODWILL

	VND
Cost:	
Beginning balance	51,870,626,212
Acquisition of subsidiaries (Note 4.4)	391,854,222,734
Ending balance	443,724,848,946
Accumulated amortisation:	
Beginning balance	(17,485,891,838)
Amortisation for the year	(6,302,581,384)
Ending balance	(23,788,473,222)
Net carrying amount:	
Beginning balance	34,384,734,374
Ending balance	419,936,375,724

20. SHORT-TERM TRADE PAYABLES

	VND	
	Ending balance	Beginning balance
Due to other parties	197,111,244,630	125,642,374,679
- World Alliance GSA Pte Ltd	31,451,066,453	-
- Ethiopian Airlines	28,093,413,248	-
- Saigon Newport One Member Limited Liability Corporation	11,563,497,961	11,451,724,051
- An Tam Construction and Trading Co., Ltd	-	14,694,226,350
- Other parties	126,003,266,968	99,496,424,278
Due to related parties (Note 34)	4,659,750,374	1,531,706,619
TOTAL	201,770,995,004	127,174,081,298

21. STATUTORY OBLIGATIONS

VND

	Beginning balance	Increase in year	Decrease in year	Acquisition of subsidiaries	Ending balance
Payables					
Corporate income tax	79,824,761,991	63,876,165,778	(96,995,219,413)	-	46,705,708,356
Property tax, land rental	7,045,896,061	19,712,333,842	(17,363,701,822)	-	9,394,528,081
Withholding tax	368,625,217	46,424,046,300	(42,404,492,496)	-	4,388,179,021
Value-added tax	3,298,389,893	190,905,555,186	(190,790,699,599)	-	3,413,245,480
Personal income tax	2,871,115,974	19,041,337,189	(19,509,292,608)	62,657,729	2,465,818,284
Others	3,000,000	1,407,485,884	(1,410,485,884)	-	-
TOTAL	93,411,789,136	341,366,924,179	(368,473,891,822)	62,657,729	66,367,479,222
Receivables					
Value-added tax	35,447,369,600	151,613,086,383	(81,930,814,743)	27,119,182,067	132,248,823,307
Corporate income tax	1,033,178,427	4,273,565,211	(1,033,178,427)	44,232,720	4,317,797,931
Others	109,159,271	3,000,000	(109,159,271)	2,000,000	5,000,000
TOTAL	36,589,707,298	155,889,651,594	(83,073,152,441)	27,165,414,787	136,571,621,238

22. SHORT-TERM ACCRUED EXPENSES

VND

	Ending balance	Beginning balance
Transporting and forwarding expenses	12,383,295,399	18,835,103,753
Warehouse rental fee	4,911,581,447	9,972,067,403
Loan interest	3,933,797,835	3,022,651,929
Others	4,061,940,182	4,758,823,870
TOTAL	25,290,614,863	36,588,646,955

23. OTHER PAYABLES

	VND	
	Ending balance	Beginning balance
Short-term	162,359,972,989	220,741,416,933
Receipt on behalf of shipping agencies	98,718,903,564	160,990,407,981
Tickets and international freight collected on behalf	19,175,677,391	17,800,000,000
Deposits received	14,521,848,978	13,723,035,370
Interest expense	12,309,779,221	12,499,025,620
Commissions	5,646,680,106	670,526,450
Dividends	1,321,325,260	6,175,703,632
Others	10,665,758,469	8,882,717,880
Long-term	17,639,907,095	18,695,607,789
Deposits received	17,639,907,095	18,695,607,789
TOTAL	179,999,880,084	239,437,024,722
<i>In which:</i>		
<i>Payables to related parties (Note 34)</i>	449,336,758	763,824,376
<i>Payables to third parties</i>	179,550,543,326	238,673,200,346

24. LOANS

	VND	
	Ending balance	Beginning balance
Short-term	420,596,804,664	278,622,398,176
Bank loans (Note 24.1)	154,934,871,696	179,082,576,379
Current portion of bonds (Note 24.4)	176,727,272,724	-
Current portion of long-term loans (Note 24.2)	60,023,276,319	52,875,606,788
Current portion of loans from a related party (Note 24.3)	24,616,200,000	41,445,679,100
Current portion of long-term finance leases	-	923,351,984
Other loans	4,295,183,925	4,295,183,925
Long-term	1,778,225,777,886	545,535,750,068
Bank loans (Note 24.2)	1,290,183,996,071	150,533,350,074
Loans from a related party (Note 24.3)	73,848,600,000	102,502,400,000
Bonds (Note 24.4)	414,193,181,815	292,499,999,994
TOTAL	2,198,822,582,550	824,158,148,244

Movements of loans and bonds are as follows:

	VND		
	Short-term	Long-term	Total
Beginning balance	278,622,398,176	545,535,750,068	824,158,148,244
Acquisition of subsidiaries	-	841,999,995,546	841,999,995,546
Drawdown of loans	430,668,580,096	674,430,125,919	1,105,098,706,015
Revaluation	666,400,000	(4,037,600,000)	(3,371,200,000)
Allocation of bonds' issuance costs	-	2,920,454,545	2,920,454,545
Repayment of loans and bonds	(564,357,244,953)	(7,626,276,847)	(571,983,521,800)
Current portion of long-term loans and bonds	274,996,671,345	(274,996,671,345)	-
Ending balance	420,596,804,664	1,778,225,777,886	2,198,822,582,550

24.1 Short-term bank loans

Details of short-term bank loans to finance the Group's working capital are as follows:

Bank	Ending balance	Maturity date	Interest rate	Description of collateral	
	(VND)	(USD)	% p.a.		
Woori Bank Vietnam Limited					
Loan 1	56,415,994,374	-	27 April 2024	4.54	Unsecured
HSBC Bank Vietnam Limited					
Loan 1	36,813,599,946	-	7 March 2024	4.5-5.5	Unsecured
Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam - Ho Chi Minh Branch					
Loan 1	35,743,055,184	-	8 March 2024	6.1	Term deposits with total amount of 20,150,000,000 VND (Note 10)
Standard Chartered Bank Limited					
Loan 1	17,094,000,000	700,000	30 May 2024	10.03	Unsecured
Shinhan Bank Vietnam Limited					
Loan 1	8,868,222,192	-	From 21 January 2024 to 27 March 2024	4.5-5.8	Guarantee contract by the Transimex Corporation
TOTAL	154,934,871,696				

24.2 Long-term bank loans

Details of long-term bank loans to finance the Group's working capital requirements are as follows:

Bank	Ending balance (VND)	Maturity date	Interest rate % p.a.	Description of collateral
Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade - Hong Bang Branch				
Loan 1	841,999,995,546	From 25 December 2026 to 3 October 2030	8.4 - 10.5	Land use rights, ownership of houses and other assets attached to land. Property rights arising from "the Investing in construction and operating a port to receive ships of 30,000 DWT to 40,000 DWT to reduce load project" at Dinh Vu Peninsula, Dinh Vu - Cat Hai Economic Zone, Dong Hai 2 Ward, Hai An District, Hai Phong City. All machinery, equipment and means of transport to be formed in the future under the above project;
Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade - Ho Chi Minh Branch				
Loan 1	241,130,697,348	From 20 June 2025 to 31 December 2030	6.7	Mortgage of land use rights with an area of 26,196m ² at land plot No. 728, map sheet No.5, Long Hiep Commune, Ben Luc District, Long An province belonging to the Long An cold storage project
Shinhan Bank Vietnam Limited				
Loan 1	135,571,428,571	From 25 March 2024 to 8 June 2030	9.3	Vessels
Loan 2	73,151,161,884	From 25 August 2024 to 25 November 2028	7.0	Land use rights at No. 49 Phan Dang Luu, Hoa Cuong Nam Ward, Hai Chau District, Da Nang City and No. 184 Tran Phu Street, Phuoc Ninh Ward, Hai Chau District, Da Nang City
Loan 3	46,000,000,000	From 5 January 2024 to 23 July 2026	7.0	Receivables from land and assets attached to land according to the Certificate of Land Use Rights, ownership of houses and assets attached to land. Machinery and transportation; and a guarantee contract issued by the Transimex Corporation

Bank	Ending balance (VND)	Maturity date	Interest rate % p.a.	Description of collateral
Loan 4	3,791,839,343	From 24 January 2024 to 13 April 2028	7.5-10.9	Tractors, trucks and a car
Loan 5	1,993,000,000	From 24 January 2024 to 5 January 2025	6.99	Supply and Construction Contract No. 01/2019/HĐ/SGI-TMS and guarantee issued by TMS
Woori Bank Vietnam Limited				
Loan 1	6,569,149,698	From 4 July 2024 to 4 September 2028	7.2	Land use right, building, facilities, machineries and equipment
TOTAL	1,350,207,272,390			
<i>In which:</i>				
<i>Current portion</i>	60,023,276,319			
<i>Non-current portion</i>	1,290,183,996,071			

24.3 Loans from a related party

The Group obtained a loan from Ryobi Holdings Co., Ltd., a related party, as follows:

Name	Ending balance (VND)	Ending balance (JPY)	Maturity date	Interest rate % p.a.	Description of collateral
Ryobi Holdings Co., Ltd.					
Loan 1 - JPY	98,464,800,000	560,000,000	From 29 March 2024 to 29 September 2027	1.75	Machinery and equipment of Central Port Warehouse at TICD and Logistics Center Transimex Da Nang; and 1,500,000 shares of VNT
<i>In which:</i>					
<i>Current portion</i>	24,616,200,000				
<i>Non-current portion</i>	73,848,600,000				

24. LOANS AND BORROWINGS (CONTINUED)

24.4 Long-term bonds

Details of long-term bonds the Group issued to finance its investment and working capital requirements are as follows:

Release date	Ending balance (VND)	Maturity date	Interest rate % p.a	Description of collateral
Date of issuance: 13 August 2021	300,000,000,000	13 August 2026 Bondholders have right to request the Group to buy back all or part of the bonds after 3 years (13 August 2024) from the date of issuance with the condition that the bondholder must send a notice to exercise this selling option at least 9 months before the intended date of exercising the option.	8.3	17,300,000 shares of CLX and 16,500,000 shares of VNF and 300,000 shares of PDN
Date of issuance: 14 June 2023	300,000,000,000	14 June 2026 Bondholders have its right to request the Group to buy maximum 50% of the issued bonds after 18 months (14 December 2024) from the date of issuance with the condition that the bondholder must send a notice to exercise this selling option at least 90 days before the intended date of exercising the option.	10.5	9,000,000 shares of TMS owned by shareholders; and 1,000,000 shares of PDN
Un-allocated bond issuance cost	(9,079,545,461)			
TOTAL	590,920,454,539			
<i>In which:</i>				
Current portion	180,000,000,000			
Non-current portion	420,000,000,000			

25. BONUS AND WELFARE FUND

	Beginning balance	Appropriation from profit (*)	Utilization in year	Ending balance
Bonus and welfare fund	34,653,931,685	7,748,858,683	(17,220,055,295)	25,182,735,073
Welfare fund has established fixed assets	114,352,977	1,918,423,080	-	2,032,776,057
Operation and bonus funds of the Board of Directors, Board of Supervision and management	20,184,644,541	6,538,314,016	(7,778,000,818)	18,944,957,739
TOTAL	54,952,929,203	16,205,595,779	(24,998,056,113)	46,160,468,869

(*) Appropriation from profits comprises the operation and bonus funds of Board of Directors, Board of Supervision and management from undistributed earnings of VND 8,401,849,195 in accordance with the shareholders in accordance with Resolution of the General Meeting of Shareholders No. 01/2023-BB DHDCD on 27 April 2023 and the Resolution of the Board of Directors ("BOD") No. 65/NQHĐQT NK5-TMS on 6 March 2023. and the appropriation for bonus and welfare funds of the Group's subsidiaries of VND 7,803,746,584.

26. OWNERS' EQUITY

26.1 Movements in owners' equity

	VND						
	Share capital	Share premium	Treasury shares	Investment and development fund	Other owners' equity	Undistributed earnings	Total
Previous year							
Beginning balance	1,058,715,480,000	716,705,756,123	(189,990,900)	154,721,919,506	9,959,446,608	1,165,728,934,021	3,105,641,545,358
Dividend shares	-	-	-	-	37,336,222,100	(37,336,222,100)	-
Contribution from non-controlling interest	-	-	-	-	-	(176,844,177)	(176,844,177)
Net profit for the year	-	-	-	-	-	660,744,996,699	660,744,996,699
Fund appropriation	-	-	-	2,000,000,000	405,529,887	(15,076,001,068)	(12,670,471,181)
Others	-	-	-	-	-	(613,543,203)	(613,543,203)
Ending balance	1,058,715,480,000	716,705,756,123	(189,990,900)	156,721,919,506	47,701,198,595	1,773,271,320,172	3,752,925,683,496
Current year							
Beginning balance	1,058,715,480,000	716,705,756,123	(189,990,900)	156,721,919,506	47,701,198,595	1,773,271,320,172	3,752,925,683,496
Bonus shares (*)	158,782,970,000	(158,782,970,000)	-	-	-	-	-
Dividend shares (**)	365,206,830,000	-	-	-	-	(365,206,830,000)	-
Dividend shares from subsidiaries	-	-	-	-	4,147,500,000	(4,147,500,000)	-
Net profit for the year	-	-	-	-	-	136,960,891,497	136,960,891,497
Fund appropriation	-	-	-	2,000,000,000	60,760,961	(6,663,359,785)	(4,602,598,824)
Others	-	-	-	-	-	(11,504,632)	(11,504,632)
Ending balance	1,582,705,280,000	557,922,786,123	(189,990,900)	158,721,919,506	51,909,459,556	1,534,203,017,252	3,885,272,471,537

(*) In accordance with the Resolution of the Annual General Meeting of Shareholders No. 01/2022-BB DHDCD-TMS on 28 April 2022, and the Resolution of the Board of Directors ("BOD") No.59/NQHĐQT NK5-TMS on 23 December 2022, the General Meeting of Shareholders and the BOD approved the plan to increase share capital by issuing the number of 15,878,989 shares (equivalent to a ratio of 100:15 on the number of outstanding shares) with a par value of VND 10,000/share to shareholders from the Company's share premium as at 31 December 2021.

On 8 February 2023, the Company issued 15,878,297 shares, with a performance ratio of 15%, to increase the share capital in accordance with the above resolutions. Accordingly, the Company's share capital increased from VND 1,058,715,480,000 to VND 1,217,498,450,000 on this date. On 17 February 2023, the Company received the amended Enterprise Registration Certificate issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City approving this increase in charter capital.

(**) In accordance with the Resolution of the BOD No. 04/NQHĐQT NK5-TMS on 24 July 2023, the BOD approved the plan to pay dividend in share for 2022. On 13 October 2023, the Company issued 36,520,683 shares to pay dividend for 2022. Accordingly, the Company's share capital increased from VND 1,217,498,450,000 to VND 1,582,705,280,000 VND on this date. On 8 November 2023, the Company received the amended Enterprise Registration Certificate issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City approving this increase in charter capital.

26.2 Capital transactions with owners

	VND	
	Current year	Previous year
Contributed share capital		
Beginning balance	1,058,715,480,000	1,058,715,480,000
Dividend by shares	365,206,830,000	-
Bonus shares	158,782,970,000	-
Ending balance	1,582,705,280,000	1,058,715,480,000
Dividends during the year		
<i>Stock dividend</i>	365,206,830,000	-

26.3 Ordinary shares

	Number of shares	
	Ending balance	Beginning balance
Shares authorised to be issued	158,270,528	105,871,548
Shares issued and fully paid	158,270,528	105,871,548
<i>Ordinary shares</i>	158,270,528	105,871,548
Treasury shares	(11,619)	(11,619)
<i>Ordinary shares</i>	(11,619)	(11,619)
Shares in circulation	158,258,909	105,859,929
<i>Ordinary shares</i>	158,258,909	105,859,929

The Company's shares are issued with par value of VND 10,000 per share. The holders of the ordinary shares are entitled to receive dividends as and when declared by the Company. Each ordinary share carries one vote per share without restriction.

26.4 Non-controlling interest

	VND	
	Current year	Previous year
Beginning balance	394,660,109,057	384,274,314,504
Shares acquisition and capital contribution	446,763,686,175	-
Contribution from non-controlling interest	26,149,552,100	22,716,400,000
Increase interest in subsidiaries	143,834,910	(12,500,025,646)
Net profit for the year	36,089,568,500	21,569,635,111
Dividend declared	(16,407,097,800)	(17,541,362,576)
Fund appropriation	(3,502,952,805)	(3,988,848,273)
Others	(517,675,036)	129,995,937
Ending balance	883,379,025,101	394,660,109,057

26.5 Earnings per share

Basic and diluted earnings per share are calculated as follows:

	Current year	Previous year (Restated)
Net profit after tax (VND)	136,960,891,497	660,744,996,699
Net profit after tax attributable to ordinary shareholders (VND)	136,960,891,497	660,744,996,699
Weighted average number of ordinary shares	158,258,909	158,258,909
Basic earnings per share (VND/share)	865	4,175
Diluted earnings per share (VND/share)	865	4,175

Weighted average number of ordinary shares for earnings per share computation for the year ended 31 December 2022 as presented in the consolidated financial statements for the same year was restated to reflect the issuance of 15,878,297 shares in form of stock dividend in February 2023 and issue 36,520,683 shares to stock dividends in 2022 from undistributed earnings in October 2023.

There have been no dilutive potential ordinary shares during the year and up to the date of these consolidated financial statements.

27. REVENUE

27.1 Revenue from sale of goods and rendering of services

	VND	
	Current year	Previous year
Gross revenue	2,403,225,044,262	3,656,259,677,895
Transportation charges, air tickets and forwarding services	1,899,560,015,630	2,752,050,132,335
Warehousing and barge services	320,945,359,506	542,990,545,819
Leasing offices	64,081,032,959	60,188,144,481
Revenue from selling real estate	-	187,000,000,000
Other services	118,638,636,167	114,030,855,260
Deductions		
Airline tickets were refunded	(13,406,743,467)	(8,171,830,186)
Net revenue	2,389,818,300,795	3,648,087,847,709
<i>In which:</i>		
<i>Sales to related parties</i>	31,546,646,257	23,420,727,803
<i>Sales to other parties</i>	2,358,271,654,538	3,624,667,119,906

27.2 Finance income

	VND	
	Current year	Previous year
Interest income	32,866,214,412	33,186,340,801
Foreign exchange gains	13,379,543,933	36,957,312,990
Gain from revaluation of fair value of investments (Note 4.3)	9,622,468,247	-
Dividends and profit shared	9,387,339,240	19,572,775,527
Gains from disposal of investments and held-for-trading securities	7,156,735,542	70,346,221,176
Others	88,235,157	145,213,417
TOTAL	72,500,536,531	160,207,863,911

28. COST OF SERVICES RENDERED

	VND	
	Current year	Previous year
Cost of transportation charges, air tickets and forwarding services	1,665,988,532,311	2,552,153,888,030
Cost of warehousing and barge services	176,405,839,553	372,908,420,174
Cost of leasing offices	27,465,509,438	27,744,193,416
Cost of selling investment real estate	-	52,469,830,889
Cost of other services	109,299,310,090	92,869,647,155
TOTAL	1,979,159,191,392	3,098,145,979,664

29. FINANCE EXPENSES

	VND	
	Current year	Previous year
Interest expenses	78,147,822,175	58,088,693,621
Foreign exchange losses	10,120,004,705	23,803,412,371
Bond issuance costs	2,920,454,545	5,455,954,125
Provision for held-for-trading securities losses	550,212,378	975,910,062
Others	149,406,833	371,368,633
TOTAL	91,887,900,636	88,695,338,812

30. SELLING EXPENSES AND GENERAL AND ADMINISTRATIVE EXPENSES

	VND	
	Current year	Previous year
Selling expenses	33,607,873,201	29,783,011,326
Commission expense	32,488,680,190	28,779,590,819
Others	1,119,193,011	1,003,420,507
General and administrative expenses	187,277,133,658	173,874,207,197
Labour cost	86,171,544,272	96,592,004,535
External services	63,905,468,395	44,975,604,624
Goodwill	6,302,581,384	6,302,581,384
Depreciation	5,585,057,298	2,419,514,917
Provision for doubtful debts	646,972,725	1,604,095,837
Office stationery	538,765,412	928,150,206
Others	24,126,744,172	21,052,255,694
TOTAL	220,885,006,859	203,657,218,523

31. OTHER INCOME

	VND	
	Current year	Previous year
Other income	10,718,740,227	11,263,499,641
Gains from cheap purchases (Note 4.3)	5,085,546,509	-
Compensation received	1,806,323,102	136,520,915
Income from disposal fixed assets	1,358,967,899	9,023,100,540
Others	2,467,902,717	2,103,878,186
Other expense	(7,162,056,606)	(8,614,805,388)
Penalty fee	(449,338,044)	(4,889,382,396)
Others	(6,712,718,562)	(3,725,422,992)
OTHER PROFIT	3,556,683,621	2,648,694,253

32. OPERATING COSTS

	VND	
	Current year	Previous year
Expenses for external services	1,662,351,085,077	2,632,770,989,961
Labour costs	264,483,689,688	326,713,016,584
Depreciation and amortisation	129,279,507,203	118,273,903,051
Raw materials	82,239,090,261	149,001,634,636
Other expenses	64,048,468,228	75,043,653,955
TOTAL	2,202,401,840,457	3,301,803,198,187

33. CORPORATE INCOME TAX

The statutory corporate income tax ("CIT") rate applicable to the Company and its subsidiaries is 20% of taxable profits.

The tax returns filed by the Company and its subsidiaries are subject to examination by the tax authorities. As the application of tax laws and regulations are susceptible to varying interpretations, amounts reported in the consolidated financial statements could be changed at a later date upon final determination by the tax authorities.

33.1 CIT expense

	VND	
	Current year	Previous year
Current CIT expense	63,685,038,496	95,436,963,692
Adjustment for under-accrual of CIT in previous year	191,127,282	6,384,526,518
	63,876,165,778	101,821,490,210
Deferred tax income	(22,600,816,586)	(9,906,409,331)
TOTAL	41,275,349,192	91,915,080,879

The reconciliation between CIT expense and the accounting profit multiplied by CIT rate is presented below:

	VND	
	Current year	Previous year
Accounting profit before tax	214,325,809,189	774,229,712,689
At CIT rate of 20%	42,865,161,838	154,845,942,538
<i>Adjustments:</i>		
Non-deductible expenses	2,497,500,950	4,237,383,337
Amortisation of goodwill	1,260,516,277	1,260,516,277
Adjustment for under-accrual of CIT from prior year	191,127,282	6,384,526,518
Unrecognised deferred tax assets related to taxable losses carrying forward	17,051,902,022	-
Adjustment related to Decree No. 132/2020/ND-CP (*)	(238,427,808)	(760,507,552)
Dividends	(1,748,330,385)	(3,914,555,105)
Consolidation adjustments	(2,307,974,610)	8,956,120,826
Provisions for investments in subsidiaries and associates	(10,219,648,948)	(8,337,577,197)
Shared in profit of associates	(8,076,477,426)	(70,756,768,763)
CIT expense	41,275,349,192	91,915,080,879

33.2 Current expense

The current CIT payable is based on taxable profit for the current year. The taxable profit of the Group for the period differs from the profit as reported in the consolidated income statement because it excludes items of income or expense that are taxable or deductible in other periods and it further excludes items that are not taxable or deductible. The Group's liability for current tax is calculated using tax rates that have been enacted at the balance sheet date.

33.3 Deferred tax

The following are the deferred tax assets recognised by the Company, and the movements thereon, during the current and previous years.

	Consolidate balance sheet		Consolidate income statement	
	Ending balance	Beginning balance	Current year	Previous year
Provision for long-term investments	18,557,226,145	8,337,577,197	10,219,648,948	8,337,577,197
Unrealized profit	3,283,946,200	1,568,832,134	1,715,114,066	1,568,832,134
Profit of revaluation of assets (Note 4.3)	-	-	11,164,129,370	-
Others	-	-	(498,075,798)	-
Deferred tax assets	21,841,172,345	9,906,409,331		
Deferred tax income			22,600,816,586	9,906,409,331

33.4 Tax losses carried forward

The Group is entitled to carry tax loss forward to offset against taxable income arising within five (5) years subsequent to the year in which the loss was incurred. At the balance sheet date, the Group has aggregated accumulated tax losses of VND 85,259,510,110 (31 December 2022: VND 0) available for offset against future taxable income. Details are as follows:

			Utilised up to		Unutilised at
Originating year	Can be utilised up to	Tax losses amount	31 December 2023	Forfeited	31 December 2023
2023	2028	85,259,510,110	-	-	85,259,510,110

Estimated tax losses as per the Group's corporate income tax declarations for these years have not been audited by the local tax authorities as of the date of these consolidated financial statements.

No deferred tax assets were recognised in respect of the remaining VND 85,259,510,110 because future taxable income cannot be ascertained at this stage.

33.5 Interest expense exceeds the prescribed threshold

The Group's subsidiaries are entitled to carry forward interest expense exceeding the prescribed threshold that have not been deducted when calculating CIT for the current year ("non-deductible interest expenses") to the following year when determining the total deductible interest expenses of the following year. The subsequent period that the interest expense can be carried forward to will not exceed consecutive period of 5 years subsequent to the year in which the non-deductible interest expense incurred. At the consolidated balance sheet date, the Group has aggregated non-deductible interest expenses available as follows:

Originating year	Can be utilised up to	Non-deductible interest expenses incurred	Utilised up to 31 December 2023		Unutilised at 31 December 2023
				Forfeited	
2022	2027	93,234,282,385	-	-	93,234,282,385
2023	2028	72,647,749,309	-	-	72,647,749,309
TOTAL		165,882,031,694	-	-	165,882,031,694

No deferred tax assets were recognised in respect of the remaining non-deductible interest expense of VND 165,882,031,694 as at 31 December 2023 (as at 31 December 2022: VND 93,234,282,385) because of the uncertainty in predicting whether this non-deductible interest expense will be carried forward in the remaining time limit or not.

34. TRANSACTIONS WITH RELATED PARTIES

List of related parties that have a controlling relationship with the Group during the year and as at 31 December 2023 is as follows:

Related parties	Relationship
Mr Bui Tuan Ngoc	Chairman
Mr Le Duy Hiep	Vice Chairman cum General Director
Mr Huynh An Trung	Independent member of BOD (from 27 April 2023)
Mr Vo Hoang Giang	Independent member of BOD (from 27 April 2023)
Mr Toshiyuki Matsuda	Member of BOD
Mr Charvanin Bunditkitsada	Member of BOD
Mr Bui Minh Tuan	Member of BOD
Mr Nguyen Bich Lan	Member of BOD (up to 27 April 2023)
Mr Ton That Hung	Deputy General Director
Mr Nguyen Chi Duc	Deputy General Director
Mr Le Phuc Tung	Deputy General Director
Mr Nguyen Hoang Hai	Deputy General Director (from 6 March 2023)
Mr Le Van Hung	Finance Director
Mr Pham Xuan Quang	Chief Accountant (from to 4 March 2024)
Ms Nguyen Hong Kim Chi	Chief Accountant (up to 4 March 2024)

Related parties	Relationship
Mr Nguyen Bao Trung	Deputy General Director (up to 13 February 2023)
Ms Le Thi Ngoc Anh	Head of BOS (up to 1 March 2024)
Mr Vu Chinh	Member of BOS (from to 27 April 2023) Member of BOD (up to 27 April 2023)
Ms Le Thi Tuong Vy	Member of BOS
Ms Nguyen Kim Hau	Member of BOS (up to 27 April 2023)
Ms Phan Phuong Tuyen	Member of BOS (up to 27 April 2023)
Ms Nguyen Thi Thai Nhi	In charge of management
TOT	Direct subsidiary
BDS	Direct subsidiary
DC	Direct subsidiary
SHTL	Direct subsidiary
SHTP	Indirect subsidiary
VNF	Direct subsidiary
TLL	Direct subsidiary
Vinatrans Da Nang	Indirect subsidiary
VLL	Indirect subsidiary
LAL	Direct subsidiary
HYL	Direct subsidiary
IHY	Direct subsidiary (up to 14 December 2023)
TICD	Direct subsidiary
TSP	Direct subsidiary
TJC	Direct subsidiary (from 31 October 2023) Associate (to 31 October 2023)
MIPEC	Indirect subsidiary (from 26 December 2023) Associate (to 26 December 2023)
LAI	Indirect subsidiary
Vector International Aviation Service Co.,Ltd	Indirect subsidiary
Viet Way Investment Development Trading Company Limited	Indirect subsidiary
SFS Vietnam Global Logistics Company Limited	Indirect subsidiary
Vietnam Xue Hang Logistics Company Limited	Indirect subsidiary
CLX	Associate
VNT	Associate
SPV	Associate
HACT	Associate
Nippon	Joint venture

Related parties	Relationship
Vinh Loc Industrial Parks Power Joint Stock Company	Associate
Ryobi Holdings Co., Ltd. ("Ryobi")	Related company of Member of BOD
Ryobi International Logistics Vietnam Joint Stock Company	Major shareholder
JWD Infologistics Public Company Limited	Major shareholder
Thien Hai Investment and Trading Co., Ltd	Related company of Chairman of BOD
Toan Viet Investment Corporation	Related company of Chairman of BOD
Phu Nhuan Trading Joint Stock Company	Related company of Chairman of BOD
Hoc Mon Trading Joint Stock Company	Related company of Deputy General Director
Vinaprint Corporation	Related company of Chairman of BOD
MACS Shipping Corporation	Related company of Vice Chairman of BOD
Vina Investment Joint Stock Company	Related company of Member of BOD
Garmex Saigon Corporation	Related company of Member of BOD
Merufa Joint Stock Company	Related company of Member of BOD
Haneco Export-Import Joint Stock Company	Related company of Member of BOD
Vinalink Logistics Corporation	Related company of the Head of BOS
Konoike Vinatrans Logistics Co., Ltd	Related company of the Member of BOS
Ben Thanh Service Joint Stock Company	Related company of Finance Director
AP Supply Chain Joint Stock Company	Related company of Deputy General Director
Hazardous Substances Logistics Association	Related company of Member of BOD
JWD Asia Holding Private Company	Related company of Member of BOD
Saigon Port Joint Stock Company	Related company of Member of BOD
Sai Gon Port Technical Service Commercial Joint Stock Company	Related company of Member of BOD
Ho Chi Minh City Finance and Investment State owned Company	Related company of Member of BOD
Cholimex Food Joint Stock Company	Related company of Member of BOD
Vinh Loc – Ben Thanh Services Joint Stock Company	Related company of the Head of BOS

Significant transactions with related parties during the year were as follows:

Related party	Nature of transaction	VND	
		Current year	Previous year
Nippon	Dividend income	117,000,000,000	116,500,000,000
	Rendering of services	7,930,974,136	13,810,006,377
	Payment on behalf	392,191,500	-
	Purchase of service	11,660,971	-
Vina Investment Joint Stock Company	Purchase shares	104,987,520,000	-
	VNT	Convertible bonds	25,200,200,000
VNT	Purchase of services	2,000,285,135	11,221,500
	Receipt of capital	1,822,040,000	-
	Dividend expense	1,295,848,800	-
	Interest income	992,848,893	653,471,001
AP Supply Chain Joint Stock Company	Rendering of services	285,572,570	145,088,566
	Lending Interest income	45,200,000,000	-
		1,458,671,233	-
	Ryobi	Loan repayment	42,184,815,100
Ryobi	Interest expense	1,907,140,768	-
	HACT	Dividend income	8,000,000,000
HACT	Purchase of services	4,065,391,000	70,612,458
	Rendering of services	2,983,891,101	1,732,531,746
SPV	Rendering of services	3,619,180,528	7,733,101,114
CLX	Dividend income	7,822,140,000	7,822,140,000
	Receipt of capital	1,822,040,000	-
	Dividend expense	601,273,800	-
	Purchase services	-	193,412,727
MIPEC (associate up to 26 December 2023)	Capital contribution	59,523,200,000	229,622,050,000
	Diposal of fixed assets	13,181,562,790	-
	Rendering of services	1,866,086,028	-
	Purchase of service	971,959,534	-
	Lending	-	8,000,000,000

				VND
Related party	Nature of transaction	Current year	Previous year	
	Collection of lending	-	8,000,000,000	
TJC (associate up to 31 October 2023)	Dividend income	5,109,816,000	-	
	Purchase of services	569,103,141	6,685,540,437	
	Rendering of services	12,430,000	-	
	Capital contribution	-	27,667,143,442	
Vinaprint Corporation	Purchase of service	24,730,676,207	-	
	Rendering of services	3,571,953,320	-	
	Deposit receivables	319,650,000	-	
Hoc Mon Trading Joint Stock Company	Purchase of goods	18,517,381,817	-	
Cholimex Food Joint Stock Company	Rendering of services	8,680,626,303	-	
MACS Shipping Corporation	Purchase of service	5,125,835,916	-	
	Rendering of services	86,400,200	-	
Ryobi International Logistics Vietnam Joint Stock Company	Rendering of services	1,399,311,445	-	
Thien Hai Investment and Trading Co., Ltd	Rendering of services	746,158,241	-	
	Purchase of service	128,893,649	-	
Phu Nhuan Trading Joint Stock Company	Purchase of service	380,928,704	-	
Vinalink Logistics Corporation	Purchase of service	415,523,235	-	
	Rendering of services	364,062,363	-	

Amounts due from and due to related parties at the balance sheet date were as follows:

				VND
Related party	Nature of transaction	Ending balance	Beginning balance	
Held-to-maturity investments (Note 6.2)				
VNT	Bond	-	25,200,200,000	
Short-term trade receivables (Note 7)				
Cholimex Food Joint Stock Company	Rendering of services	1,798,092,160	-	
Nippon	Rendering of services	623,213,304	1,791,013,816	
SPV	Rendering of services	514,836,084	643,558,053	
HACT	Rendering of services	350,256,374	445,175,840	

				VND
Related party	Nature of transaction	Ending balance	Beginning balance	
Others	Rendering of services	157,578,895	-	
		3,443,976,817	2,879,747,709	
Short-term loan receivable (Note 9)				
AP Supply Chain Joint Stock Company	Lending	45,200,000,000	-	
Other short-term receivables (Note 10)				
Mr Ton That Hung	Advance	63,598,445,689	49,233,186,200	
Ms Nguyen Thi Thai Nhi	Advance	3,850,000,000	-	
Mr Le Phuc Tung	Advance	180,000,000	-	
AP Supply Chain Joint Stock Company	Interest income	1,458,671,233	-	
Others	Collect on behalf	66,797,135	616,114,123	
		69,153,914,057	49,849,300,323	
Short-term trade payables (Note 20)				
Vinaprint Corporation	Purchase of services	2,389,171,536	-	
Hoc Mon Trading Joint Stock Company	Purchase of services	1,494,240,000	-	
VNT	Purchase of services	776,338,838	1,214,156,619	
HACT	Purchase of services	-	317,550,000	
		4,659,750,374	1,531,706,619	
Other payables (Note 23)				
Ryobi	Loan interest	439,045,048	763,824,376	
MACS Shipping Corporation	Collection on behalf	10,291,710	-	
		449,336,758	763,824,376	
Short-term loan (Note 24.3)				
Ryobi	Loan	24,616,200,000	41,445,679,100	
Long-term loan (Note 24.3)				
Ryobi	Loan	73,848,600,000	102,502,400,000	

Other transactions with related parties

Remuneration to members of the Board of Directors ("BOD"), the Board of Supervision ("BOS"), Management and other executives:

				VND
	Position	Current year	Previous year	
Mr Bui Tuan Ngoc	Chairman	3,088,746,702	4,162,378,408	

		VND	
	Position	Current year	Previous year
Mr Le Duy Hiep	Vice Chairman cum General Director	2,354,169,831	3,237,291,880
Mr Charvanin Bunditkitsada	Member of BOD	257,500,000	526,600,000
Mr Vu Chinh	Independent member of BOD (to May 2023)	273,333,334	512,095,738
Mr Bui Minh Tuan	Member of BOD	228,888,888	512,095,738
Mr Nguyen Bich Lan	Member of BOD (to May 2023)	273,333,334	512,095,738
Mr Vo Hoang Giang	Independent member of BOD (from May 2023)	177,777,776	-
Mr Huynh An Trung	Independent member of BOD (from May 2023)	177,777,776	-
Mr Masafumi Inoue	Independent member of BOD (to May 2022)	-	411,600,000
Mr Toshiyuki Matsuda	Member of BOD	257,500,000	115,000,000
Ms Le Thi Ngoc Anh	Head of BOS	228,888,888	272,920,803
Mr Vu Chinh	Member of BOS (from May 2023)	133,333,336	-
Ms Le Thi Tuong Vy	Member of BOS (from May 2023)	133,333,336	-
Ms Nguyen Kim Hau	Member of BOS (to May 2023)	65,555,556	215,669,974
Ms Phan Phuong Tuyen	Member of BOS (to May 2023)	65,555,556	215,669,974
Mr Nguyen Hoang Hai	Deputy General Director (from 9 January 2023)	1,922,395,822	-
Mr Le Phuc Tung	Deputy General Director	1,182,523,419	1,591,858,013
Mr Nguyen Bao Trung	Deputy General Director (to 13 February 2023)	234,847,187	1,498,458,348
Mr Nguyen Chi Duc	Deputy General Director	25,091,312	704,691,619
Mr Ton That Hung	Deputy General Director	1,138,633,322	660,180,362
Mr Le Van Hung	Finance Director	825,363,218	1,203,609,157
Ms Nguyen Hong Kim Chi	Chief Accountant	721,671,672	940,383,148
TOTAL		13,766,220,265	17,292,598,900

35. COMMITMENTS

Operating lease out commitments

The Group leases out assets under an operating lease arrangement, with future minimum rent receivables at the balance sheet date is as follows:

		VND	
		Ending balance	Beginning balance
Less than 1 year		28,751,521,361	34,573,788,174
From 1 to 5 years		19,050,315,342	56,203,928,006
TOTAL		47,801,836,703	90,777,716,180

Operating lease commitments

The Group leases office premises under an operating lease arrangement, with future minimum lease payables as at balance sheet date due as follows:

		VND	
		Ending balance	Beginning balance
Less than 1 year		79,698,867,378	33,554,219,032
From 1 to 5 years		247,932,669,518	92,354,889,247
Over 5 years		183,196,309,452	147,397,738,464
TOTAL		510,827,846,348	273,306,846,743

Other commitment

As at the balance sheet date, the Group has the guarantee to loan of a related parties with credit limit as follows:

		VND	
Related parties	Transaction	Ending balance	Beginning balance
TLL	Bank loan	46,000,000,000	80,000,000,000
TOT	Bank loan	8,868,222,192	-
SHTP	Bank loan	1,993,000,000	32,434,699,150
		56,861,222,192	112,434,699,150

36. OFF BALANCE SHEET ITEM

	Ending balance	Beginning balance
Foreign currencies		
- United States dollar (USD)	1,480,477	6,202,220
- Hong Kong dollar (HKD)	2,500	2,500

37. EVENT AFTER THE BALANCE SHEET DATE

On 21 February 2024, the Group disposed 100,800 shares of CLX, and its direct ownership decreased from 30.11% to 29.99%.

TOT issued 2,326,309 its ordinary shares to the Company for debt conversion with a total amount of VND 30,242,017,000 in accordance with TOT's Board of Directors' Resolution No. 04/2024/NQ.HĐQT-TOT dated 1 March 2024. As at the date of these consolidated financial statements, TOT is in the process to complete the necessary legal requirement of such share issuance and capital increase.

In according with Resolution of the Board of Directors ("BOD") No. 19/NQHĐQT NK6-TMS on 4 March 2024, the BOD approved the implementation of the investment in AP Supply Chain Joint Stock Company.

Except for the above events, there have been no significant events occurring after the balance sheet date which would require adjustments or disclosures to be made in the consolidated financial statements of the Group.

Phan Thi Mai Tram
Preparer

Pham Xuan Quang
Chief Accountant



Bui Tuan Ngoc
Chairman

Ho Chi Minh City, Vietnam

29 March 2024



HEAD OFFICE
9th - 12th Floor, TMS Building,
172 Hai Ba Trung, DaKao Ward,
District 1, Ho Chi Minh City, Viet Nam

T: (84-28) 2220 2888
F: (84-28) 2220 2889
E: info@transimex.com.vn

www.transimex.com.vn